



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Jonathensautter (Pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), tr. 3
- **DƯỚI TÁN CÂY BỒ ĐỀ, CON CÀI HỒNG HOA TRẮNG...** (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), tr. 6
- **NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC, t.t.** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 7
- **VỀ PHỞ CHỢ XƯA** (thơ Mặc Phương Tử), trang 10
- **CÚNG DƯƠNG CHA MẸ** (Quảng Tánh), trang 11
- **TỨ CÚ CA DAO "SONG THÂN PHỤ MẪU"** (thơ Vĩnh Hữu TK), trang 12
- **VÌ MANG MẠCH CỦA PHẬT PHÁP** (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 13
- **NHƯ NHIÊN LÀ MẸ** (thơ Phù Du), trang 14
- **GIÁO LÝ DUYÊN SINH DẪN DẮT TOÀN BỘ SINH HOẠT CON NGƯỜI** (Nguyên Siêu), trang 15
- **VỊ THƠM THẢO MUÔN ĐỜI** (thơ Thanh Nguyễn), trang 18
- **CHIẾC ÁO KHÔNG LÀM NÊN NHÀ SƯ** (T. Tâm Nhãn), tr. 19
- **VU LAN KHÔNG CÓ BA** (TN. Hạnh Đoan), trang 22
- **PHÁP HỌC "TÙY DUYÊN THUẬN PHÁP"** (TN. Hằng Như), trang 26
- **DẶM TRƯỜNG, VÔ ƯU** (thơ Quý Hồng), trang 28
- **THÔNG BÁO SỐ 4** (Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ), trang 29
- **TRÊN ĐỈNH TRÍ TUỆ** (PP. Thứ Năm - Nhóm Áo Lam), tr. 30
- **THIỆN SƯ HẢI BÌNH BẢO TẠNG... t.t.** (Thích Thánh Minh), trang 31
- **DÂNG TRỌN TIM CON** (thơ TN Giới Định), trang 34
- **MẸ, VÀ NHỮNG TIẾP NỐI** (Huệ Trân), trang 39
- **LÒNG HIẾU CHIM OANH VŨ** (thơ TM Ngô Tăng Giao), tr. 41
- **GIẤC MƠ TRƯỜNG SƠN CỦA TUỆ SỸ** (Bạch Xuân Phê), tr. 42
- **TRUYỆN CỤC NGẮN HOÀNG LONG**, trang 44
- **ĐỊNH HƯƠNG** (thơ Minh Trí), trang 45
- **VÔ THƯỜNG** (Nguyễn Phan Thụy Chi), trang 46
- **QUẢ BÓNG** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 47
- **NẤU CHAY: RUỐC CHÂN NẤM HƯƠNG** (Thảo Nguyễn), tr. 48
- **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **PHIẾM LUẬN VỀ CHỮ HIẾU** (QK Vô Đỉnh Ngoạn), trang 51
- **NGHĨA TRANG BUỔI CHIỀU** (thơ Diệu Viên) trang 53
- **ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 3 NK IV** (Th. Huy), tr. 54
- **SỬ TA SỬ TÀU** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 56
- **KHOẢNG TRỜI YÊU THƯƠNG** (thơ Tịnh Bình), trang 57
- **GAN NHIỆM MỒ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- **MẸ HÁT** (thơ Hoang Phong), trang 59
- **DUYÊN NGHIỆP LUÂN HỒI** (thơ Hoàng Thục Uyên), tr. 60
- **CỜ TRÓI tập 1 - chương 5** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- **CON ĐÀU** (thơ Tâm Tấn), tr. 65
- **OANH VŨ CỨU ĐÀN** (Truyện cổ Phật giáo), trang 66
- **NAY VỀ BÊN MẸ TRÔNG LÊN...** (thơ Lưu Lăng Khách), tr. 68
- **THE STORY OF THERA DHAR-MARAMA** (Daw Tin), trang 69

Báo Chánh Pháp số 141, tháng 08 năm 2023, do Thiền Viện Chánh Pháp (Oklahoma, OK) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

NIỆM TƯỜNG VÔ TẬN

Nắng như thiêu đốt suốt những ngày qua. Luồng gió nóng thốc qua sân nhà tưởng chừng làm héo hắt thêm cho những nhánh lá đã khô quắt từ tuần trước. Mấy con chim sẻ sà xuống tìm nước nơi vòi tưới. Vườn hồng vẫn kiên gan trở sắc. Trời xanh ngát, không gợn mây.

Thân xác rã rời sau cơn ho rũ rượi; nằm im lặng nghe chân ngôn đồng vọng cùng nhịp gõ của đồng hồ treo tường. Và đâu đó, tiếng hát nhỏ nhỏ của mẹ hiền cũng vọng về từ một cõi xa xưa. Tiếng mẹ ầm ru con giấc nồng. Bao nhiêu giấc ngủ trong lòng mẹ đủ cho con thấm đượm tình thương yêu, đủ cho con thấm đượm thi ngôn và những ca từ tao nhã, thanh cao. Ra khỏi vòng tay mẹ, ra khỏi giấc ngủ êm đềm không mộng寐... con lớn lên, mở mắt hiểu kỳ, mở chí cao rộng, và bắt đầu dẫn mình vào cuộc phiêu lưu tưởng như bất tận trong cuộc đời. Phiêu lưu trong rừng kiến thức. Phiêu lưu trong vườn tình ái. Phiêu lưu trên hành trình tìm về neo chân. Càng phiêu lưu, khám phá, càng thấy không có gì mà không bất tận. Kiến thức chuyển thành đương nghiệm thực tại; tình ái chuyển thành từ bị; hành trình chuyển thành hành nguyện. Ngay cả những mộng tưởng, những huyền cảnh vô thường, và kiếp sống, cũng luôn mở ra đến vô tận. Là bởi chúng không có chỗ chấm dứt. Là bởi chúng luôn chuyển động, chuyển hóa, duyên hợp với tất cả những thứ khác để hiện hữu trong một hình thái mới.

Trở mình, gác tay lên trán, nhìn trần nhà. Nhớ năm xưa, dáng cha hiền nằm bên con trên giường tre ọp ẹp, trong căn thất lợp tranh, dưới đêm trăng sáng. Gỡ tay con khỏi trán, ba hỏi có phải con có nhiều điều trăn trở. Con im lặng không trả lời. Tuổi trẻ xung thiên chí chí, đau lòng vận nước điêu linh, làm sao khỏi những đêm trăn trở, nhìn mông lung nhật nguyệt thiên hà xa xăm... Chúng sinh vô biên vì phiền não vô tận. Niềm đau vô tận nén vào tim. Biết nói chi bây giờ. Cha con im lặng. Đêm như dài vô chung.

Ngày cha mẹ khuất núi, người con phương xa không có mặt. Lệ nóng lặn dài trên da nhăn. Đường trần vẫn dài xa. Mịt mù cát bụi tung bay những chiều hoang vắng lặng. Vườn hồng ngũ sắc không hoa trắng. Tưởng niệm song thân, mở trang thơ bao la đất trời...



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

TÂY BAN NHA: Trung tâm Tu học Phật giáo Arya Tara ở Madrid lên kế hoạch cho Hội nghị Phật giáo Tôn vinh Thiền sư Thích Nhất Hạnh

Centro de Retiros budista Arya Tara (Trung tâm Tu học Phật giáo Arya Tara) ở Tây Ban Nha, đã thông báo rằng họ sẽ dành tặng hội nghị Phật giáo "III Jornadas de Budismo" năm nay ở Madrid cho Thiền sư Thích Nhất Hạnh, người đã viên tịch vào tháng 1-2022.

Trong hội nghị "Jornadas de Budismo lần III" tại Madrid nói trên, sẽ có một cuộc triển lãm các bức thư pháp của Thầy Thích Nhất Hạnh, các buổi trình diễn âm nhạc và một bộ phim tài liệu tiểu sử về ông trên trang web Centro de Retiros budista Arya Tara.

"Trung tâm Retiros Budista Arya Tara là một hiệp hội phi lợi nhuận (số đăng ký: 40052) và không nhận tài trợ tư nhân hay công cộng," María Drolma - chủ tịch trung tâm - cho biết. "Vì chúng tôi đã trang trải chi phí cho địa điểm hội nghị và một số chi phí khác, chẳng hạn như mời một giảng viên từ bên ngoài Madrid, nên chúng tôi yêu cầu quyên góp 15 Euros cho Lễ kính viếng Thiền sư Thích Nhất Hạnh, sẽ được tổ chức tại Madrid từ 10 :30 AM-13:30 PM vào Thứ Bảy, ngày 2-12-2023".

(Buddhistdoor Global - July 12, 2023)

PAKISTAN: Chư tăng quốc tế viếng thăm các di tích lịch sử ở tỉnh Khyber Pakhtunkhwa

Ngày 13-7-2023, các tu sĩ Phật giáo từ Trung Quốc, Tích Lan, Nepal, Mã Lai, Việt Nam, Thái Lan và Hàn Quốc, đang ở Pakistan để tham gia Hội nghị Chuyên đề Gandhara Quốc tế, đã viếng thăm các di tích lịch sử và cổ xưa của Phật giáo tại Takht Bhai ở quận Mardan, tỉnh Khyber Pakhtunkhwa (KP).

Các nhà sư rất quan tâm đến các địa điểm tôn giáo của họ và cảm ơn chính phủ Pakistan, đặc biệt là chính quyền tỉnh KP vì đã quan tâm và bảo tồn lịch sử của nền văn minh Gandhara.

Họ đã đi một vòng quanh các khu vực khác nhau của các di tích - bao gồm Bảo tháp Chính, Sân Bảo tháp và Tu viện - và cũng tổ chức các buổi cầu nguyện ở đó.

Tiến sĩ Abdul Samad, Giám đốc Khảo cổ học KP, đã tường thuật cho các nhà sư đến thăm về các bước của chính phủ để bảo tồn các di tích tôn giáo của Đức Phật và nền văn minh Phật giáo.

Ông cho biết các nhà sư cam kết quảng bá Phật giáo ở các quốc gia của họ do ghi nhận những nỗ lực của chính phủ Pakistan trong việc bảo tồn các di tích Phật giáo.

(pakobserver.net - July 13, 2023)



*Chư tăng quốc tế viếng thăm các di tích lịch sử ở tỉnh Khyber Pakhtunkhwa, Pakistan—
Photo: pakobserver.net*

ẤN ĐỘ: Tìm thấy các tượng Phật giáo 1,400 năm tuổi ở Bandhavgarh

BHOPAL, Ấn Độ - Trong một cuộc khảo sát gần đây tại Khu bảo tồn Hồ Bandhavgarh, một nhóm Khảo sát Khảo cổ Ấn Độ tình cờ phát hiện ra 3 pho tượng của Đức Phật, Bồ tát Quán Thế Âm và thần Phật Tara, có niên đại 1,400 năm.

Shiva Kant Bajpai, nhà khảo cổ học giám sát khu vực Jabalpur, cho biết rằng những pho tượng nói trên được tìm thấy ở vùng đệm Dhamokhar của khu bảo tồn. Người dân địa phương tôn thờ các tượng thần này là 'Khair Mai'. Cả 3 tượng đều thuộc tông phái Phật giáo Mật thừa, là một nhánh phụ của Đại thừa.

Ông Shiva cho biết nhóm ông vẫn đang nghiên cứu các pho tượng, và ước tính các tượng này có niên đại ít nhất là vào thế kỷ thứ 6 hoặc thứ 7. Cuộc khảo sát kết thúc vào ngày 30-6-2023.

(NewsNow - July 9, 2023)

TÍCH LAN: Phái đoàn các nhà sư Thái Lan đến Tích Lan

Một phái đoàn Phật giáo từ Thái Lan đã đến Sri Lanka vào tối ngày 9-7-2023 qua Phi trường Katunayake. Sự kiện này là để kỷ niệm 270 năm khởi xướng Lễ truyền giới (Upasampada) ở Tích Lan bởi "Siam Upali" người Thái Lan, người đã mang Upasampada đến Tích Lan và đến Chùa Asgiri Gedi ở Kandy.

Phái đoàn này bao gồm 8 Tăng sĩ và 17 cư sĩ đại diện, đã đến Sân bay Katunayake lúc 05:35 chiều từ Bangkok, Thái Lan. Nhóm đã được chào đón bởi một số nhà sư Tích Lan - bao gồm Sri Vajiravamsathissa Stawira thero.

Phái đoàn Phật giáo Thái Lan được kỳ vọng sẽ thiết lập mối quan hệ tôn giáo và văn hóa giữa Tích Lan và Thái Lan và xoa dịu những căng thẳng hiện nay giữa 2 nước.

Trong chuyến thăm của họ, phái đoàn Thái Lan sẽ đến viếng một số di tích thờ cúng quan

*Poster về Hội nghị Phật giáo "III Jornadas de Budismo" Tôn vinh Thiền sư Thích Nhất Hạnh tại Madrid, Tây Ban Nha
Photo: buddhisdoor.net*



trọng của Phật giáo và trao học bổng cho các nhà sư Phật giáo sang học tập tại Thái Lan.
(Daily News - July 10, 2023)



*Các nhà sư Tích Lan chào đón phái đoàn chư tăng Thái Lan tại Phi trường Katunayake
Photo: Daily News*

NHẬT BẢN: Khôi phục pho tượng Quán Thế Âm cao 100 mét ở Sendai

Pho tượng Đại Quán Thế Âm ở thành phố Sendai đang được trùng tu toàn bộ lần đầu tiên kể từ khi được tôn trí vào năm 1991.

Công ty Climbing Works Inc., có trụ sở tại thị trấn Oiso, tỉnh Kanagawa, gần Tokyo, đã bắt đầu công việc sửa chữa vào mùa xuân năm nay.

Pho đại tượng Quán Thế Âm không bị thiệt hại nghiêm trọng trong trận động đất và sóng thần ở Đông Nhật Bản vào năm 2011. Nhưng các vết nứt trên tượng này ngày càng trở nên đáng chú ý trong những năm gần đây.

Những công nhân bảo tồn của Climbing Works đã lắp đặt các vết nứt bằng vật liệu hàn gắn, nhưng các dấu vết tuyến tính vẫn còn trên khắp bức tượng Kannon.

Bước tiếp theo sẽ là loại bỏ bụi bẩn thông qua việc rửa bằng áp lực cao, sau đó là sơn lót và sơn phủ. Những phương cách này dự kiến sẽ tiếp tục cho đến cuối năm nay.

(asahi.com - July 11, 2023)



Pho tượng Đại Quán Thế Âm ở thành phố Sendai đang được trùng tu toàn bộ lần đầu tiên kể từ khi được tôn trí vào năm 1991-Photos: Hideaki Ishibashi



THÁI LAN: Sa di trẻ nhất vượt qua cấp Parian Dham 3 của môn Pali học

Một cậu bé 10 tuổi đã trở thành chú tiểu nhỏ tuổi nhất từng vượt qua kỳ thi cấp độ thứ 3 của Phật giáo về nghiên cứu tiếng Pali (Parian Dham 3).

Tiểu sa di nói trên tên là Charuwat Iamsri, trú tại chùa Waikultharam ở tiểu khu Ban Kho, huyện Ban Phue, thuộc tỉnh Udorn Thani phía đông bắc Thái Lan. Ngôi chùa này cung cấp các cấp học tiếng Pali cho chư tăng Thái Lan.

Charuwat nói rằng chú đã đi tu khoảng 2 năm theo yêu cầu của bà nội và rời chùa để trở thành một cư sĩ. Tuy nhiên, chú nói rằng do thích đi tu nên đã xuất gia một lần nữa, trở thành một sa di, để có thể thực hiện ước mơ của mình là hoàn thành cấp độ thứ 9 của nghiên cứu Pali - tương đương với bằng Cử nhân - sau khi vượt qua kỳ thi ở cấp độ thứ 3 của môn học này.

Phra Maha Sukan, Sư Trụ trì của chùa Waikultharam, cho biết nhà trường đã quyết định tài trợ cho việc học của Charuwat, để chú tiểu này có thể thực hiện ước mơ của mình.

(Thai PBS World - July 17, 2023)



*Tiểu sa di nói Charuwat Iamsri, 10 tuổi, đã trở thành chú tiểu nhỏ tuổi nhất từng vượt qua kỳ thi cấp độ thứ 3 của Phật giáo về nghiên cứu tiếng Pali
Photos: Thai PBS World*

HOA KỲ: Triển lãm 'Cây & Rắn: Nghệ thuật Phật giáo sơ khai tại Ấn Độ, 200 BCE - 400CE' tại Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan của New York

New York, Hoa Kỳ - Triển lãm 'Cây & Rắn: Nghệ thuật Phật giáo sơ khai tại Ấn Độ, 200 BCE - 400CE' khai mạc tại Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan (The Met) vào ngày 21-7-2023.

Cây & Rắn là một triển lãm được tuyển chọn độc đáo, với hơn 125 hiện vật có niên đại từ năm 200 trước Công nguyên đến 400 sau Công nguyên.

Được tổ chức xoay quanh một loạt các chủ đề đan xen tập trung vào các di tích và thánh tích nguyên thủy từ Ấn Độ cổ đại, chương trình gợi lại thời kỳ khi bối cảnh tôn giáo của đất nước Ấn Độ được chuyển đổi bởi những lời dạy của Đức Phật, từ đó, được thể hiện trong một kho nghệ thuật phong phú dành để chuyển tải thông điệp của Ngài.

Với các hiện vật mượn từ những chủ sở hữu trên khắp Ấn Độ, cũng như từ Vương quốc Anh, châu Âu và Hoa Kỳ, cuộc triển lãm Cây&Rắn tiết lộ cả nguồn gốc tiền-Pật giáo của tác

phẩm điêu khắc tượng hình ở Ấn Độ và các truyền thống tưởng tượng ban đầu – vốn là trung tâm của thời điểm hình thành này trong nghệ thuật Ấn Độ sơ khai.

Tinh tế đến từng chi tiết về khái niệm và cách sắp xếp, triển lãm hiếm có này đưa khách thường lãm vào thế giới của những hình ảnh Phật giáo sơ khai như 'cây' và 'con rắn', được đặt tên theo 2 họa tiết chính trong nghệ thuật Phật giáo - cây Bồ đề linh thiêng và con rắn (Rắn thần Naga) bảo vệ.

(freepressjournal.in - July 19, 2023)



Poster của Triển lãm 'Cây & Rắn: Nghệ thuật Phật giáo sơ khai tại Ấn Độ, 200 BCE – 400CE'
Photo: The Met

TÍCH LAN: Tổng thống Wickremesinghe thúc đẩy sự tiếp cận toàn cầu của Phật giáo Nguyên thủy

Tổng thống Ranil Wickremesinghe tái khẳng định sự cam kết của ông trong việc bảo vệ và phát huy Phật giáo Nguyên thủy trên phạm vi quốc tế.

Ông tuyên bố triển khai chương trình Trị tuệ Nhân tạo để hỗ trợ những nỗ lực này, hợp tác với những cá nhân có học thức dưới sự hướng dẫn của Đại Tăng đoàn của 3 tầng đoàn.

Tổng thống đã đưa ra tuyên bố này tại Sân vận động Edward ở quận Matale trong Lễ Khai mạc Karma Upasampada Vinaya Quốc gia lần thứ 73 của Maha Viharavanshika Tích Lan Ramanya Maha Nikaya, nơi 300 sa di đã thọ giới cụ túc Upasampada Sheela.

Là một phần của sự kiện, Tổng thống Wickremesinghe đã tham dự lễ khánh thành thánh địa Đức Phật mới được xây dựng tại Phật học viện Purijjala Sanghabodhi ở quận Matale, kết hợp với Lễ hội Karma Upasampada Maha Vinaya cấp quốc gia lần thứ 73 của giáo phái Ramanya Maha Nikaya Tích Lan, do Hòa thượng Makulawe

Wimala Nayaka Thero chủ trì.
(news.lk – July 21, 2023)



Tổng thống Wickremesinghe tại Lễ Khai mạc Karma Upasampada Vinaya Quốc gia lần thứ 73 của Maha Viharavanshika Tích Lan
Photo: news.lk

TRUNG QUỐC: Các bích họa và tượng Phật giáo cổ đại trong các ngôi chùa hang động Đôn Hoàng đối mặt với môi đe dọa mới – biến đổi khí hậu

Các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng những bức tranh tường và tượng Phật cổ đại trong các hang động dọc theo Con đường Tơ lụa của Trung Quốc đang bị "đe dọa trực tiếp" từ lượng mưa cực đoan do biến đổi khí hậu mang lại.

Có niên đại từ thế kỷ thứ 4, các ngôi chùa hang động Đôn Hoàng ở tỉnh Cam Túc đã đứng vững trước chiến tranh, động đất, bão cát và sự phá hoại trong hơn một thiên niên kỷ.

Nhưng giờ đây, các kiểu thời tiết thay đổi trên sa mạc đang gây ra thiệt hại đáng kể cho những bức tranh và tác phẩm điêu khắc trên tường mỏng manh – bao gồm cả tại Hang động Mạc Cao nổi tiếng, Di sản Thế giới được UNESCO công nhận, theo một báo cáo được tổ chức Hòa bình Xanh (Greenpeace) công bố ngày 17-7-2023.

Các tác phẩm nghệ thuật trong một số hang động, bao gồm cả Hang động Mạc Cao, đã có dấu hiệu xuống cấp. Và một số cổ vật có thể biến mất trong một vài năm nữa, báo cáo cảnh báo.

(CNN – Ngày 19, 2023)

Hang động Mạc Cao, một Di sản Thế giới tại Đôn Hoàng, Cam Túc (Trung Quốc)
Photo: Getty Images



MÃ LAI: Trường Phật học tại Kuala Lumpur kỷ niệm 10 năm thành lập

Học sinh, phụ huynh và các nhà lãnh đạo tôn giáo đã tập trung tại Trường Đạo pháp Ti-Ratana Sukha ở quận Cheras, Kuala Lumpur, để kỷ niệm 10 năm thành lập trường.

Sự kiện bắt đầu với lễ puja, một phong tục dâng các vật phẩm như hoa, thức ăn, trái cây, nước hoặc đồ uống. Tiếp theo là bài phát biểu khai mạc lễ của H. Hemaloke Thera, cố vấn tinh thần của Trường Đạo pháp Ti-Ratana Sukha.

Sau đó, nhà sư Indarathana Thero của Hiệp hội Phật giáo thành phố Subang Jaya (SJBA) đã đưa ra lời giải thích về Kinh chuyển pháp luân (Dhammacakkapavattana Sutta), là kinh trình bày bài pháp giảng đầu tiên của Đức Phật với thế giới, giới thiệu các khái niệm cốt lõi của niềm tin Phật giáo.

Những người tham dự sau đó đã tham gia vào nghi lễ dâng y cho các vị lãnh đạo tôn giáo của họ.

Sự kiện tiếp tục với nghi lễ pindapata, trong đó những người tham dự đặt một thìa cơm vào bình bát của mỗi nhà sư, bày tỏ lòng tôn kính đối với truyền thống cúng dường cho các nhà sư sống mà không có nhà ở cố định.
(The Star – July 17, 2023)



Lễ dâng y (ảnh trên) và pindapata (ảnh dưới) tại Trường Đạo pháp Ti-Ratana Sukha ở quận Cheras, Kuala Lumpur trong ngày kỷ niệm 10 năm thành lập trường—
Photos: The Star



DUỚI TÁN CÂY BỒ ĐỀ

Vườn thiền tìm giấc mơ xưa
Lá bồ đề rụng bao mùa vẫn xanh
Nhớ Người dẫu bề ngàn năm
Mỗi bước chân - đóa sen hồng nở hoa.

Long lanh từng hạt sương sa
Sớm mai chim hót bài ca nhiệm màu
Chuông chùa thơm ngát hoa ngâu
Dòng sông tỉnh thức từ đâu quay về.

Chấp tay dưới cội bồ đề
Mới hay cõi tạm bùa mê lạ gì
Tay Người gieo hạt từ bi
Thân tâm an lạc, sân si thường tình.

Đọc thâm Bát Nhã Tâm Kinh
Nghe hương nguyệt quế quanh mình thoảng bay
Muốn làm ngọn cỏ đêm nay
Trăng soi bóng nước thơm bài Pháp Hoa.

Thân còn giữa cõi ta bà
Nén tâm hương có nở hoa một ngày
Nguyện làm hạt ngọc sương mai
Theo chân Người suốt dặm dài phong sương.

KHI MƯA VỀ BÊN SÔNG

Mưa chợt về bên sông
Hình như ai gõ cửa
Hay tiếng sóng trong lòng
Người giấu đi một nửa?

Muốn tìm bàn tay ấm
Một thuở còn bên nhau
Muốn tìm làn hương tóc
Thơm mãi chút tình đầu.

Nơi nào là bến đỗ
Cho người về trú chân
Một chiều mưa không dứt
Chiếc lá rơi lặng thắm.

Dòng sông tràn nước mắt
Mưa lại về đó thôi
Ngực trầm hương thiếu nữ
Nụ tình quá tình khôi.

Sắt se bờ gôi mỏng
Mơ tìm lại dấu xưa
Khi người qua sông rộng
Đời trôi chìm dưới mưa.

CON CÀI BÔNG HOA TRẮNG

Con cài bông hoa trắng
Viếng lễ chùa sáng nay
Sa-la hồng sắc thắm
Vừa nở đón chân ai.

Chuông ngân lòng thanh tịnh
Sen thơm ngát sân thiền
Trước Phật đài con khấn
Nơi ấy mẹ bình yên.

Đã mấy mùa thay lá
Ngày tiễn mẹ đi xa
Lòng khôn nguôi nước mắt
Cuộc đời thật phù hoa.

Đêm nay đèn rực sáng
Hoa đăng thả lên trời
Khói hương thơm bảng lảng
Làm sao thấy mẹ cười?

Con cài bông hoa trắng
Tháng bảy trời mưa ngâu
Giọt sầu vương tóc ngắn
Nhớ mẹ tìm phương nào?

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH



NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

III.- SỰ QUAN HỆ GIỮA NHÂN DỊ THỰC VÀ QUẢ DỊ THỰC:

Sự quan hệ giữa nhân dị thực và quả dị thực vô cùng phức tạp không thể nghĩ bàn vì sự hoạt động của chúng nó, con người không thể thấy được và biết được, con người nếu như thấy được và biết được thì có thể tránh được không bao giờ bị chịu những quả đau khổ. Sự quan hệ giữa nhân dị thực và quả dị thực, theo Duy Thức Học trước hết là Nghiệp Lực. Nghiệp Lực chính là mấu chốt trong sự nối kết giữa nhân dị thực và quả dị thực.

1)- Nghiệp Lực của nội chủng tử khi nó tác dụng nhà Duy Thức gọi là Khiên Dẫn Nhân, nghĩa là nhân tố lôi kéo Kiến Phần Thức A Lại Da hành sử theo sự chỉ đạo của nó, cũng như nghiệp ghiền rượu khi nó tác dụng là khiến dẫn nhân lôi kéo con người đi đến quán rượu, nghiệp sân khi nó tác dụng là khiến dẫn nhân lôi kéo tâm thức con người hành động sân hận. Nghiệp lực tác dụng trước hết lôi kéo Kiến Phần Thức A Lại Da chung vào Chủng Tử Nghiệp Tướng có quan hệ nghiệp báo với nó biến thành Nhân Dị Thực và kiến Phần Thức A Lại Da trong Nhân Dị Thực được gọi là Thức Dị Thực. Nhân Dị Thực trong đó có Thức Dị Thực chủ trì sanh mạng mà *Liễu Sanh Thoát Tử* gọi là Thân Trung Âm. Nhân Dị Thực hay là Thân Trung Âm mà 12 Nhân Duyên gọi là Danh. Nghiệp lực trong Nhân Dị Thực đi tìm Nghiệp lực của Quả Dị Thực quan hệ nghiệp báo nơi Ngoại Chủng Tử để kết duyên. Nghiệp Lực của Nhân Dị Thực sau khi kết duyên được Nghiệp lực của Quả Dị Thực nơi Ngoại Chủng Tử liền cùng Thức Dị Thực chuyển sang một sanh mạng của kiếp sau. Đứng trên lập trường nhân quả mà nhận thức thì:

*- Nghiệp lực của nhân Dị Thực nơi nội chủng tử là nghiệp nhân, vì nghiệp này mới chính là nguyên nhân gây nên những quả thiện, những quả ác hay là những quả vô ký cho kiếp sau. Còn Nghiệp lực của Quả Dị Thực nơi ngoại chủng tử chỉ là nghiệp thọ nhận những quả báo thiện ác hay vô ký do nghiệp nhân gây nên.

*- Còn Nghiệp Tướng của nhân dị thực nơi nội chủng tử cũng là nghiệp nhân, vì nghiệp này

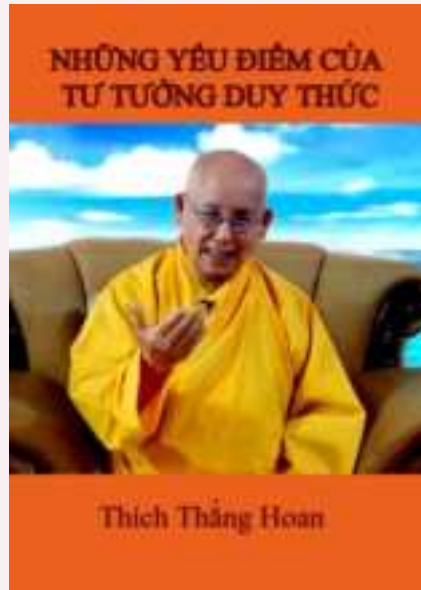
mới chính là nguyên nhân tạo nên thân thể và tạo nên những quả dị thực thành những hình tướng tốt xấu, cao thấp, lớn nhỏ, v.v... riêng biệt nhau.

*- Riêng Thức Dị Thực của nhân dị thực là kỹ sư kiến trúc và Thức này cũng là nguyên nhân xây dựng nên sanh mạng của một chúng sanh hữu tình và chúng sanh vô tình cả hai loại đều hiện hữu và tồn tại ở kiếp kế tiếp, đồng thời Thức này cũng tạo dựng ra những tâm thức (sáu Thức Trước) cho những chúng sanh hữu tình để cảm thọ những quả báo thiện ác và vô ký do nghiệp nhân gây nên.

2)- Vị trí của Quả Dị Thực thuộc ngoại chủng tử chỉ là trợ duyên trực tiếp giúp cho nhân dị thực nảy nở và phát triển theo luật nhân quả mà 12 Nhân Duyên gọi quả dị thực này là Sắc chất. Quả Dị Thực khi chưa gặp được nhân dị thực, theo luật nhân quả thì gọi là Quán Đãi Nhân, nghĩa là nhân tố chờ đợi nhân dị thực để kết duyên. Quả Dị Thực khi âm dương hòa hợp thì gọi là Câu Hữu Nhân và Năng Tác Nhân. Câu Hữu Nhân thì thuộc về Âm và Năng Tác Nhân thì thuộc về Dương. Quả Dị Thực khi được Năng Tác Nhân và Câu Hữu Nhân hòa hợp liền mở cửa đón nhận Nhân Dị Thực vào trong xây dựng cho một sanh mạng kiếp kế tiếp.

3)- Sự sanh khởi một sanh mạng của Thức Dị Thực thuộc nội chủng tử. Sau khi Nghiệp lực của nhân dị thực kết duyên được nghiệp lực của quả dị thực nào đó quan hệ nghiệp báo, Thức Dị Thực liền hành sử theo nghiệp lực chỉ đạo đứng ra xây dựng sanh mạng cho một chúng sanh theo sự mong muốn của nghiệp nhân. Thức Dị Thực căn cứ theo mô hình kiểu mẫu nghiệp tướng đã mang theo đầu tiên chọn lấy nguyên liệu tử đại sắc uẩn đã có sẵn nơi quả dị thực để khởi công xây dựng và tiếp tục xây dựng qua sự ăn uống hít thở của gốc rễ thực vật hay của người mẹ cung cấp. Muốn rõ vấn đề này xin xem lại "Sự sinh hoạt của mười hai nhân duyên" trong *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển II, trang 173 cùng một tác giả.

4)- Một hạt giống quả dị thực nào đó của ngoại chủng tử khi trưởng thành có thể sanh ra nhiều hạt giống quả dị thực con kế tiếp cũng thuộc ngoại chủng tử để hóa giải nợ nần quan hệ nghiệp báo với nhiều nhân dị thực của nội chủng tử khác



trong nội tâm A Lại Da hiện đang chờ đợi đòi nợ. Hiện tượng này được nhận định như sau:

*- Một hạt lúa quả dị thực thuộc ngoại chủng tử chỉ nở được một cây lúa, nhưng một cây lúa đó lại có thể đơm bông kết trái được dăm dục vào khoảng một trăm hạt lúa con cũng thuộc ngoại chủng tử và một trăm hạt lúa con này được gọi là quả dị thực. Một trăm hạt lúa con này nhằm để hóa giải nợ nần quan hệ nghiệp báo với một trăm nhân dị thực của nội chủng tử trong nội tâm A Lại Da hiện đang chờ đợi đòi nợ.

*- Một trứng gà quả dị thực thuộc ngoại chủng tử chỉ nở được một con gà thí dụ như con gà mái chẳng hạn, nhưng trong bụng con gà mái đó lại có thể kết nư được dăm dục vào khoảng sáu chục trứng gà con cũng thuộc ngoại chủng tử và sáu chục trứng gà con này được gọi là quả dị thực. Sáu chục trứng gà con này nhằm để hóa giải nợ nần quan hệ nghiệp báo với sáu chục nhân dị thực của nội chủng tử trong nội tâm A Lại Da hiện đang chờ đợi đòi nợ.

*- Một noãn châu quả dị thực thuộc ngoại chủng tử chỉ sanh được một con người thí dụ như con người thuộc phái nữ chẳng hạn, nhưng trong bụng con người thuộc phái nữ đó lại có thể kết nư được buồng trứng dăm dục vào khoảng mười noãn châu cũng thuộc ngoại chủng tử để sanh mười đứa con và mười noãn châu này được gọi là quả dị thực. Mười noãn châu này nhằm để hóa giải nợ nần quan hệ nghiệp báo với mười nhân dị thực của nội chủng tử trong nội tâm A Lại Da hiện đang chờ đợi đòi nợ.

Từ đó cho thấy, theo *Kinh Nhân Quả*, sự hình thành vạn pháp đều nằm trong định luật quan hệ nhân quả nghiệp báo, quan hệ tử nghiệp nhân đến nghiệp quả. Riêng con người cũng không thoát khỏi ngoại lệ này và cũng vì nằm trong định luật nhân quả nghiệp báo vừa trình bày cho nên ngàn ngữ có câu: "Con là nợ, vợ chồng là oan gia, cửa nhà là nghiệp báo". Xuyên qua giá trị quan hệ nhân quả nghiệp báo nói trên, người đàn bà theo lẽ phải sanh ra mười đứa con hay mười lăm đứa con để trả món nợ cho xong trong kiếp này mà mình đã vay từ kiếp trước, nhưng vì sợ nuôi con không nổi nên hạn chế chỉ sanh ra hai đứa con mà thôi và số còn lại xin hẹn kiếp sau sẽ trả tiếp tục. Nợ của con cái cũng là nợ của cha mẹ quan hệ trực tiếp và cha mẹ phải trả qua đứa con đòi nợ; kiếp này cha mẹ không sanh con đủ túc số để trả nợ trong một kiếp thì số nợ của kiếp này sẽ chồng lên số nợ của kiếp sau và mỗi kiếp cứ khat một số nợ như thế thì số nợ mà cha mẹ đã khat mỗi kiếp càng chồng chất thêm lớn không bao giờ chấm dứt nợ nần. Con người không chấm dứt nợ nần thì không bao giờ được giải thoát. Con người có thể trốn tránh được luật pháp của thế gian, nhưng không thể nào trốn tránh được luật pháp nhân quả nghiệp báo.

IV.- XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ SAU CÙNG:

Vạn pháp muốn thành hình tướng trong thế gian theo Duy Thức Học đều phải chuyển qua trạng thái chủng tử ở trong nội tâm Tạng Thức A Lại Da gọi là nội chủng tử và cũng được gọi là nhân dị thực. Còn chủng tử đã hiện tướng duyên sanh bên ngoài mà ai cũng đều thấy được gọi là ngoại chủng tử và cũng được gọi là quả dị thực. Chủng tử quả dị thực chỉ có nhiệm vụ làm trợ duy-

ên trực tiếp cho nhân dị thực thuộc nội chủng tử trong Tạng Thức A Lại Da chuyển biến và sanh khởi. Vạn pháp có hai cách chuyển qua trạng thái nội chủng tử để sanh khởi:

*- Hiện tượng vạn pháp muốn tái sanh ở kiếp sau liền chuyển qua trạng thái nội chủng tử nghiệp tướng và nghiệp lực làm nhân, rồi từ nghiệp tướng và nghiệp lực đó, hiện tượng vạn pháp nhờ đến Thức Dị Thực đứng ra xây dựng để được góp mặt nơi kiếp sau.

*- Thế giới chân như pháp tánh muốn góp mặt trong thế gian ba cõi cũng phải chuyển qua trạng thái nội chủng tử nghiệp tướng và nghiệp lực làm nhân, rồi từ nghiệp tướng và nghiệp nhân đó, thế giới chân như pháp tánh cũng phải nhờ đến Thức Dị Thực đứng ra xây dựng để được hiện tướng trong ba cõi.

Hiện tượng vạn pháp nếu như không có chủng tử nghiệp lực, nghiệp tướng và Thức Dị Thực thì không thể góp mặt trong thế gian, cũng như thế giới chân như pháp tánh muốn xuất hiện trong thế gian cũng phải có chủng tử nghiệp lực, nghiệp tướng và Thức Dị Thực vậy. Trường hợp này cũng giống như nếu không có chủng tử nghiệp lực, nghiệp tướng và Thức Dị Thực thì chúng ta cũng thế giới hiện thật không bao giờ hiện hữu trong thế giới mộng mơ. Từ ý nghĩa và giá trị này, chúng ta muốn giải thoát sanh tử để thế nhập được thế giới Niết Bàn Tịch Tĩnh thì trước hết phải tẩy sạch hết tất cả chủng tử nghiệp lực và nghiệp tướng đã tàng trữ lâu đời trong nội tâm Tạng Thức A Lại Da từ vô thời vô tận ngày nay, giúp cho Tạng Thức A Lại Da chuyển thành trí tuệ Đại Viên Cảnh. Nếu không được như thế, chúng ta không bao giờ thoát khỏi vòng sanh tử trong sáu nẻo luân hồi và con đường đi đến thế giới Niết Bàn Tịch Tĩnh còn xa thẳm mù khơi. Chúng ta nên biết rằng, cảnh giới Niết Bàn Tịch Tĩnh nơi trong thế giới chân như không thể nào dung chứa những kẻ còn mang nặng những chủng tử nghiệp lực và nghiệp tướng đầy tràn trong Tạng Thức A Lại Da, nguyên vì những kẻ đó sẽ làm ô nhiễm cảnh giới tịch tịnh trong sáng phi thường của chư Phật an trụ.

I.- GIÁ TRỊ CỦA SỰ NHẬN THỨC: (Tri Thức Luận)

Ý Thức là một loại tâm thức so với năm tâm thức ở trước, từ Nhãn Thức cho đến Thân Thức đứng hạng thứ sáu nên gọi là Ý Thức thứ sáu. Giá trị của Ý Thức thứ sáu này không thể thấy, không thể nghe, v.v... mà ở đây chỉ hiểu biết vạn pháp qua sự nhận thức về tánh chất, giá trị và ý nghĩa của mỗi loại.

Theo *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển I, trang 325 giải thích: "Trên thực tế, Ý Thức thứ sáu của con người chính là nền tảng của sự nhận thức. Không có Ý Thức thứ sáu, con người không có nhận thức. Con người nếu như không có sự nhận thức thì cuộc đời của họ không có giá trị và sự sống của họ không có ý nghĩa."

Đúng như thế, sự sống của con người nếu như không có Ý Thức hiện hữu sinh hoạt thì lúc đó giống như sự sống cỏ cây chỉ sinh hoạt theo bản năng mà không có chút nhận thức tánh chất, ý nghĩa và giá trị của cuộc đời. Nhưng giá trị nhận thức của Ý Thức có những khuyết điểm như sau:

1)- Khuyết điểm thứ nhất của Ý Thức là sinh



hoạt bị bao che và ngăn cách bởi 5 Biến Hành, 5 Biệt Cảnh không cho trực tiếp duyên thẳng đến cảnh sở duyên để có hiểu biết chân thật của sự vật. Những Tâm Sở này cung cấp những hình ảnh như thế nào thì Ý Thức nhận thức như thế đó theo sự chỉ điểm của chúng.

Thí dụ cùng một cô M làm đối tượng nhận thức, sắc đẹp của cô thì toàn diện nhưng tâm sở Thăng Giải của anh A chỉ chọn cái đẹp nơi đôi mắt thì Ý Thức anh A chỉ thấy cái đẹp nơi đôi mắt của cô M và ngoài ra Ý Thức của anh A không thấy được cái đẹp chỗ nào khác nơi cô M; cũng như tâm sở Thăng Giải của anh B lại chọn cái đẹp nơi miệng thì Ý Thức anh B chỉ thấy cái đẹp nơi miệng của cô M và ngoài ra Ý Thức của anh B không thấy được cái đẹp chỗ nào khác nơi cô M, v.v... Một thí dụ khác cho thấy, anh C hiện đang cầm chìa khóa xe Toyota của anh trong tay mà anh không hay biết lại đi tìm chìa khóa khắp nơi, trường hợp đó là do tâm sở Xúc của anh C không cung cấp hình ảnh chìa khóa xe Toyota lên trình diện cho Ý Thức của anh C, khiến cho Ý Thức của anh không nhận thức được rằng mình hiện đang cầm chìa khóa xe Toyota trong tay.

Qua những dữ kiện trên, chúng ta khái niệm rằng cũng chung một vấn đề quan sát, mỗi người có một nhân sanh quan khác nhau là do tâm sở Thăng giải chọn lấy những đặc điểm không giống nhau đem lên trình diện cho Ý Thức của mỗi người nhận thức, thành thử Ý Thức của mỗi người dựa theo những dữ kiện sai biệt đó nhận thức sự việc bất đồng nhau. Từ ý niệm trên, sự nhận thức của Ý Thức luôn luôn không được trung thực nghĩa là đều hoàn toàn bị chi phối bởi các Tâm Sở quyết định.

2)- Khuyết điểm thứ hai là Ý Thức chỉ có khả năng nhận thức những cảnh sở duyên bằng ảo ảnh (Ảnh Tử = Cause of Illusions) được hội tụ (Focus) bởi những Tượng Phần (Images) của Sắc Trần (Visible Form), của Thính Trần (Sound), của Hương Trần (Odor), của Vị Trần (Taste), của Xúc Trần (Tangible Object) nơi một sự vật do năm Thức Trước cung cấp và năm Thức Trước nếu như không cung cấp những ảo ảnh của những sự vật nói trên thì Ý Thức hoàn toàn bất lực không có chút nhận thức nào. Nhưng năm Thức Trước chỉ có khả năng đạt được hiểu biết từng phần hình tướng (Tượng Phần = Image) rời rạc thuộc phần diện của mỗi trần cảnh cung cấp cho Ý Thức nhận thức và Ý Thức dựa theo những phần nhỏ này của năm Thức Trước quy nạp thành hệ thống lý luận (Xem lại *Khái Luận Về Pháp Tướng Duy Thức Học*, của dịch giả Thăng Hoan, trang 42).

Thí dụ như anh A đang lái xe trên xa lộ, Nhận thức của anh rút lui khiến anh bị ngù gục trong lúc lái xe; Lúc đó Ý Thức của anh A bị bất lực không thể tự động điều khiển cho anh lái an toàn trong lúc Nhận Thức của anh không có mặt tại hiện trường.

Đã là ảo ảnh thì sự nhận thức của Ý Thức đối với vạn pháp trong vũ trụ duyên sanh, theo Duy Thức Học đều cho là vọng tưởng điên đảo và không bao giờ thấu triệt được chiều sâu nơi bản thể của vạn pháp không phải duyên sanh. Xin xem lại *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển I, trang 44 - 45 cùng một tác giả.

3)- Khuyết điểm thứ ba là bị ngăn cách bởi hệ thống thần kinh mà Duy Thức gọi là Tịnh Sắc Căn.

Năm hệ thống Thần Kinh Tịnh Sắc Căn (Organs) là năm chỗ nương tựa (sở y) của năm Thức Trước sinh hoạt và Trung Khu Thần Kinh (System Center) phía sau não bộ là chỗ nương tựa của Ý Thức sinh hoạt. Những hệ thống thần kinh Tịnh Sắc Căn này đều là hoàn toàn thuộc vật chất. Những hệ thống thần kinh Tịnh Sắc Căn vật chất này nếu như được xây dựng một cách tinh tế sắc xảo thì giúp cho năm Thức Trước thấu ảnh sự vật trong sáng rõ nét và giúp cho Ý Thức nhận thức vạn pháp tương đối chính xác cụ thể. Ngược lại, những hệ thống thần kinh Tịnh Sắc Căn thuộc vật chất này nếu như được xây dựng thô sơ không sắc xảo thì khiến cho năm Thức Trước thấu ảnh sự vật trở nên mờ đục, không trong sáng, không rõ nét và cũng khiến cho Ý Thức thứ sáu nhận thức vạn pháp trở nên thiên cận, đần độn, hiểu biết khái lược không có chiều sâu. Hơn nữa, những hệ thống thần kinh Tịnh Sắc Căn thuộc vật chất này nếu như bị bệnh hoạn và bị hư hoại thì khiến cho năm Thức Trước thấu ảnh sự vật méo mó, mờ ảo và khiến cho Ý Thức nhận thức vạn pháp trở nên điên loạn, lệch lạc và điên đảo.

4)- Khuyết điểm thứ tư là sự nhận thức của Ý Thức thì hoàn toàn lệ thuộc vào bộ máy sanh lý nơi thân thể vật chất của mỗi loại chúng sanh. Bộ máy sanh lý nơi thân thể của mỗi loại chúng sanh khác nhau thì khiến cho Ý Thức của những loại chúng sanh đó nhận thức vạn pháp hoàn toàn không giống nhau.

Thí dụ, Ý Thức của con kiến không thể hiểu biết sâu rộng so với sự hiểu biết của Ý Thức con mèo. Ý Thức của con chó không thể hiểu biết sâu rộng so với sự hiểu biết của Ý Thức của con người, v.v... Cũng thế, Ý Thức của con người không thể hiểu biết những gì bao la sâu rộng như vũ trụ quá tầm nhận thức của mình.

5)- Khuyết điểm thứ năm, Ý Thức luôn luôn bị khống chế bởi Tâm Thức Mạt Na chỉ đạo không cho duyên trực tiếp với thế giới chúng tử vạn pháp trong nội Tâm A Lại Da để có nhận thức chân thật. Ý Thức muốn nhận thức thế giới chúng tử vạn pháp trong nội Tâm A Lại Da phải qua sự cung cấp của Tâm Thức Mạt Na, nguyên vì những hồi sơ chúng tử vạn pháp trong thế giới nội Tâm A Lại Da đều do Tâm Thức Mạt Na quản lý, tức là chấp ngã và chấp pháp. Nói cho rõ hơn, Ý Thức chỉ tiếp xúc được Tượng Phần (Images) của thế giới chúng tử vạn pháp trong nội Tâm A Lại Da để nhận thức thức qua sự cung cấp của Thức Mạt Na.

Thí dụ, tôi muốn nhớ lại những dữ kiện mà tôi đã học qua lúc tôi còn là một sinh viên đại học để ghi lại làm tài liệu, nhưng tôi ngồi suy tư mãi mà không thể nào nhớ được đành phải bỏ qua và tiếp tục đi tìm tài liệu khác. Một hôm tôi đang ngồi thiền trước bàn Phật, bỗng nhiên những dữ kiện đó lại xuất hiện trình diện trước Ý Thức của tôi mà những dữ kiện đó tôi không cần thiết dùng đến nó nữa.

Theo Duy Thức Học, những dữ kiện nói trên không phải bị xóa mờ trong nội Tâm A Lại Da mà tại vì Thức Mạt Na không chịu cung cấp cho nên Ý Thức của tôi không thể nào nhớ được. Trong lúc tôi ngồi thiền, Thức Mạt Na lại mang những dữ kiện nói trên trình diện bắt Ý Thức của tôi phải nhớ lại mà những dữ kiện đó tôi không cần đến nữa. Nhưng những dữ kiện mà tôi phải nhớ lại chính là những hình ảnh Tượng Phần (Images) của

những dữ kiện gốc chủng tử hiện đang nằm trong nội Tâm A Lại Da do Thức Mạt Na cung cấp. Có một số người đang tụng kinh trước bàn Phật không nhất tâm liền nhớ lại đủ thứ chuyện ngoài đời trong lúc hiện trường trước bàn Phật không bao giờ có những hình ảnh đó và Phật Giáo cho tâm trạng của những người đang tụng kinh nhớ đủ thứ chuyện nói trên là bị bệnh phân tâm.

6)- Khuyết điểm thứ sáu là Ý Thức xuất hiện sau khi các giác quan của con người được thiết lập. Ý Thức không thể sinh hoạt khi hệ thống sinh lý của con người hay của chúng sanh hữu tình chưa được xây dựng và Ý Thức của họ nhận thức còn yếu kém, sinh hoạt chưa được nhạy bén khi bộ máy sinh lý của họ xây dựng chưa hoàn thành. Ý Thức của con người hay của chúng sanh hữu tình hoàn toàn bất lực trong sự nhận thức vạn pháp khi dòng sanh mạng chuyển tiếp của con người hay của chúng sanh hữu tình đó ở kiếp vị lai chưa được hoàn thành hệ thống sinh lý.

Thí dụ, Ý Thức của một trẻ sơ sanh không thể nào hiểu biết giống như Ý Thức của một người lớn và Ý Thức của một đứa trẻ vừa tròn mười tám tuổi không thể so sánh bằng Ý Thức của bậc lão thành dày kinh nghiệm.

Tóm lại sáu sự kiện đã được trình bày trên cũng đủ chứng minh giá trị nhận thức vạn pháp của Ý Thức. Ý Thức chẳng những bất lực trong sự nhận thức vạn pháp của thế giới ngoại cảnh và cũng bất năng trong sự nhận thức của thế giới chủng tử nội tâm. Tất cả triết học được xây dựng trên lãnh vực nhận thức của Ý Thức, theo Duy Thức Học đều thuộc về loại Triết Học Lý Luận Áo Giác mà Phật Giáo gọi là Triết Học Vọng Tưởng Điên Đảo. Ngoại trừ chúng ta tu tập chuyển Ý Thức thành trí tuệ Diệu Quan Sát và sử dụng năng lực của trí tuệ Diệu Quan Sát này quán chiếu thì khả dĩ có thể nhận thức vạn pháp tương đối có chiều sâu hơn. Cũng không khác nào sự hiểu biết nơi Ý Thức không tu luyện của con người thiếu trình độ học vấn không thể nào so sánh với sự hiểu biết nơi Ý Thức có tu luyện của một nhà bác học. Theo Phật Giáo, Ý Thức mặc dù đã được chuyển thành trí tuệ Diệu Quan Sát nhưng không thể nhận thức được thế giới Chân Không Vô Tướng (Thế giới Static States) của Tâm Chân Như.

(còn tiếp)

VỀ PHỐ CHỢ XƯA

(tặng Vân, Yên)

*Phố chợ xưa,
Mẹ kể chuyện ngày xưa
Thuở quê hương nhóm ngòi bình lửa
Tuổi ngọc mẹ giờ rằm nắng mưa.*

*Ngày xưa mẹ đã khổ đau nhiều
Tân tảo nuôi con những sớm chiều
Một gánh hai vai lưng áo bạc
Phận nghèo năm tháng bước cô liêu.*

*Cha con về một cõi bình yên
Mẹ thủ thân lo phận vợ hiền
Gió lạnh đêm đêm ngời căn lẹ
Cung sầu rữ xuống giấc mơ duyên.*

*Xuân đi, xuân đến mấy xuân tàn
Mẹ đã oằn vai với thế gian
Trang trái nợ đời tình ấm lạnh
Dem cho con giấc mộng bình an.*

*Dòng đời lặng lẽ theo ngày tháng
Cuộc sống êm đềm nước chảy xuôi
Rời bỗng một hôm bình lửa dậy
Gây trong lệ thứ lệ sâu rơi!*

*... Từ ấy mẹ con rời phố chợ
Tìm ra cuộc sống chốn Đô Thành.*

*- Mười mấy năm rồi, con đã lớn
Mẹ còn vắt lệ ướp tim thơ
Ru con vào giấc bình yên ngủ
Là kiếp tơ tâm, mẹ dệt tơ.*

*Tóc mẹ bây giờ sương điểm bạc
Gánh đời vui vẻ buổi chiều đưa
Đêm nay nguyệt xế phương trời cũ
Mẹ kể nghe về Phố Chợ Xưa...*

thơ MẠC PHƯƠNG TỬ



CÚNG DƯỜNG CHA MẸ

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Là Phật tử, chúng ta đều tin hiểu lời Phật mà thực hành hiếu đạo trong đời sống hàng ngày. Cha mẹ, hai đấng sanh thành có một địa vị quan trọng trong tâm thức của người con Phật, ngang bằng với Phật và các vị Đại Bồ-tát, nên "gặp thời không có Phật, khéo phụng thờ cha mẹ tức là phụng thờ Phật vậy" (Kinh Đại tập).

Thế nên, phụng dưỡng cha mẹ với tất cả lòng biết ơn và kính trọng được nâng lên thành hạnh nguyện cúng dường. Thường thì chúng ta cúng dường các bậc xuất gia giới đức, phạm hạnh hay các vị Phật và Bồ-tát. Hẳn nhiên cúng dường thanh tịnh thì được công đức, phước báo lớn.

Ở pháp thoại này, Thế Tôn đã hướng những người đệ tử cúng dường các vị Phật, chư vị Bồ-tát một đời bồ xứ (Nhất sanh bồ xứ Bồ-tát như Bồ-tát Di Lặc sẽ hạ sanh thành Phật ở tương lai) ngay trong nhà của mình, đó chính là cúng dường cha mẹ. Chỉ cần tận hiếu, cúng dường cha mẹ thì những người con hiếu thảo "được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi".

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp dành cho người phạm phu, được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi. Thế nào là hai pháp? Là cúng dường cha, mẹ. Đó là hai người được công đức lớn, thành quả báo lớn.

Lại nữa, nếu cúng dường Bồ-tát một đời bồ xứ, được công đức lớn, được quả báo lớn. Đó là, này Tỳ-kheo! Bồ thí hai người này được công đức

lớn, hưởng quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy thường nhớ hiếu thuận, cúng dường cha mẹ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm".

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm Thiện tri thức, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr. 348)

Bồ-tát một đời bồ xứ là vị Bồ-tát đã trải qua vô lượng kiếp tu các công hạnh ba-la-mật, chỉ còn một lần thị hiện sau cùng xuống nhân gian tu hành sẽ thành bậc Vô thượng Chánh đẳng giác như Phật Thích Ca Mâu Ni. Tất nhiên, được cúng dường những vị Đại Bồ-tát như thế là phước hạnh vô cùng. Chỉ cần một lần được thanh tịnh cúng dường quý Ngài thì công đức, phước báo đã vô lượng.

Có điều chúng ta ít ngờ là những vị Bồ-tát một đời bồ xứ ấy lại rất nhiều, có mặt xung quanh ta, ở ngay trong nhà của chúng ta. Đó là cha và mẹ. Điều đó có nghĩa là cha và mẹ là ruộng phước báo vô tận để chúng ta gieo trồng phước đức. Ngay đây, hiếu thảo không còn là trách nhiệm và bổn phận nữa mà hiếu thảo trở thành hạnh nguyện cao cả và thiêng liêng. Nên dù cho cha mẹ có thương ta hay không, hoặc cha mẹ có thể nào đi nữa, trong tâm thức của người con hiếu đích thực, các ngài luôn là Phật, là thánh hiền.

Vậy nên ở đây Thế Tôn không nói phụng dưỡng mà là cúng dường cha mẹ. Hạnh hiếu đối với cha mẹ thì có thể giống nhau nhưng tâm hiếu phải được thẳng hoa đến tột cùng. Phụng dưỡng

chợ cha mẹ không thiếu thốn là điều có thể làm được, nhưng chừng ấy thì chưa đủ, cần phụng dưỡng trong niềm tôn kính đến cùng tột, đó chính là cúng dường cha mẹ.

Cha mẹ là Phật, là Đại Bồ-tát nên cúng dường cha mẹ và Bồ-tát một đời bồ xứ là công hạnh thiêng liêng, được phước đức vô lượng. Cho nên những người con Phật hiếu thảo luôn hướng về Tam bảo và song thân để phụng thờ, cúng dường với tất cả lòng thành kính. Hiếu thảo theo lời Phật dạy là một hạnh tu, gồm đủ phước trí, tự lợi và lợi tha, công đức vô lượng.



Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp cho mẹ.

Tứ cú Ca dao "SONG THÂN PHỤ MẪU"



Phụ Mẫu

Về nương Phật giữa lưng trời
Phụ tuyền phụ xưởng chuyền đời bể non
Đức dầy để lại tử tôn
Sống an vui, giữ vẹn tròn niềm tin.

Tiếng ru

Con đi từ thuở rứt rề
Nương cha dựa mẹ e dè voi tan
Bài thơ nón Huế dịu dàng
Mái nhì mái dầy trên đàng lớn khôn.

Đỉnh

Hư không còn ánh trăng rằm
Về nhà, nhớ Mẹ chỗ nằm nường con
Cha hiện trên chóp đỉnh non
Ngàn muôn kiếp nữa vẫn còn ân sâu.

Chưa đền

Con về khi bóng hoàng hôn
Mẹ cha vẫn tiếng cười giòn như xưa
Vọng nghe trầm tiếng chuông chùa
Mang ơn phụ mẫu con chưa đáp đền.

Mát che

Bóng Cha phủ ấm một nhà
Trùm lên muôn chôn bốn ba nhọc nhằn
Trái dài tóc bạc da nhăn
Mát che giấc ngủ thiên thần tử tôn.

Vóc

Vóc lên, buông xuống, vóc hoài...
Khom lưng cúi mặt, hỏi ai vóc mình?
Đêm về vóc chữ lặng thinh
Thương cha nhớ mẹ trở mình lệ rơi.

Nỗi lòng Mẹ Cha

Chim có tổ, người có tông
Trưa hè đưa võng cho con yên lành
Câu ca da diết thấm tình
Mai sau nẻo thiện con mình bước đi.

Bàng hoàng

Tôi yêu non nước quê nhà
Dạt dào nghĩa Mẹ công Cha tình Người
Bàng hoàng thảng tích tả toại
Danh lam cô kính di đời trâm thặng!

Nhớ Cha

Nhớ Cha biết mấy cho vừa
Ấm trà, điều thuốc ngày mưa lạnh lùng
Nhạc già treu lệ rưng rưng
Bên song nắng gió tiếng buồn thổi ra.

Cổ Đô

Bản thân hoài niệm lặng thinh
Hình cha bóng mẹ của mình xa xưa
Tiếng gà gọi giấc chiều trưa
Lao xao khóm trúc gió đưa dỗi hờn.

Như kinh

Phật kia, phụ mẫu tại đường
Tìm đâu ngoài chợ, ngoài vườn thiên môn?
Dù dăng vàng nén mâm son
Không bằng hiếu thảo giữ tròn như kinh!

Cha cười

Thời gian, con lớn lớn dần
Tóc Cha chớm bạc, trán thâm bụi đời
Đường trần khúc khuỷu chơi vui
Buồn lo tan biến khi cười với nhau.

Bóng trùm

Một đời nường tiếng ngợi khen
Không màng thiên hạ xưởng tên gọi người
Thiên thu âm áp nụ cười
Gửi ngàn sau đó, trùm trời bóng Cha!

Quê Cha Đất Tổ

Biết rằng sống với chiêm bao
Mà con chữ vẫn nghẹn ngào xuống lên
Lạy tổ tông, nhớ cha hiền
Trở về lòng trĩu nỗi niềm xót xa.

thơ

VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

VÌ MẠNG MẠCH CỦA PHẬT PHÁP

(DIỄN VĂN KHAI MẠC Đại Hội Thường Niên lần thứ III, Nhiệm Kỳ IV Giáo Hội PGVNTN-HK của Hòa Thượng Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành)

Sa môn Thích Tín Nghĩa

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Trưởng lão Hòa Thượng Chánh Văn Phòng, Kính bạch chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý quan khách, Kính thưa quý Đại biểu tham dự Đại Hội,

Kính thưa quý liệt vị, Trước tiên, thay mặt Hội Đồng Điều Hành, chúng tôi trân trọng chào mừng chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, quý quan khách, quý cư sĩ Phật tử đại biểu đã vì mạng mạch của Phật pháp, vì sự hưng thịnh của Giáo Hội, vì sự tu học an lạc của Phật tử, đã đáp lời mời của Ban Tổ chức, đến tham dự đông đủ lễ khai mạc Đại Hội Khoáng Đại kỳ III, nhiệm kỳ IV của Giáo Hội PGVNTNKH hôm nay.

Kính bạch quý Ngài, Kính thưa quý liệt vị,

Còn nhớ cách nay 7 năm, trong Đại hội Khoáng Đại Kỳ II, Nhiệm Kỳ III (2026-2020), chúng tôi có nêu ra 3 điểm nhằm duy trì và phát triển Giáo Hội. 3 điểm bao gồm 1) trang nghiêm giáo hội, 2) chấn chỉnh tổ chức và 3) phát huy các sinh hoạt tu học, hành đạo. Nay xin ôn duyệt lại trong hiện tình mới:

1.- Trang nghiêm Giáo Hội: Giáo Hội đã nghiêm túc nêu đặt vấn đề "quy y Tăng", trở về với bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng-già làm nền tảng cho mọi sinh hoạt và hành đạo; vì chỉ có sự cảm thông, thương yêu và đùm bọc nhau trong lý tưởng giải thoát giác ngộ mới có thể gắn kết Tăng Ni và Phật tử lại với nhau, nhờ đó mới vượt qua được pháp nạn hay chướng nạn thời đại.

2.- Chấn chỉnh tổ chức: chính từ sự hòa hợp của Tăng-già mới có thể chấn chỉnh nội bộ, sắp xếp lại nhân sự và đưa ra những dự án khả thi trong việc tu học và hoằng truyền Chánh Pháp.

3.- Phát huy các sinh hoạt tu học và hành đạo: Giáo Hội đã góp phần hình thành Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại (01.2007), thành lập GHPGVNTN Hoa Kỳ (09.2008), đồng thành lập Văn Phòng Điều Hành Giáo Hội PGVN Thống Nhất Liên Châu (01.2009). Nhờ sự liên hợp với 3 tổ



chức này mà Giáo Hội phát huy nội lực, phát triển các sinh hoạt tu học và hành đạo tại Hoa Kỳ, đồng thời đóng góp một số Phật sự chung với các Giáo hội thuộc quốc gia và châu lục khác. Các sinh hoạt căn bản hàng tháng, hàng năm mà Giáo Hội đã và đang thực hiện gồm có:

a) **An cư kết hạ:** nhằm duy trì truyền thống tu tập, trao đổi các vấn đề giới luật và kinh nghiệm hoằng pháp với chư Tăng Ni tứ phương;

b) **Tổ chức hoặc tham dự Ngày Về Nguồn:** để tri ân, tưởng niệm Lịch Đại Tổ Sư, thắt chặt tình pháp lữ giữa các thế hệ Tăng Ni trước sau đương tu học và hành đạo ở hải ngoại, tạo cơ hội cho sự trở về với những lời giáo huấn của Thầy Tổ, trở về với bản thể thanh tịnh, hòa hợp của Tăng Già qua sự hành trì Giới Định Huệ;

c) **Tổ chức Khóa tu học Phật pháp Bắc Mỹ:** Bắt đầu từ năm 2011, Khóa tu học Phật Pháp

này là một sinh hoạt tu học được tổ chức qui mô, sinh động, phong phú bao gồm các chương trình tu học, nghe Pháp, thảo luận trong một khung cảnh và không khí đặc biệt không còn bận rộn với cuộc sống hàng ngày. Cho đến nay Giáo Hội Hoa Kỳ đã tổ chức được 9 khóa (ngưng 3 năm vì đại dịch) và sắp sửa tổ chức khóa thứ 10 tại Big Bear do HT. Thích Tuệ Uy làm Trưởng ban Tổ chức;

d) **Nguyệt san Chánh Pháp của Tổng vụ Truyền Thông:** là tiếng nói của Giáo Hội được xuất bản liên tục, đều đặn mỗi tháng một số từ ngày Giáo Hội Hoa Kỳ được thành lập đến nay với một nội dung phong phú bao gồm từ Hoằng Pháp, Giáo Dục đến Văn học Phật giáo và Tin tức Phật sự và một hình thức bản in cũng như bản điện tử rất chuyên nghiệp và đẹp mắt. Bắt đầu từ năm 2009, đến nay chúng ta đã có được 31 số bộ cũ và 139 số bộ mới, ròn rã suốt 15 năm!

e) **Từ thiện Xã hội:** thể hiện bản chất Từ bi của đạo Phật cũng như hạnh nguyện cứu khổ của Tăng Ni Phật tử, Giáo Hội luôn sẵn lòng tổ chức những vận động gây quỹ, tổ chức phái đoàn đi cứu trợ với ngân khoản lớn lao để phần nào làm giảm bớt những đau khổ về tinh thần cũng như vật chất của các nạn nhân thiên tai, dù xa xôi,

như ở các quốc gia Nhật Bản, Philippines, Ấn Độ, và gần đây là hỗ trợ dụng cụ, vật liệu y tế để chống dịch tại Hoa Kỳ;

f) **Đại lễ Phật đản chung hằng năm:** Có thể nói là kể từ khi Phật giáo Việt Nam có mặt trên đất nước này, thành lập Giáo Hội để phục hoạt chánh pháp, thì không năm nào mà không tổ chức **Ngày Đại lễ Phật Đản Chung**. GHPGVNTNHNK đã đứng ra tổ chức nhiều đại lễ Phật Đản chung ở nơi này nơi khác, có khi kết hợp với các cộng đồng Phật giáo địa phương để tổ chức những Lễ Hội Phật Đản nhằm tưởng niệm Đức Thích Tôn cũng như để giới thiệu văn hóa Phật giáo đến với dân bản xứ và các sắc dân khác trên đất Hoa Kỳ.

Kính bạch quý Ngài,
Kính thưa quý liệt vị,

Lược trình những hoạt động của Giáo Hội chúng ta trong những năm qua, không phải là để hãnh diện hay lấy đó làm điều tự mãn. Chúng tôi chỉ muốn nhắc lại những việc làm ấy để lấy làm nền tảng, làm bài học cho những người đi sau, cho một Giáo Hội trẻ trung, sinh động hơn trong tương lai. Thế hệ chúng tôi nay đã "lão lai tài tận," nghĩa là không còn sức để làm dù tinh thần và ý chí luôn hướng đến Phật sự chung. Chúng tôi biết những gì làm được trong quá khứ chỉ là những đóng góp khiêm tốn trong chuỗi lịch sử hành đạo của Phật giáo VN tại hải ngoại, nhưng ít ra, đây là những viên gạch lót nền để những thế hệ đi sau dẫm lên và cất bước đồng mãnh, thành tựu vẻ vang hơn trong tương lai. Điểm cốt lõi mà thế hệ chúng tôi muốn nhắn nhủ lại với chư vị hậu lai là làm gì thì làm, phải tự đặt mình vào một tổ chức Giáo hội chính đáng, đặt mình vào sinh hoạt hòa hợp của Tăng-già. Bản thể của Tăng-già là biến lớn mà hàng Tăng sĩ chúng ta không thể rời bỏ.

Kính bạch quý Ngài,
Kính thưa quý liệt vị,

Giáo Hội vẫn còn có được như ngày hôm nay cũng là do sự đóng góp của tất cả chúng ta, từ chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, chư vị cư sĩ Phật tử, các anh em trong tổ chức Gia đình Phật tử cũng như toàn thể Phật tử các giới đã ủng hộ, yểm trợ những mục tiêu và sinh hoạt của Giáo Hội chúng ta. Thay mặt Giáo Hội, chúng tôi xin thành tâm tán thán công đức và niệm ân tất cả mọi sự đóng góp và yểm trợ đó.

Kính thưa Đại hội,

Chúng tôi rất hy vọng Đại Hội sẽ thành tựu được những mục tiêu cao cả vì mạng mạch của Phật Pháp, vì sự hưng thịnh của Giáo Hội, vì sự tu học an lạc của Phật tử mà tiếp tục trang nghiêm Giáo hội bằng cách phát huy bản thể thanh tịnh và hòa hợp của Tăng Già, tiếp tục chấn chỉnh, phát triển tổ chức và sinh hoạt của Giáo Hội.

Thay mặt Hội Đồng Điều Hành, chúng tôi xin trân trọng tuyên bố khai mạc Đại Hội Thường niên kỳ III, nhiệm kỳ IV Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Đại Hội thành công.

Trân trọng kính chào quý liệt vị.
Sa-môn Thích Tín Nghĩa



NHU NHIÊN LÀ MẸ

*tâm loang vàng trăng
huơng trầm tóc mẹ
thức liềm tháng năm
dòng đời san sẻ
se lạnh hơi thu
trời trong, nguyệt bạch*

*gối hạc vân du
son đầu, thủy trạch
chín chục thiêu quang
nhẹ làn mây nổi
bóng Phật soi đàng
đường về dòng ruồi
mưa nhạt nắng nhòa*

*bồ đề chín cội
cuộc lữ đơm hoa
hành trình điệu vợi
lòng mở tâm trăng*

*sáng con đường rộng
thơ, đạo nhịp vắn
rằm thu lòng lộng
thăm thẳm viễn trình*

*bụi hồng xa ngái
nụ cười mộng mênh
biển dâu vô ngại
dưới thế mẹ quỳ
hồi quang máy độ
phản chiếu từ bi
trăng thu sen nở.*

thơ **PHÙ DU**

GIÁO LÝ DUYÊN SINH

DẪN DẮT TOÀN BỘ SINH HOẠT CON NGƯỜI

Nguyên Siêu

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Có hai ý nghĩa dẫn dắt chính yếu cần bàn đến ở đây. Thứ nhất là dẫn dắt con người nhận thức đúng về thế giới hiện tượng, và thứ hai là dẫn dắt con người biết điều phối hợp lý giữa các ngành sinh hoạt trong xã hội.

Nhận thức rằng tất cả đều là giả tạm và cuộc đời là một nỗi khổ đau lớn, nên đức Phật mới đi tìm chân lý và giác ngộ chân lý. Sự giả tạm và nỗi khổ đau lớn ấy do đâu phát sinh và cái gì là nguyên nhân của khổ? Đức Phật dạy, đó là do chấp ngã. Vì con người chấp vào bản ngã nên đã phát sinh bao nhiêu khổ não giữa đời này.

Sau khi đức Phật thể nghiệm lý Duyên sinh, Ngài đã tuyên bố: "Này A-nan, chính vì không giác ngộ, không thấu hiểu giáo pháp này mà chúng sinh hiện tại rối loạn như một ổ kén, rồi ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử."

Đối với giáo lý Duyên sinh, không riêng gì đức Phật Thích-ca tuyên bố như vậy, mà chư Phật trong quá khứ cũng tuyên bố và giác ngộ như vậy. Cho nên có thể nói rằng giác ngộ giáo lý Duyên sinh là sự giác ngộ tương đồng của chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Chính sự giác ngộ là điều kiện minh chứng giáo lý Duyên sinh là linh hồn của ngôi nhà Phật giáo.

Đức Phật giác ngộ giáo lý Duyên sinh là tinh thần giáo pháp tuyệt diệu, thù thắng và tối thượng. Ngay trong đêm thành đạo, đức Phật đã khám phá 12 mắt xích duyên sinh và quán triệt từ vô minh đến sinh, lão tử cũng như ngược lại, quán từ lão tử đến vô minh. Đức Phật chứng chân pháp giới, nhận diện bản lai sự vật là do duyên tương tục sinh, là vô thường, khổ, vô ngã. Và như vậy, chúng ta có thể nói, giáo lý Duyên sinh là tinh thần giáo lý độc tôn. Bởi vì, bản thân giáo lý Duyên sinh nói lên thật tánh, thật tại của vạn

pháp. Bản thân giáo lý Duyên sinh được đức Phật thuyết dạy cụ thể như sau:

"...Thế nào là duyên khởi? Này các tỳ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi."

Toàn bộ giáo lý Duyên sinh là 12 chi phần hợp duyên với nhau. Chi phần này làm duyên cho chi phần kia và cứ thế mà sinh khởi xoay vòng vô tận. Trong 12 chi phần này, đức Phật đã định nghĩa từng chi phần một như sau:

Lão tử (jāra maraṇa): "Cái gì thuộc chúng sinh này hay chúng sinh khác, thuộc bộ loại chúng sinh này hay thuộc bộ loại chúng sinh khác, bị già yếu, suy nhược, rưng rưng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ đổi bại, các căn chín mùi. Đây gọi là già. Sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn tàn lụn, thân thể vứt bỏ. Đây gọi là chết. Như vậy đây là già, đây là chết."

Sanh (jāti): "Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác... bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ."

Hữu (bhava): "Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu."

Thủ (upādāna): "Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ."

Ái (taṇhā): "Sắc ái, tham ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái."

Thọ (vedanā): "Thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh."

Xúc (phassa): "Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc."

Lục xứ (salāyatana) hay Lục nhập: "Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ."

Danh sắc (nāma rūpā): "Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý. Đây gọi là Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra, đây gọi là sắc."

Thức (viññāṇa): "Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức."

Hành (saṅkhāra): "Thân hành, khẩu hành, tâm hành."

Vô minh (avijjā): "Không rõ biết về Khổ, không rõ biết về Khổ Tập, không rõ biết về Khổ Diệt, không rõ biết về con đường đưa đến Khổ Diệt."

Phần trên là trình bày sự tập khởi của 12 nhân duyên. Do duyên hợp mà thành và ngược lại do duyên tan rã nên bị đoạn diệt, và đức Phật dạy về sự đoạn diệt như sau:

"Do sự đoạn diệt, ly tham, vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là đoạn diệt ly tham vô minh một cách hoàn toàn của toàn bộ khổ uẩn."

Và rồi, một thời đức Phật ở tại Sāvattthi, Ngài đã thuyết giảng về vấn đề tà đạo và chánh đạo cho chúng tỳ-kheo. Vấn đề tà đạo và chánh đạo ấy chính là pháp Duyên sinh. Tà đạo tức là do vô minh duyên hành, hành duyên thức cho đến sanh lão tử, một chuỗi duyên sinh khởi và tạo thành điều kiện trở dậy của vạn pháp. Còn chánh đạo tức là do đoạn diệt, ly tham vô minh một cách triệt để nên hành cũng bị hủy diệt và hành diệt nên thức diệt, như vậy cho đến lão tử diệt, một chuỗi duyên sinh được dập tắt. Bản lai diện mục của vạn pháp tịch nhiên hiển lộ.

Cũng vấn đề Duyên sinh, đức Phật đã dạy vào một thời quá khứ, đức Thế Tôn Vipassi khi chưa chứng quả, chưa giác ngộ, giải thoát, còn là vị Bồ tát, đã khởi lên những tư tưởng như sau: *"Thật sự thế giới này đang lâm nguy, bị sanh, bị già, bị chết, đoạn diệt và tái sanh, và từ nơi khổ đau này, không biết xuất ly, thoát khỏi già và chết. Từ nơi khổ đau này, không biết khi nào biết đến xuất ly, thoát khỏi già và chết!"* Đức Phật Vipassi lại tiếp tục suy tư để tìm ra nguyên lý của sự khổ ấy: *"Do cái gì có mặt, già chết có mặt? Do duyên gì, già chết sanh khởi?"* Sau khi như lý tư duy, Bồ tát Vipassi nhờ vào trí tuệ siêu việt, phát khởi minh kiến: *"Do sanh có mặt, già chết có mặt. Do duyên sinh, già chết sanh khởi. Do cái gì có mặt, sanh có mặt? Do duyên gì sanh sanh khởi? Do hữu có mặt nên sanh có mặt. Do duyên hữu, sanh sanh khởi... Do thủ có mặt nên hữu có mặt. Do duyên thủ, hữu sanh khởi. Do ái có mặt nên thủ có mặt. Do duyên ái, thủ sanh khởi. Do thọ có mặt nên ái có mặt. Do duyên thọ nên ái sanh khởi. Do xúc có mặt nên thọ có mặt, do duyên xúc, thọ sanh khởi... Do vô minh có mặt nên hành hiện hữu. Do duyên vô minh, hành sanh khởi."*

Và Bồ tát Vipassi đã như lý tư duy ngược lại, về sự hủy diệt của chúng: *"Cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Do cái gì diệt, già chết diệt? Sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt... Do vô minh không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn."*

Nội dung giáo lý Duyên sinh là nói lên tinh thần giả hợp của sự vật. Tự bản thân của vạn pháp là giả huyền không mang tính chất thực hữu. Chính vì không có tính chất thực hữu nên ta biết sự vật là vô ngã. Cùng chung một nguyên tắc "tánh không". Nhưng giáo pháp của đức Phật chúng ngộ là giáo pháp tánh không, vô ngã mà ngược lại con người quan niệm sự vật, cuộc đời là thực có và có một cách vĩnh cửu. Con người chủ trương một bản ngã trường tồn và chấp thủ ngã chân thật. Vì lẽ đó, sau khi đức Phật giác ngộ, Ngài đã thấy sự khó khăn trên bước đường truyền bá giáo pháp đến cho con người, chúng sinh. Nhưng cuối cùng Ngài đã quyết định đem giáo

pháp vô ngã ấy đến cho tất cả, nếu ai có căn cơ chúng ngộ thì sẽ liễu tri.

Với tinh thần giáo pháp Duyên sinh mà đức Phật đã chúng ngộ, có lần Tôn giả Sāriputta tán thán công đức Thế Tôn như sau: *"Ngài là bậc tối thượng, tối tôn... quá khứ và tương lai không thể có ai cao hơn nữa..."* Khi nghe vậy, đức Thế Tôn hỏi Sāriputta vì lý do gì và biết gì về Thế Tôn mà nói lên lời xưng tán mạnh mẽ như vậy. Sāriputta đã trình bày sự thấy biết của mình về Thế Tôn là truyen thống chúng đặc của ba đời chư Phật, ấy chính là sự chúng đạt toàn triệt về pháp tánh, về duyên khởi tánh của vạn pháp.

Sau khi Tôn giả Sāriputta tán thán sự giác ngộ của đức Phật, Đức Phật cũng nói lên cảm nghĩ của ngài về Sāriputta: *"Nếu ta đặt lại câu hỏi về các pháp, về pháp giới này suốt một ngày một đêm thì Tôn giả Sāriputta có thể trả lời suốt một ngày, một đêm. Nếu ta đặt lại câu hỏi suốt bảy ngày, bảy đêm, thì Tôn giả Sāriputta có thể trả lời suốt bảy ngày, bảy đêm. Bởi vì Sāriputta là bậc Đại tuệ, đã thể nhập pháp tánh, đã chúng đạt nhuần nhuyễn pháp tánh duyên khởi..."*

Tự tánh của sự vật do duyên sinh là một định luật tất yếu. Tự tánh của pháp hữu vi là đoạn diệt, là vô thường biến dịch, chóng tan vỡ. Vốn dĩ tự tánh các pháp là như vậy nên dù đức Phật có mặt ở đời hay không thì tự tánh các pháp ấy cũng là *"như tánh thật tánh, pháp trú tánh ấy, tánh ấy của pháp là chân như không hư vọng, không thể đổi khác"*.

Vì thật tế của vạn pháp là như vậy nên được gọi là định lý duyên khởi. Nhưng điều quan trọng nơi đức Phật là Người đã khai sáng tự tánh vô ngã và chúng ngộ, giải thoát khỏi tinh chất vô ngã ấy.

Có lần đức Thế Tôn thuyết giảng cho trưởng giả Anāthapindikā về thánh lý Duyên khởi như sau:

"Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử khéo như lý tác ý lý Duyên khởi. Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt."

Qua lịch trình diễn tiến của giáo lý Duyên sinh, nguyên nhân, động cơ sinh khởi và hoại diệt của chính nó, từ đây chúng ta thấy rằng do nhân duyên nên mọi hiện tượng được tạo thành, và vì có duyên sinh nên tự thể của sự vật là vô ngã, vô thường, khổ, không, chịu sự hủy diệt. Như vậy, đây là toàn bộ khổ uẩn này hủy diệt, mà thật ra ta không thấy có cái ngã nào sinh khởi và hoại diệt cả...

Có lần đức Phật thuyết giảng về bốn loại thức ăn khiến cho các loại chúng sinh được tồn tại, hay khiến cho các loại sắp sinh thành được thọ sinh. Bốn loại thức ăn ấy là: đoàn thực, xúc thực, niệm thực và thức thực. Khi ấy Tôn giả Moliya Phagguna thưa hỏi Thế Tôn: *"Ai ăn thức thực?"*

Thế Tôn đáp: *"Câu hỏi ấy không thích hợp, ta không nói: 'Có ai ăn.' Nếu ta nói 'Có kẻ ăn' thì câu hỏi 'ai ăn' là thích hợp. Nhưng ta không nói như vậy. Và vì ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi ta: 'Bạch Thế Tôn, thức thực là cho ai', thì câu hỏi này thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: 'Thức thực là duyên cho sự sinh thành, cho sự tái sinh trong tương lai. Khi cái này hiện hữu, có mặt thì sáu xứ có mặt. Do duyên sáu xứ, xúc có mặt.'"*

Và cũng như vậy, nếu đặt câu hỏi ai vô minh, ai hành, ai xúc và ai khổ...? Những câu hỏi như vậy không thích hợp tinh thần giáo lý Duyên sinh mà chúng ta phải đặt câu hỏi là "do duyên nhân nào mà vô minh hiện hữu? Khổ hiện hữu?" Như vậy mới đúng trên nguyên tắc lập luận. Và như vậy sẽ trả lời rằng: "Sở dĩ có khổ hiện hữu là do xúc mà phát sinh", khổ thuộc cảm thọ. Với chủ trương của các luận thuyết ngoại đạo, họ cho rằng: "Khổ do tự mình làm thường kiến, hoặc do người khác làm ra đoạn kiến, hoặc do mình cùng người làm, hoặc do tự nhiên không do mình và người cùng làm." Các chủ trương này là ngoại đạo.

Cũng trên quan điểm này, Tôn giả Sāriputta đã tuyên bố như sau: "*Nếu khổ do mình làm ra hay do người khác làm ra thì khổ ấy sẽ không cần xúc. Sự kiện này không thể xảy ra.*" Rồi những câu hỏi được đặt ra liên quan đến ngã: "*Quá khứ ta là gì? Ta có mặt như thế nào? Ta có sắc hay không? Và tương lai ta sẽ là gì? Ta có mặt như thế nào? Ta có sắc hay không? Hiện tại ta là ai? Ta có sắc hay không?*"... Tất cả những câu hỏi này thầy đều là vọng tưởng, không thuộc chánh kiến về giáo pháp Duyên sinh.

Và như vậy một khi chúng ta phủ nhận cái "ta", thì hiện tại ai là kẻ thừa tự giáo pháp, học hỏi đạo nghĩa, đoạn trừ sinh tử khổ đau và chứng đắc Niết-bàn? Mới nghe qua, ta tưởng các câu hỏi ấy là đúng, nhưng kỳ thật làm sao có nghĩa và hợp lý được, khi mà mọi vật đều chuyển mình trong vòng xoay của 12 móc xích duyên sinh tạo thành. Vậy thì làm sao tìm thấy cái "ta" trong chuỗi biến dịch liên tục giả hợp ấy? Do đâu mà con người có cái "ta" để rồi: cái này là "tôi", cái này là "tự ngã của tôi", cái này sở thuộc của "tôi". Đây không là gì khác ngoài sự lầm tưởng của suy tư, đã không nhận chân được thực tại đang trôi chảy mà lầm tưởng các pháp là thật có và có tự thể trường tồn. Đây chính là sản phẩm sai lầm của suy tư.

Chính do suy tư mà tôi nói có cái nhà. Kỳ thật cái nhà là gì? Là nền, là vách, là mái, là kèo, cột... gộp lại mà thành. Vậy, cái nhà không có tự ngã mà do các yếu tố kết hợp lại thành hình cái nhà mà thôi. Một quan điểm hoàn toàn vô lý của suy tư. Do suy tư bóp méo thực tại. Do suy tư đánh mất sự thật của sự vật: vô ngã.

Và như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng, cái "tôi" ở đây cũng chính là con đẻ của suy tư. Như vậy, khi con người phát khởi suy tư để hỏi và trả lời câu hỏi, tất cả đều do vọng niệm. Vì kẻ hỏi và người trả lời không nằm ngoài phạm trù của suy tư trong khi thực tại là vô ngã. Vậy thì chúng ta có

thể nói rằng thế giới hữu ngã là thế giới của suy tư, còn thế giới vô ngã, đó chính là thế giới của thực tại, sống động linh hoạt.

Khi chúng ta nhìn qua lăng kính Duyên khởi, thế giới này quả thật hoàn toàn vô ngã, như trong kinh Kim Cương đã thể hiện tinh thần này: "*Nhất*



thiết hữu vị pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điển, ung tác như thị quán." Tất cả các pháp hữu vi giống như giấc mộng, như huyễn hóa, như bọt nước, như ánh chớp, như sương mai, như điện xẹt, phải quán đúng như vậy. Hoặc "*nhất thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả.*" Tất cả pháp là vô ngã, không có ta, không có người khác, không có chúng sinh, không có mạng cặn, tuổi thọ.

Bản thể của sự vật vốn là vô ngã, cho nên thực tại mới điều dụng. Chính tự thể là vô ngã nên nó mới biến ra nhiều cảnh tượng khác nhau, là diệu hữu, một cách tài tình trong thế

giới trùng trùng duyên khởi và luôn luôn hiện hữu trong tự thể của chính nó. Vì vô ngã nên các pháp không có sự chướng ngại với nhau mà đều tương dung, tương nhiếp. Nếu ngược lại, sự vật có một cái ngã của chính nó, có tồn tại với chính nó, mà nó không là cái khác thì bản tính linh hoạt của sự vật sẽ chết ngay trong tự thể của nó. Và vì thực tại vốn là vô ngã cho nên tinh thần bất nhị đã thể hiện "*phiền não tức bồ-đề, sanh tử tức Niết-bàn.*" Nếu sự thật của sự vật không là như vậy - nếu có một ngã tính, thì phiền não sẽ vĩnh viễn là phiền não và muôn đời sẽ không là bồ-đề, và dù có chúng sinh tu tập tinh cần thì sinh tử vẫn là sinh tử, chẳng bao giờ thể nhập chân như, tịch tịnh, Niết-bàn. Bản tính các pháp là vô tự tính nên con người mới có khả năng giải thoát mọi ngục tù của si mê để chuyển thành đại ngộ. Thế giới "vọng niệm thành sinh diệt" của ngã tướng hoàn toàn không thực này chỉ tồn tại một cách thật mong manh như vậy nên con người mới có khả năng "*nhất niệm thông tam giới*", và vì nó không thực thể nên mới "*trông ra bốn biển, bờ mê, ngàn thu nửa chớp bốn bề một phương.*" [1]

Tất cả mọi vật chung quanh ta thầy đều mang một tự tính là vô ngã. Nếu chúng ta có một trực giác nhạy bén thì sẽ nhận diện thực tướng các pháp một cách dễ dàng và cũng chính nơi đây chúng ta sẽ liễu tri được tự thân con người sinh ra, lớn lên rồi già nua và hủy hoại. Đây chính là tiến trình thành, trụ, di, diệt của các pháp. Tại sao chiếc lá trên cành ngày trước còn xanh tươi, nhưng qua hôm sau lại thay màu, rồi rơi về cõi? Phải chăng chiếc lá ấy chịu sự chi phối của luật vô thường và chuyển mình theo lý Duyên sinh: cái này sinh tồn nên cái kia cũng sinh tồn, và cái này

hủy diệt nên cái kia cũng hủy diệt. Một sự hủy diệt dây chuyền không hề có sự gián đoạn, ngăn cách.

Một khi chúng ta thấy rõ được bản lai diện mục của các pháp rồi, thì nơi kia một đóa hoa tàn, trên trời một áng mây tan hay một vầng trăng khuyết, chúng ta cũng trực nhận được rằng, đó chính là biểu hiện của vô ngã, vô thường, của sự vật.

Có nhiều trường hợp đệ tử Phật chứng ngộ một cách thật mau lẹ vì trực nhận được vạn pháp giai không thật nhiệm mầu. Như trong Trưởng Lão Ni Kệ, một nữ Phật tử sống cuộc sống gia đình với chồng con, rồi một hôm làm bếp, bà nhìn thấy đồ ăn bốc cháy xèo xèo trong chảo dầu đang sôi, bà nhận ra lẽ vô thường ngay đó, liền chứng đắc quả A-na-hàm.

Tóm lại, sự vật luôn hiển bày thật tướng của chính nó là vô ngã, nếu chúng ta biết suy tư, chiêm nghiệm thì sẽ thể hội được thật tướng ấy ngay. Còn như chúng ta cứ nhận bóng trăng dưới nước cho là trăng thật, thì thế giới này sẽ bị đảo lộn tất cả, từ con người cho đến thiên nhiên ngoại vật. Nếu chúng ta bình tâm hơn một chút nữa, nhìn sợi dây chính thực là sợi dây mà không nhầm thành con rắn thì thế giới này không thể đánh lừa được ta, không còn khả năng hấp dẫn và lôi kéo chúng ta, thấy rõ đây là sắc khả ái, khả lạc, khả ố, khả hỷ... Ta bình tĩnh, tự tại trong đời sống gọi là khổ đau này mà không quan tâm đây là vô thường hay kia là khổ, không, vô ngã...

*(trích Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh
Điển Phật Giáo Nguyên Thủy)*



VỊ THƠM THẢO MUÔN ĐỜI

*Trời tháng Tám nắng vàng vương thắm lá
Đồi vẫn xanh chưa hết khúc hạ ca
Mùa Vu Lan đang đến khắp gần xa
Lòng tưởng nhớ thương mẹ cha, tiên tổ
Cõi Sa-bà vốn thật là bể khổ
Sinh - tử hoài như sóng gợn nhấp nhô
Thăng - đọa mãi từng tâm niệm tế - tho
Càng lầy lờng càng dễ vô nẻo dữ
Người giàu sang, kẻ bán hàn, lũ thứ
Dù vô tình hay ô mộng tương tư
Đều chấp ngã cứ một dạ khư khư
Cho đến chết vẫn chưa từ huyễn mộng
Tâm đố kỵ, tâm công cao loạn động
Tâm hận thù, tâm hư vọng cuồng ngồng
Tâm dối trá, tâm mê hoặc tây-đông
Hỏa ngục cháy chính từ trong tâm địa
Mùa Vu Lan hương tâm về mọi phía
Tâm từ bi nước cam lộ đồng chia
Chẳng bên này hay phân biệt bên kia
Gọi người mê cùng hồn vía quay về
Rằm tháng Bảy bàng bạc khắp sơn khê
Ánh trăng sáng cả bốn bề non nước
Người sống còn lo làm lành tạo phước
Người chết rồi sẽ sớm được siêu thăng
Đêm Vu Lan vàng vạc dưới vầng trăng
Lòng quy ngưỡng hướng về ngài Địa Tạng
Tay gậy vàng, tay cầm viên châu sáng
Cõi tôi tâm rục rờ rạng quang minh
Tâm từ bi trí huệ lại hiển linh
Độ vong nhân độ chúng sanh lục đạo
Hướng về Phật theo con đường tuyệt hảo
Tự trọng ân vị thơm thảo muôn đời
Vu Lan Bồn tâm hiếu động đất trời
Những người con ghi nhớ lời Phật dạy
Sống tỉnh thức bình an cho hết thảy
Niệm hiện tiền giác ngộ hãy hồi tâm.*

thơ THANH NGUYỄN

CHIẾC ÁO KHÔNG LÀM NÊN NHÀ SƯ

Thích Tâm Nhân

*Tưởng niệm Ân sư Tuyên Luật sư Thích Đồng Minh,
viên tịch 11 tháng 5 năm Ất Dậu – 2005*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Câu thành ngữ mà người Việt thường nghe “Chiếc áo không làm nên nhà sư” (*Das Kleid macht keinen mōnch & L’habit ne fait pas le moine*), nghĩa bóng của nó như một lời nhắc nhở mọi người, đừng vội đánh giá người khác qua hình thức bên ngoài. Nhưng trong đạo, “chiếc áo không làm nên nhà sư” lại có ý vị sâu xa khác, ví dụ một nhà sư vì hoàn cảnh binh đao hay thời kỳ tao loạn, ảnh hưởng tính mạng, nhà sư cần khoác áo thường dân để ẩn dật thì dù mặc y phục kiểu gì lúc ấy bản thể của tỳ-kheo cũng không bao giờ mất đi. Bình nhật trở lại, nhà sư cũng không thể mặc hoài y phục thế gian là thành ông sư, “chiếc y làm nên nhà sư” (*quand l’habit fait le moine*). Song, trọng ca-sa hay trọng giới thể đó là điều chúng ta cần bàn.

Câu chuyện trong chùa. Tôi có vị sư huynh đang tu học theo hệ Phật giáo Bắc tông, sinh hoạt tại một ngôi cổ tự – Sài Gòn, sư huynh thọ giới cụ túc năm 1991, nay có ý muốn chuyển sang Phật giáo Nam tông. Vì nghĩ rằng chiếc y của mình đang khoác không phải màu y của Phật giáo nguyên thủy chính thống, tuy nhiên còn phân vân chưa dứt khoát, với lý do nếu qua đó phải làm sadi và thọ giới cụ túc lại từ đầu...

1. GIỚI THỂ VÔ BIỂU

Trong Phật giáo Bắc tông có hai vị Trưởng lão kỳ túc đã đổi y từ Bắc tông sang Nam tông nhưng không hề thọ giới lại theo truyền thống Nam truyền, đó là Hòa thượng Thích Minh Châu và Hòa thượng Thích Đồng Minh.

Trong giai đoạn Phật giáo đứng trước khúc quanh lịch sử đau thương năm 1978, Hòa thượng Đồng Minh bị bắt, sau hai năm ở tù trở về, Ôn đối y Bắc tông sang y Nam tông, không vì chuyện này mà nói rằng giới thể “vô biểu” của Ôn bị mất hoàn toàn. Thầy Tuệ Sỹ viết về Ôn: *Hòa thượng là một số rất ít trong các tỳ-kheo trì luật của Tăng-già Việt Nam kể từ khi Phật giáo được trùng hưng, Tăng thể được chấn chỉnh và khôi phục... Ngài xứng đáng là bậc Long Tượng trong chốn tông lâm, đời sống phạm hạnh nghiêm túc, phần chiếu giới đức sáng ngời, tinh như băng tuyết* [1]. Và khi Ôn viên tịch, Hòa thượng Trí Quang kính tiến tán tụng:

“Kính cúng dường bậc Đại đức tôn quý trong hàng tứ chúng, một đời trì luật, thuận Giới giải thoát (*prātimokṣa*).” (*Phụng cúng chúng trung tôn, thiện thuận giải thoát giới 奉供眾中尊善順解脫戒*) [2].



Ảnh tư liệu (Tâm Nhân)

Vị Tôn trưởng thứ hai, Hòa thượng Thích Minh Châu sinh năm 1918 (Mậu Ngọ) tại làng Kim Thành, Quảng Nam. Năm 1946, Hòa thượng xuất gia đầu sư với ngài Tịnh Khiết (Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN) tại Tổ đình Tường Vân, thành phố Huế. Năm 1949 (Kỷ Sửu) thọ cụ túc giới tại Giới đàn Hộ Quốc chùa Báo Quốc. Năm 1952, Hòa thượng du học tại Sri Lanka, sau đó sang Ấn-độ học tại Đại học Bihar. Tháng 4 năm 1964, trở về nước, Hòa thượng làm Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh... [3] Hòa thượng thọ giới theo truyền thống Bắc tông (Pháp tạng bộ) rồi chuyển y Nam tông, thời điểm chuyển y không thấy sử liệu nào ghi chép, có thể là trong giai đoạn du học?

Từ thời Phật, khi Ngài chế định việc truyền giới cụ túc phải hiện diện 10 vị tỳ-kheo mới đủ thẩm quyền để tiến hành việc truyền giới cụ túc và nghi thức được tiến hành thông qua ba lần hỏi (yết-ma) lấy biểu quyết của Tăng, và một lần tác bạch thưa thỉnh trước đó là bốn lần, gọi là Bạch tứ yết-ma (*jñāpticatortham karma*) [4], cho đến nay cả hai hệ: Phật giáo Nam tông y cứ trên luật tạng Pāli và Bắc tông y cứ hệ luật Tứ phần đều thực hiện như nhau. Và theo các nhà Hữu bộ luận giải, khi giới tử phát sinh tâm niệm cầu thọ cụ túc giới, được dẫn vào trước Tăng, thành khẩn nói những lời cầu thỉnh giới sư v.v... cho đến khi Tăng đã thực hiện một lần tác bạch và ba lần yết-ma, tất cả những diễn tiến này đều được gọi là gia hành của nghiệp đạo. Sau khi Tăng đã hoàn tất Bạch tứ yết-ma, giới thể vô biểu đã phát sinh nơi giới tử.

Vô biểu (Skt. *avijñapti*, 無表) là những thể lực điều động các hoạt động của thân và ngữ,

không biểu lộ ra bên ngoài cho người khác có thể thấy. Thế lực đó là khả năng phòng hộ của giới. Nó giống như sự phản xạ có điều kiện của một người học võ do tập luyện lâu ngày, có khả năng phòng vệ sinh mạng của mình trong bất cứ lúc nào và dưới bất cứ trường hợp nào [5]. Và năng lực phòng hộ này chỉ mất với những trường hợp như sau:

Luật Pāli (Vin. 3. 26), *Tứ phần* (p. 571b12) v.v... giải thích: thứ nhất, đối diện với người có khả năng hiểu mình muốn nói gì, tuyên bố từ bỏ học xứ, như nói: "Tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng, ...xả giới, xả luật, muốn làm cư sĩ..." là mất giới. Thứ hai là phạm ba-la-di (*pārājika*) là mất giới. *Luận Câu-xá* [6] giảng thêm: Mất giới khi mạng chung (xả tụ đồng phần 捨聚同分); bị lưỡng tính ái nam ái nữ (nhị căn chuyển sinh 二根轉生); thiện căn bị đoạn (善根斷), như khởi tà kiến không tin nhân quả, tham, sân, si trở dậy làm mất thiện căn, mất giới. Không thấy giáo nghĩa nào nói, một tỳ-kheo thay đổi y phục sang hệ phái cùng tông phái Phật giáo là mất giới. Ngoài trừ tỳ-kheo nào ưa thích muốn làm đệ tử ngoại đạo (*titthayasāvaka bhāvaṃ patthayamāno*), cải tông mới mất giới hoàn toàn. Vậy vì sao Phật giáo Nam tông không chấp nhận giới thể của hệ Bắc tông thọ trì theo hệ Tứ phần - Pháp tạng bộ?

2. TƯ TƯỞNG TỰ TÔN CỦA TÔNG PHÁI

Mặc dù, Hòa thượng Minh Châu và Ôn Đồng Minh đối y nhưng Phật giáo Nam tông tại Việt Nam lúc bấy giờ cũng không công nhận là được "chân truyền". Sự thật lịch sử:

Tháng 4 năm 1976, Pol Pot lên nắm quyền Campuchia, bãi bỏ mọi tôn giáo, tiêu diệt các nhà sư Phật giáo. Năm 1978, Việt Nam tấn công Campuchia lật đổ chế độ Pol Pot và phía chính quyền Việt Nam muốn Phật giáo Nam tông tại đây được khôi phục, cho nên tổ chức một phái đoàn Phật giáo Nam tông từ Việt Nam sang truyền giới cho các nhà sư Campuchia. Theo tài liệu của Đỗ Trung Hiếu ghi chép, phái đoàn gồm 12 người: 1. Hòa thượng Bửu Chơn (trưởng đoàn); 2. Hòa thượng Giới Nghiêm (phó đoàn); Thượng tọa Siêu Việt, Thượng tọa Minh Châu, Thượng tọa Thiện Tâm v.v... Ngày 17 tháng 9 năm 1979, đoàn Phật giáo Việt Nam lên đường. Đến nơi, chiều ngày 18, Hòa thượng Bửu Chơn trở bệnh nặng... Tiếp ngày hôm sau, đúng 9 giờ sáng ngày 19 tháng 9 (1979), lễ xuất gia được tổ chức tại chùa Ounalon (chùa lớn nhất Phnôm Pênh, nơi vua sãi ở). Có 7 vị sư Campuchia xuất gia. Hòa thượng Giới Nghiêm làm thầy tế độ, Thượng tọa Siêu Việt, Thượng tọa Thiện Tâm làm Yết-ma, các vị khác làm thành viên của buổi lễ. Riêng Thượng tọa Minh Châu vì là Bắc tông nên chỉ tham dự với tư cách khách danh dự [7].

Vì sao Hòa thượng Minh Châu không được tham dự chính thức, nếu nói do ngài không thọ tiếng Campuchia thì điều này không hợp lẽ, trong phái đoàn cũng có Thượng tọa Thiện Tâm không biết tiếng Campuchia, lại làm Yết-ma. Tập tài liệu của ông Hiếu có nhấn mạnh rõ ràng: "Ngoài Thượng tọa Minh Châu, tất cả sư đều là Nam tông".

Trường hợp của Ôn Đồng Minh cũng không ngoại lệ. Ôn từng kể cho chúng tôi nghe, có lần

Ôn muốn nghiên cứu cách thức tác pháp yết-ma của Tăng-già Nam tông; Ôn đến tham dự nhưng chỉ dự khán, ngồi bên ngoài Sīmā, tức chỉ cho cương giới của Tăng Nam tông Yết-ma truyền giới cụ túc. Vì Ôn không phải túc số của Tăng, ngồi vào trong thì buổi lễ yết-ma đó sẽ bất thành.

Nghi thức truyền giới cụ túc của hai hệ Nam tông và Bắc tông tuy sai khác về văn bản tụng đọc và lễ nghi tổ chức nhưng túc số Tăng để yết-ma cũng 10 vị tỳ-kheo mà thôi. Bên Bắc tông có thêm vị dẫn thỉnh (điển lễ) và bốn vị giám đàn, xét trên nguyên tắc những người này không cần thiết, chỉ ảnh hưởng tập tục nghi tiết của Trung Quốc, họ không được tính trong túc số Tăng 10 vị.

Theo chúng tôi biết, hiện nay tại Việt Nam, cả hai hệ phái tổ chức giới đàn, trong túc số 10 vị không thấy có sự thỉnh mời tham dự xen lẫn. Giả thuyết, sư Bắc tông không thể tụng đọc Pāli, hay sư Nam tông không biết tụng đọc âm Hán-Việt, nên không thể ngồi chung; hoặc lý luận, bên nào quen với truyền thống bên đó, càng không đúng. Phái chẳng chính do đôi bên tự tôn tông phái, nảy sinh tính kỳ thị, mới có chuyện không chấp nhận nhau và có thành kiến với y phục, cả sự đặc giới của đôi bên. Thời xưa, những vùng miền linh hoạt luật học thì không bao giờ có chuyện này.

3. GIỚI ĐÀN HIỆN DIỆN NHIỀU BỘ PHÁI

Sử liệu lưu truyền, vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, Mahinda (摩哞陀, Ma-sấn-đà) con trai vua A-dục (Asoka) nhận *Moggaliputta Tissa* (目犍連子帝須, Mục-kiền-liên Tử Đế-tu) làm Hòa thượng bốn sư (*upādhyāya*), *Mahādeva* (大天 Đại Thiên) là Hòa thượng (A-xà-lê, *ācārya*, 阿闍黎) truyền 10 giới sa-di; *Madhyāntika* (摩闍提 Ma-xiển-đề) là Hòa thượng (A-xà-lê) truyền giới cụ túc. Trong một giới đàn có ba hệ phái cùng tham dự: *Moggaliputta Tissa* là người Phân biệt thuyết bộ (*Vibhajyavādin*), *Mahādeva* là phái Đại chúng (*Mahāsaṅghika*), *Madhyāntika* là Thuyết nhất thiết hữu bộ (*Sarvāstivādin*) [8]. *Mahinda* chính là Sơ tổ Phật giáo Nam tông bảy giờ [9]. *Mahinda* cùng các vị đại đức *Itthiya* (*Iddhiya*), *Uttiya*, *Bhaddasāla* và *Sambala* đến Tích-lan truyền giáo theo sắc lệnh vua cha và nhóm này hình thành Thượng tọa bộ, còn gọi Đồng điệp bộ (*Tāmasāṭṭiyas*, bộ phái mặc màu y lá đồng đỏ), cho đến tận ngày nay dấu chân hoàng hóa của họ phát triển khắp nơi trên thế giới.

Tại Trung Hoa, thời kỳ đầu Phật giáo du nhập, lúc này Tăng sĩ chỉ cạo tóc xuất gia, trợ trì tam quy ngũ giới, không có luật nghi. Đến năm 250, niên hiệu Gia Bình thời Tào Ngụy, Đàm-ma-ca-la (*Dharmakāla*) người Ấn-độ đến Lạc Dương, dịch *Tăng-kỳ Giới Tâm*; năm 254, niên hiệu Chánh nguyên, sa-môn Đàm-đế người An tức cũng đến Lạc Dương dịch *Đàm-vô-đức bộ Tứ phần Giới bốn*, thỉnh đủ 10 vị Phạm tăng tổ chức pháp yết-ma truyền giới tỳ-kheo. Đó là giới đàn truyền giới tỳ-kheo đầu tiên tại Trung Hoa. Không rõ 10 vị Tăng được thỉnh mời thuộc tông nào nhưng theo tư liệu Hán dịch nói rằng Đàm-ma-ca-la và Đàm-đế thuộc tông Pháp tạng bộ trì *Luật Tứ phần* [10].

Về Ni giới. Cho đến đời Tấn, niên hiệu Thăng bình (357), Sa-môn Đàm-ma-kiết-đa lập giới đàn

truyền giới tỳ-kheo-ni cho Tịnh Kiêm và bốn cô nữa. Đây được kể là tỳ-kheo-ni đầu tiên tại Trung quốc, nhưng không đủ nhị bộ tăng, mà trực tiếp truyền từ tỳ-kheo Tăng. Vì bấy giờ Trung quốc chưa có Ni thì không thể đủ hai bộ để truyền như luật định. Đàm-ma-kiết-đa cho rằng giới từ Đại Tăng mà có, nay Đại Tăng đủ số thì có thể truyền. Sau đó, vào năm Nguyên gia 6 (429), có Sa-môn Cầu-na-bạt-ma (*Guṇavarman*) đến Trung quốc, Ni cô Huệ Quả đem vấn đề thọ giới đặc pháp ra hỏi, ngài trả lời: không đặc, vì không đủ nhị bộ tăng. Lúc bấy giờ tại Trung quốc có 8 vị tỳ-kheo-ni từ Tích lan sang, nhưng Cầu-na cho là chưa đủ số thập sư nên chưa chịu tổ chức giới đàn. Theo lời khẩn cầu của các ni cô bấy giờ, Cầu-na-bạt-ma cử người sang đảo Sư tử, tức Tích-lan ngày nay, thỉnh thêm cho đủ Thập ni để truyền giới. Về sau, có thêm Thượng tọa ni Thiết-sách-la cùng bốn vị nữa từ đảo Sư tử sang, nhưng bấy giờ Cầu-na-bạt-ma đã tịch. Giới đàn khi ấy do Tăng-già-bạt-ma tổ chức, đủ túc số hai bộ tăng truyền giới tỳ-kheo-ni. Đây gọi là chính thức tỳ-kheo-ni như pháp được truyền thọ tại Trung quốc [11]. Chúng ta thấy, giới đàn ni, trong 10 vị Tăng, Tăng-già-bạt-ma (*Samghavarman*) là người Hữu bộ, những vị Tăng khác có thể Pháp tạng bộ hoặc Hữu bộ, còn thập sư tỳ-kheo-ni là Đồng điệp bộ (Phật giáo Nam tông).

4. LUẬN KẾT

Giới thể của tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni được thẩm định từ người hành trì Phạm hạnh và thọ giới đúng pháp Yết-ma, chứ không đánh giá hình thức bề ngoài sắc phục là tông phái nào. Giáo pháp và quy chế của Phật vừa cố định vừa quy ước, nó đã thích nghi với một xã hội Ấn-độ trước thế kỷ thứ 5 trước Tây lịch. Về sau, Phật giáo truyền đến các nước, chư Thánh đệ tử đã linh hoạt với nếp sống hòa nhập, sao cho không trái phạm với nền tảng giới luật của Phật chế. Mục đích giữ luật không phải cực đoan, cực bộ hay tự tôn tông phái. Ngày nay Phật giáo Bắc tông là Pháp tạng bộ (*Dharmaguptaka*), hệ thống kinh điển và Luật tạng gần như là bản sao của Phật giáo Nam tông. Phật giáo Nam tông hay gọi Phật giáo Nam truyền cũng xuất phát từ Phân biệt thuyết bộ (*Vibhajyavādin*), Tam tạng Thánh giáo và nếp sống gần nguyên thủy, chứ hoàn toàn không phải Phật giáo Nguyên thủy. Chính Bhikkhu Bodhi là nhà sư Nam tông cũng công nhận điều này [12]. Nếu nói là Phật giáo nguyên thủy là chỉ cho Phật giáo tiền bộ phái (Pre-sectarian Buddhism) hay gọi Phật giáo sơ kỳ (Early Buddhism), tức chỉ cho thời đức Phật tại thế và kéo dài đến triều đại vua A-dục (*Asoka*) (c. 268 đến 232 BCE) mà thôi [13].

Năm 1998, tại Bồ-đề đạo tràng (*Bodhgaya*) Ấn-độ, tổ chức giới đàn truyền giới cụ túc, với sự hiện diện đầy đủ của nhị bộ Tăng-già, bên Tăng có sư Nam tông, Bắc tông, bên Ni là các tỳ-kheo-ni Đài Loan. Trong giới đàn có một số giới tử ni đến từ Tích-lan (Sri Lanka), Nepal... Thế nhưng những giới tử ni đến từ Tích-lan (Sri Lanka) đã bị Giáo hội Tăng-già tại Tích-lan từ chối sự đặc giới của họ, cho rằng đó là giới pháp của Đại thừa (*Mahāyāna*) [14]. Sự thật này có vẻ lạnh, vô cảm đến mấy thì Tăng đồ Nam tông cũng không thể quên đi lịch sử quá khứ, Mahinda Sơ tổ Phật

giáo Nam tông đã đặc giới từ ba vị thầy thuộc ba bộ phái khác nhau, trong đó *Mahādeva* là phái Đại chúng phát triển thành Phật giáo Đại thừa sau này.

Người viết vướng bước trong suy tư quá lâu, nói để khai phóng tâm hồn. “Chánh pháp thì có được tịnh tín... Sự tồn tại lâu dài của Chánh pháp là vì ích lợi cho chúng sinh”.

Tâm Nhãn

[1] Tự ngôn trong bản Việt dịch *Luật Tứ phần*, thầy Tuệ Sỹ viết tại Quảng hương Già-lam, Cuối Đông, 2549.

[2] Kỳ yếu Tưởng niệm Tôn sư, tr. 71.

[3] <https://giacngo.vn/tieu-su-truong-lao-hthich-minh-chau>.

[4] Luật tạng: *Thập tụng*: p. 148b12-17; *Tứ phần*: p. 799c12-29; *Ngũ phần*: p. 111b2-23, 25; Pāli: I, 28, 3-6, 31, 2; Tăng-kỳ: cf. pp. 412b26 – 413a6, p. 416b7-10.

[5] Tuệ Sỹ, *Yết-ma yếu chỉ* (2011), chương i và chương iii.

[6] “阿毘達磨俱舍釋論”卷11, T29, no. 1559, p. 235c3.

[7] https://vi.wikipedia.org/wiki/Pol_Pot & “*Thống nhất Phật giáo Việt Nam - 1994*”, tr. 8-11, Đỗ Trung Hiếu.

[8] 印順導師, 初期大乘佛教之起源與開展, p. 409.

[9] *Dīpaṃvāsa* (*Đào vương thống sử*, ch. VIII), *Mahāvamsa* (*Đại vương thống sử*, ch. XII), *Samantapāsādikā* (*Nhất thiết thiện kiến luật chú*, pp. 63, 19-69, 15); Chuan Cheng, *Designations of Ancient Sri Lankan Buddhism in the Chinese Tripitaka* (Journal of the oxford centre for buddhist studies, vol. 2), p. 104.

[10] 《四分律刪繁補闕行事鈔》卷2, T40, no. 1804, p. 51c4 & 《佛祖統紀》卷29, 35, T49, no. 2035, p. 296c7, p. 332a12.

[11] 《四分律刪繁補闕行事鈔》卷2, p. 51c4; 《高僧傳》卷3, T50, no. 2059, p. 342b11) Tuệ Sỹ, *Một thời truyền luật*.

[12] Bhikkhu Bodhi, *The revival of Bhikkhuni ordination in the Theravāda tradition*, p. 35-36.

[13] Griffiths, Paul J. (1983) “*Buddhist Jhana: A Form-Critical Study*”, Religion 13, pp. 55-68. & Collins, Steven (1990) “*On the Very Idea of the Pali Canon*”, Journal of the Pali Text Society 15, pp. 89-126.

[14] Bhikkhu Bodhi, p. 36.



Vu lan không có Ba

TN. HẠNH ĐOAN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ba kính yêu!

Dù ba là một tăng sĩ, nhưng những lời cuối này con vẫn muốn gọi lại từ "Ba" vì vĩnh viễn con không bao giờ còn được gọi nữa. Con cũng xin lỗi đã tả ba không giống một vị Thánh mà ghi đủ tính tặc như bao phàm nhân bình thường, song đây chính là điểm con vui - bởi con nghĩ người ta sẽ chẳng có hy vọng gì khi đọc tiểu sử của những vị vắng sinh có đời sống đầy thiện nghiệp, sạch như vô ôc, họ sẽ lý luận: Các vị ấy sinh ra đã là Thánh rồi!... và họ sẽ không trông mong gì đến việc tự giải thoát, dễ dàng sống phở mặc, buông xuôi...

Trước đây khá lâu ba từng bị sỏi mật phải mổ. Sau đó ba thường đau tới đau lui, vào viện rồi ra viện nên khi hay tin ba bệnh, con cho rằng đây chỉ là những trận đau ốm vặt như mọi khi, rồi sẽ ổn thôi.

Nhưng từ lúc bệnh viện trả ba về với thông báo: Hết thuốc chữa! Bệnh ba đang ở giai đoạn cuối, ung thư tụy, di căn qua ruột, gan... nội tạng ba hư hoại hết, không thể tiếp thu bất cứ chất bổ dưỡng nào, giờ chỉ còn nước về nhà nằm chờ chết và ba sẽ ra đi rất là đau đớn...

Điều này làm chúng con rất lo, biết là lão, bệnh... rồi sẽ tử, nhưng đâu ai muốn ba ra đi trong oằn oại thống khổ? Như vậy sẽ loạn tâm, khó chánh niệm mà đã không chánh niệm được thì khó sinh cõi lành.

Chị Hai con cả đời hiếm khi lễ lạy cầu nguyện gì... Vậy mà lần này, chị đi lên tận Đa Lạt, viếng thiền viện Trúc Lâm, cúng dường thành kính mây lượt, chỉ mong một điều: Ba ra đi được an lành, không đau đớn.

Sữa không thể uống, đạm, nước biển gì cũng không truyền được, thức ăn có chút muối hay sữa đều làm cơn đau gia tăng, ba chỉ húp cháo trắng, sau đó thì giảm dần, thành uống nước cháo.

Những ngày sau đó ba yếu hẳn, buổi sáng, ba tiên đoán: Đêm nay, bệnh thầy sẽ trở nặng, e có thể đi luôn...

Quả nhiên tối đó ba thở khò khè, mặt xám xịt và nắc cụt liên hồi. Tình hình rất nguy kịch. May thay, có một bác sĩ quen qua thăm, điều trị cấp cứu kịp thời, nhờ vậy mà ba vượt qua nguy hiểm. Nhưng họ nói ba không qua nổi tháng Bảy này.

Hôm sau chị Thủy gọi điện về hỏi thăm (lúc này chị đang vân du, hoàng pháp tận bên Mỹ), con thúc: Chị phải về ẹ, kéo không kịp. Thế là chị bế giàng, tranh thủ đổi vé xin về chuyển sớm nhất.

Chị Thủy về tới, ba cười bảo: Da thầy vàng hết rồi, chắc gần đi!

Chị Thủy hỏi: Tía có thể nói trước ngày nào mình đi không?

Ba đáp: Nói thì được! Nhưng sợ... không trúng!

Những ngày sau đó ba yếu hơn, không thể bước đi, không thể tự ngồi dậy được nữa. Ba sai người đi mời những ai ba từng xích mích, phiền lòng... sang cho ba nói chuyện. Con ở trong phòng lo lắng. Con sợ ba phàn nàn gì đó với họ, vì ở độ tuổi già, ba có khó tính hơn thời trẻ nhiều.

Khách qua, ba nói: Tôi với quý vị là thiện hữu tri thức, tôi có làm gì không phải thì xin hãy mở lòng tha thứ cho...

Ba ơi, con bỗng trào nước mắt. Con sung sướng vì được nghe ba nói như vậy.

Còn chị Thủy xuất xoa: Hoan hô ba! Ba xin lỗi rất là anh hùng.

Ba thích đi ngày mừng năm tháng Năm (Tết Đoan ngo), nhưng đến ngày ấy ba vẫn chưa đi, cơn đau hoành hành ba nhiều hơn, đàm cứ trào lên làm ba

ngheet thở, run cầm cập, mắt trợn trắng. Ba cứ chết nháp nhiều phen làm tụi con khiếp vía mà vẫn không thể đi.

Chị Thủy sợ hãi, nói:

- Tía ơi, phải sám hối để ra đi cho nhẹ, con đại diện phát lồ sám hối dùm tía, tía nhiếp tâm nghe sám theo nghe...

Và chị đọc các giới, điều kỳ lạ là giới nào ba không phạm thì mặt chị Thủy trắng trẻo, đọc trơn tru và lỗi nào ba phạm thì mặt chị Thủy tự nhiên biến thành đen hù, đọc khó khăn, chị rặn từng chữ, quai hàm cứng ngắc...

Con thấy chị nói hay quá nên tới ngồi cạnh chị, định thu âm, nhưng hình như chị Thủy đang rất khó thở, còn con thì thấy như có một ngọn núi to đen đang phủ ập đè xuống mình, khiến con ngột ngạt tức ngực lầy, con phải đứng dậy, bỏ đi...

Chị Thủy càu nhàu: Lỗi này tía phạm nặng quá nên con đọc không thông, nói không ra lời, rặn từng chữ mà mặt khủng khiếp! Tía phải thành tâm sám hối theo con đó...

Cái chỗ va vấp khó thở, khó qua đó chính là tội khẩu nghiệp. Có ai sinh ra mà không phạm về khẩu đâu? Khi lòng bất bình thì chỉ trích nặng, khi tâm không sáng thì lời nói dễ xầy lỗi lầm. Chàng Vô Não trước khi thành Thánh cũng từng phạm tội sát như non, nàng Liên Hoa Sắc trước khi chứng A la hán cũng từng trả báo, phải chịu một đời lao đao vì tội ác khẩu, nguyên rủa, đổi gian...

Ba ơi, con không thể bỏ qua đoạn này. Phạt



từng nói có hai loại người đáng khen: Người không phạm lỗi và người phạm lỗi mà biết sám hối. Bởi vì sau khi ba sám hối xong, mọi sự diễn tiến dường như rất suôn sẻ và kỳ diệu. Do ba bệnh nằm liệt giường, không thể lễ Phật sám hối gì được nữa, chị Thủy phải đọc thay, sám hối thay, nhưng điều dụng đúng là không nhỏ đó ba, con thật xúc động khi mục kích điều này. (Rút kinh nghiệm, con sẽ khẩn thiết sám hối khi cơ thể còn khỏe mạnh, chứ để tới nằm trên giường thì muộn lắm, và biết còn ai sẽ thay con sám hối dùm? Con phải tự lực cứu mình sớm, là hay hơn phải không ba?)

Phút cuối cùng của cuộc đời, ba chuyển sang Tịnh độ. Con nhớ ngày xưa ba từng nói: Đại trượng phu đầu đội trời chân đạp đất, phải tu cho vững mạnh hùng hồn - Pháp môn niệm Phật là dành cho đàn bà con nít... nhưng chính cơn đau xác thân ở giờ phút cận tử đã cho ba những bài học quý. Ba trở nên khiêm cung, hiền thiện, dễ thương hơn rất nhiều. Ba nói: Nếu tái sinh trở lại, ba sẽ tu một lèo tới nơi tới chốn không bao giờ vướng vào đời sống gia đình ở thế gian nữa... Nhưng bây giờ ba chỉ muốn sinh sang Cực lạc, tu chứng rồi trở lại Ta bà độ sinh.

Y nguyên của ba làm tui con quỳnh quáng, hộc tọc niệm Di Đà gấp rút để hỗ trợ ba vãng sinh. Ba bảo đau quá tâm loạn, tụng chú khó thành câu, nhưng niệm một tiếng Phật lại tiêu hết khổ ách...

Khuya nào con cũng nghe ba niệm Nam mô Quan Âm cứu khổ cứu nạn... vang vang, con không ngủ được. Thế là con ra ngồi hộ niệm cho ba. Con sợ ba ra đi không ai hay, con sợ ba đau đớn quá, con sợ mình niệm thiếu chí thành, ba sẽ không vãng sinh. Mà ba chỉ cần thấy bóng người thoáng qua là nói:

- Cho ngồi dậy chút! Đỡ ngồi dậy chút!

Con đỡ dậy, ba ốm nhom, còn xương không mà con đỡ cũng thật khó khăn. Nhưng ngồi một phút ba lại đòi nằm và cứ thế... hết nằm lại đòi ngồi, chỉ trong hai tiếng đồng hồ xem như con phải "cứ tạ" hết sáu mươi lần. Thế này thì con loạn, ba cũng loạn, hồng danh Di Đà sẽ xa lảng lặc vì không nhiếp niệm, làm sao mà đủ lực vãng sinh? Thế là con nói:

- Ba ơi! Phải chí thiết niệm Phật nhất tâm bất loạn mới vãng sinh được! Nếu ba cứ chú ý tới thân thể bệnh này, nó sẽ làm ba loạn tâm không nhiếp niệm được. Bây giờ con niệm Phật hỗ trợ cho ba, con sẽ không biết gì bên ngoài, trời cũng không đất cũng không, chỉ còn câu niệm Phật, nếu ba nói gì con cũng không hay, không biết đâu! Phải niệm chí tử hoa sen mới nở bung cánh, ba mà quên niệm thì sen héo... hết vãng sinh, ba phải ráng nghe!

- Ủ!

Thế là con niệm vang vang, niệm để quên nỗi khổ đối diện với căn bệnh của cha mình, niệm để quên đêm dài đặng đặng, con biết phải chí thành miên mật thì mới mong kết nối được với cõi Cực lạc, cảm đến Đức Di Đà rù lòng từ đón cha mình, con vừa niệm vừa quán tưởng từ quang Phật đang phóng xuống xoa dịu bệnh tật của ba...

Hộ niệm vậy mà con bỗng được bình an, tất cả thống khổ trong lòng đều tan biến, tâm con bỗng hiện ra ba cánh sen sáng óng ánh chiếu diệu, đóa sen lớn quá nên con không thấy hết trọn cánh của nó...

Mỗi đêm con đều ra hộ niệm, song bình thường ba tu thiền nên niệm Phật một hồi ba lại lộn qua số tức và cứ đếm từ một tới mười. Hết đếm, ba lại niệm không giống ai: Nam mô A Di Đà Phật, vãng sinh trăm phần trăm.

Rồi niệm một hồi, ba không còn niệm hồng danh Di Đà mà chỉ còn "Trăm phần trăm! Trăm phần trăm!"

Con thường phải ngừng niệm, nhắc ba đọc lại cho đúng. Quả là một cuộc hòa tấu gấp gáp (khá vất vả) để xin visa nhập cư cõi Cực lạc...

Dần dà ba niệm miên mật hơn, ba bảo con: Ba cảm nhận sắp được vãng sinh... Bốn ngày trước khi mất, lưỡi ba thụt sâu, ba phát âm giọng cứng va ngong nghiu rất khó nghe, vậy mà một ngày trước khi mất, lưỡi ba lại thò ra bình thường, ba nói năng rất rõ, không quên một điều gì và niệm Phật rất chuyên chú. Ba còn dặn đi dặn lại: Khách tới phải đãi ăn chu đáo, không được để họ đói... Điều kỳ lạ là ba không hề thấy đau. Mỗi lần hỏi thăm, ba đều nói: Không đau! Không đau gì hết! Chư Phật và Bồ tát đỡ cho ba rồi!

Giây phút cuối cùng ba thở ra rất nhẹ, đi bình an đến không ngờ, miệng không ngừng niệm Phật.

Chị Thủy đã góp phần không nhỏ trong việc hướng linh, động viên nhắc nhở ba, chị Hai thì sẵn sóc về thể chất ba chu đáo. Ba ra đi quá an lành, tĩnh tại... nên tui con không đứa nào rơi nước mắt mà vui mừng khôn tả.

Vậy mà giây phút cúng cơm ba lần đầu tiên, chị Thủy vừa xướng lên thì nước mắt chị tuôn rờn rợn, chị ghen ngào đọc không thành câu. Tan lễ, ông anh họ phát biểu:

- Cô ạ, bình sinh tôi không dễ khóc, vậy mà lúc cúng cơm chú, thấy cô ghen ngào rơi lệ... báo hại tôi cũng rơi lệ theo...

Chị Thủy cười bảo, mình làm giáo thọ từng giảng huyền, không, thao thao bất tuyệt... Vậy mà tới hồi cúng ba mình nước mắt ở đầu cử trào ra không cầm được. Đúng là - làm bác sĩ thì không nên trị bệnh cho người thân, làm thầy chùa thì rất khó tụng kinh cho thân quyến. Tụng cái gì mà tụng? Trong lòng xúc cảm dâng trào còn đọc được chữ nào...

Đó là lý do ba thấy tui con rất ít tụng kinh cho ba, toàn là đứng xa xa chấp tay chia sẻ. Từ đầu tới cuối con không khóc, nhưng lúc đưa ba vào lò thiêu, nhìn linh quan tụt xuống vào nơi hỏa táng, bất giác con khóc mướt, không cầm được, nhưng con khóc chút thôi ba, thật là mắc cỡ đó.

Ba yêu kính,

Khi ba bệnh nặng chờ ra đi, ba chiêm nghiệm về lý vô thường, về cơn đau diễn tiến. Còn con hầu cạnh giường ba, con cảm nhận được sự bất lực và phản bội của thân xác, sẽ có một ngày nó không nghe lời mình, nằm ỳ ra, bất động, nhờ vào sự sẵn sóc của người chung quanh, thần trí sẽ mê mờ nếu thiếu lực tu...

Ba đã ra đi rất tuyệt vời, khiến con cảm thấy Phật pháp thật nhiệm mầu và hiểu rõ mình cần chuẩn bị tư lương cho tốt trước khi xác thân tan rã. Ba ơi! Con cũng muốn chia sẻ với mọi người về kinh nghiệm quý giá này.

(Bài này Ni sư Hạnh Đoàn viết từ năm 2012. Mười năm sau, Ni sư cũng trải nghiệm căn bệnh trầm kha "phản bội của thân xác" như thân phụ trước khi viên tịch vào ngày 22.5.2023)

PHÁP HỌC “TÙY DUYÊN THUẬN PHÁP”

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Trong câu chuyện hằng ngày, thỉnh thoảng chúng tôi có nghe một vài thiện sinh nhắc đến cụm từ “*Vạn pháp tùy duyên*”, có khi lại nghe câu “... *cứ để cho các pháp tự vận hành rồi đâu cũng vào đấy!*” hoặc “*Tùy duyên thuận pháp*”. Những câu nói này không phải là những câu nói cho qua chuyện, khi mình gặp một vấn đề nan giải nào đó xảy ra trong đời sống hằng ngày, mà thực ra đó là những câu nói liên quan đến cách sống của những người con Phật. Hôm nay, chúng tôi chọn cụm từ “*Tùy Duyên Thuận Pháp*” để chia sẻ ý nghĩa cũng nói lên sự lợi ích trong việc tu tập pháp này. Các cụm từ vừa nêu trên về mặt ý nghĩa cũng gần giống nhau. Hiểu một, sẽ hiểu được luôn cả ba không khó!

“*Tùy duyên thuận pháp*” gồm bốn chữ nhưng có hai vế: Vế thứ nhất là “*Tùy duyên*”, vế thứ nhì là “*Thuận pháp*”. Duyên là “*điều kiện*” là “*pháp*” bên ngoài tác động vào hành giả. Còn thuận pháp là phản ứng chấp nhận pháp, khi hành giả gặp mặt với bất cứ loại duyên nào xảy đến với mình!

II. TÙY DUYÊN LÀ GÌ?

- **Tùy:** Có nghĩa là căn cứ vào, phụ thuộc vào, dựa vào. (Thí dụ *tùy cơ ứng biến, tùy theo tình hình mà đổi phó hành động, dựa theo tình thế mà làm cho phù hợp*)

- **Duyên:** Là một trong những thuật ngữ quan trọng trong giáo lý nhà Phật. Duyên thường đi đôi với chữ Nhân gọi là “*Nhân Duyên*”. Nhân duyên này có nghĩa là điều kiện hay yếu tố thành lập một sự kiện, một pháp nào đó!

Thí dụ như bài kinh “*Vô Ngã Tướng*” dạy con người do năm uẩn lập thành. Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Mỗi uẩn này là một điều kiện, một yếu tố gọi là duyên. Hoặc trong bài “*Mười Hai Nhân Duyên*” (Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Già Chết). Mười hai nhân duyên là 12 mắt xích dính liền tạo thành một vòng tròn không lối thoát gọi là bánh xe luân hồi. Bắt đầu là Vô minh duyên Hành. Hành duyên Thức. Thức duyên Danh Sắc v.v... Duyên ở đây có nghĩa là nguyên nhân sinh khởi. Chúng ta có thể hiểu rằng Vô Minh là nguyên nhân khởi sinh Hành. Hành là nguyên nhân khởi sinh Thức v.v...

Duyên cũng đứng giữa hai từ Nhân và Quả. Trong cụm từ “*Nhân-Duyên-Quả*”, Nhân là yếu tố chính, là những gì có năng lực sinh khởi. Duyên là những tác nhân phụ, xem như là những điều kiện, là chất xúc tác, giúp cho Nhân chính phát sanh. Khi Nhân và Duyên kết hợp đầy đủ, chín muồi, thì Quả xuất hiện. Tùy theo tính cách của Nghiệp Nhân mà trở Quả tốt lành, an lạc, hạnh phúc, hay Quả xấu ác, phiền não, khổ đau.

Ví dụ: *Hạt mầm của cây quýt, cây cam hay cây*

ổi là “Nhân chính”, các điều kiện liên quan như đất, nước, ánh nắng mặt trời, phân bón cùng sự chăm sóc của con người... gọi chung là “Nhân phụ”, thuật ngữ nhà Phật gọi là “Duyên”. Khi nhân-duyên chín muồi, hạt mầm mọc thành thân cây. Thân cây cao lớn đủ sức tặng cho đời những trái cây tốt tươi đó là Quả.

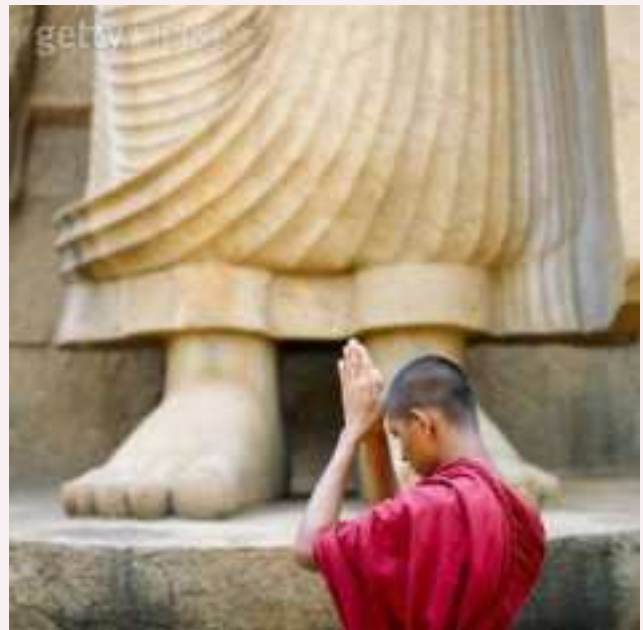
Như vậy Duyên có nghĩa chung là điều kiện hay nhân tố hỗ trợ cho sự sống.

- **Tùy duyên:** Là dựa vào sự kiện (duyên) xảy ra, mà xử lý mọi chuyện thích hợp với hoàn cảnh do duyên tạo ra.

Thí dụ: *Như hôm nay chúng ta đang có buổi sinh hoạt. Tùy vào sự kiện thời gian cho phép dài hay ngắn, trình độ lớp học ra sao? Mình sẽ tùy vào sự kiện, hoàn cảnh là duyên cho phép, mà chương trình sinh hoạt dài hay ngắn, bài giảng cao hay thấp.*

Thí dụ khác: *Hôm nay ta không thấy khỏe trong người, thì tùy vào sức khỏe mà không làm việc quá sức, hoặc nếu cần thì nghỉ ngơi để khi khỏe lại sẽ tiếp tục công việc. Nghỉ ngơi hay làm việc không quá sức là hành động hợp lý khi hoàn cảnh sức khỏe (duyên) không cho phép. Đó là mình “tùy duyên” mà hành động hợp lý.*

Hoặc: *Trước kia, hằng tuần đạo tràng chúng ta sinh hoạt tại thiền đường. Thời gian qua, vì tình trạng bệnh dịch lây lan, khiến chúng ta không thể sinh hoạt chung tại thiền đường. Sinh hoạt đạo tràng là Nhân. Bệnh dịch lan tràn là “duyên”. Chúng ta không đến đạo tràng nữa, mà sinh hoạt*



qua hệ thống Google zoom chẳng hạn. Đó là đạo tràng đã "tùy duyên" mà có hành động thích hợp với hoàn cảnh.

Tóm lại "tùy duyên" là gặp hoàn cảnh nào thì "tùy theo hoàn cảnh" đó mà xử lý thích hợp. Ở trong "trạng thái nào" thì "tùy vào trạng thái đó" mà ứng biến, sống sao cho phù hợp, thì đó là "tùy duyên".

Qua định nghĩa trên, chúng ta có thể rút ra bài học về "Tùy duyên". Không phải nói tùy duyên là chúng ta phó mặc, buông xuôi tất cả mọi sự việc xảy ra trong đời sống của chúng ta. Tốt cũng được, xấu cũng được. Giỏi cũng được, dở cũng được. Ta không quan tâm! Tùy duyên không phải là buông thả cuộc đời mặc cho dòng nước cuốn trôi đời mình đi đâu thì đi, mặc kệ! Tinh thần tùy duyên trong nhà Phật không phải như thế! Là người Phật tử, chúng ta nên biết tùy duyên là cơ hội để chúng ta thực tập giữ tâm bình tĩnh, xem nhẹ được-mất, hơn-thua, cao sang-nghèo hèn, danh giá-khổ nhục. Nhờ vậy mà tâm chúng ta được bình ổn trước những cơn thịnh nộ, hay dĩa dàng từ những trận gió thế gian bất ngờ đổ ập tới! Tùy duyên như thế mới là tùy duyên một cách sáng suốt, có trí tuệ, của người học Phật!

III. THUẬN PHÁP LÀ GÌ ?

- **Thuận:** Có nghĩa là bằng lòng, chấp nhận, đồng tình, xuôi theo, noi theo, thích hợp, vừa lòng, thuận ý, hài hòa. Khác với thuận là nghịch hay ngược.

- **Pháp:** Dhamma (Pali), Dharma (Sanskrit). Tùy theo ngữ cảnh mà Pháp mang ý nghĩa khác nhau.

Pháp là tất cả mọi sự vật cụ thể hay trừu tượng trên thế gian như: Con người, con vật, nhà cửa, xe cộ, thời gian giờ giấc, không gian bốn mùa, nóng, lạnh, mưa gió... hay các sự kiện, tập quán, luật lệ, thói quen, phép cư xử, bổn phận, nghĩa vụ, việc thiện, việc ác, đức hạnh hay các đối tượng của tâm ý.

Pháp (viết hoa) là những lời dạy của đức Phật bao gồm Kinh-Luật-Luận. Nếu hữu hình, hữu tướng gọi là sắc pháp. Vô hình, trừu tượng gọi là tâm pháp. Có thể tánh (kết hợp giữa hai giống đực cái) gọi là hữu pháp. Không thể tánh gọi là vô pháp. Tất cả bốn pháp này gọi chung là Pháp giới. (*)

- **Thuận pháp:** Có nghĩa là pháp lành hay pháp ác tác động đến mình, mình chấp nhận, thuận theo. Không phải thuận theo trong mê muội, mà có "nhận thức trung thực, đúng đắn về pháp này", đồng thời có thái độ ứng xử thích hợp. Đó gọi là thuận pháp. Ngược lại, nếu mê man hưởng thụ hay chán ghét phản kháng bằng ý nghĩ, hành động chiều theo **bản ngã mình** thì đó là "bất thuận pháp".

IV. SỐNG TÙY DUYÊN THUẬN PHÁP

Về phương diện đời sống của con người, ai cũng biết cuộc đời luôn có hai mặt: Thành công-thất bại, hạnh phúc-đau khổ, đúng-sai, đẹp-xấu, yêu thích-ghét bỏ v.v... Tùy lúc, tùy thời khi một trong các duyên này xuất hiện tác động vào đời sống của mỗi người, chúng ta không thể chọn lựa mặt này mà chối bỏ mặt kia. Nhất là khi duyên tới từ phía nghiệp quả.

Duyên đến như thế nào mình chấp nhận như

thế đó! Duyên tốt thì mình trân trọng. Duyên xấu thì mình phải tự hiểu đó là do lỗi lầm của mình gây ra trước kia, cần phải điều chỉnh thái độ sống sao cho tốt hơn!

Trường hợp, duyên thành công trong nghề nghiệp, duyên giàu có dồi dào tiền bạc, duyên con cái học hành đỗ đạt, duyên gia đình hạnh phúc v.v... xuất hiện trong cuộc đời chúng ta, xin đừng quên lời Phật dạy "các pháp hữu vi đều vô thường". Trong thời gian hưởng thụ do phước đã, nếu không lo bồi dưỡng thêm phước mới. Đến khi phước củ xài hết, mà nhân mới là nhân bất thiện, thì một ngày nào đó mình phải chịu trả quả xấu tương đương hoặc nhiều hơn mà thôi!

Còn như hiện tại bị duyên trái ngang, đổ vỡ, phiền muộn, đau khổ. Gặp duyên này thì đừng quá thất vọng, bi quan, chán nản. Đây có thể là do nhân xấu mình đã tạo trước kia, bây giờ phải gánh chịu. Có phản kháng cũng không ích lợi gì. Nên thực hành pháp tu "Tinh tấn và Nhẫn nại". Tinh tấn ở đây là siêng năng làm lành lánh dữ. Nhẫn nại chịu đựng để vượt qua thời gian khó khăn. Thời gian chịu khổ dài hay ngắn là do nghiệp mình gây ra nặng hay nhẹ mà thôi!

Nói chung "Tùy duyên thuận pháp" không có nghĩa là mình buông xuôi bất kể mọi chuyện. Là người học Phật, chúng ta nên chấp nhận duyên xấu hay duyên tốt đến với mình bằng tinh thần tích cực. Chúng ta hiểu rằng con người sinh ra và sống trong Nhân Quả thì khó mà trốn tránh được hậu quả những gì mình đã gây ra. Thay vì chán nản buồn khổ, khiến cho cuộc sống mỗi lúc, mỗi thêm rối ren đen tối, thì chúng ta có thể chuyển nghiệp xấu thành tốt bằng cách nghĩ lành, làm lành, tạo nhân tốt cho mai sau. Hoặc khi duyên lành tới, trong lúc hưởng thụ cũng đừng quên các pháp vốn "vô thường, khổ, vô ngã" mà sống sao cho tốt với chính mình, với mọi người và mọi loài xung quanh.

Ngoài ra, chúng ta cũng cần hiểu rằng "Tùy duyên" là các pháp phụ thuộc bên ngoài. Còn "Thuận pháp" là Nhân. Nhân mới là chủ yếu bên trong tâm của chúng ta. Khi duyên xuất hiện tác động đến chúng ta, điều quan trọng là phản ứng của tâm lúc ấy ra sao? Chúng ta có bình tĩnh thấy biết như thật về duyên đó hay là chúng ta mê man hưởng thụ? Nếu mê man thích thú hưởng thụ, thì bấy giờ tâm ta đã khởi "Nhân tham". Còn như bực bội khó chịu là chúng ta đang khởi "Nhân sân". Tâm tham lam, sân hận, là hai thứ lậu hoặc, ô nhiễm mang sự lo âu, sợ hãi, khổ đau đến cho người cứu mạng nó!

Tóm lại, người gặp hoàn cảnh khó khăn trở ngại, hoặc dễ dàng suông sẻ, tâm người đó bình tĩnh, không bị dao động, thì đó là người có tu tập, có trí tuệ vậy!

V. LÀM SAO ĐỂ "SỐNG TÙY DUYÊN THUẬN PHÁP"?

Người "Sống Tùy Duyên Thuận Pháp" là người có tu tập theo lời Phật dạy. Một trong những pháp người đó thực hành là giữ chánh niệm trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, hay khi làm bất cứ điều gì, cũng làm trong chánh niệm.

Chúng ta có thể tu tập theo Pháp Như Thật (Yathà bhūta). (***) Pháp Như Thật là phương thức thực hành để có cái Biết phù hợp với sự thực nhằm chuyển hóa tâm lao xao, loạn động, chủ

quan sang tĩnh lặng, thanh thản, khách quan. Pháp này thuộc về thiền Huệ. Tuy lậu hoặc, tập khí, kiết sử, tùy miên vẫn còn nhưng chúng bị cô lập không khởi lên thành tập niệm (vọng tưởng).

Khi thực tập pháp này, hành giả phải xử dụng giác quan và phải có đối tượng. Nếu không xử dụng giác quan tiếp xúc ngay với đối tượng (tức tiếp xúc duyên) thì cái Biết sẽ rơi vào Tâm ba thời bất khả đắc là: Quá khứ (ý căn), hiện tại (ý thức), vị lai (trí năng), và vì thế hành giả đang sống trong cái tâm ảo tưởng mất chánh niệm.

Trong kinh "Nhất Dạ Hiền Giả" đức Phật dạy: "Quá khứ không truy tìm, Tương lai không ước vọng, Quá khứ đã đoạn tận, Tương lai chưa đến, Chỉ có pháp hiện tại, Tuệ Quán chính là đây...". Kinh Kim Cang cũng dạy: "Quá khứ, hiện tại, tương lai bất khả đắc. Chỉ có bây giờ và ở đây". Nội dung hai đoạn kinh này, không ngoài mục đích nhắc nhở người tu tập ở trong hoàn cảnh nào cũng không được thất niệm!

Thực hành Pháp Như Thật thường xuyên giúp hành giả an trú trong chánh niệm, tức có cái Biết rõ ràng, trong sáng, khách quan trên đối tượng (pháp hay duyên). Hành giả không có phản ứng thuận (thích) hay nghịch (không thích) đối với pháp, mà chỉ thấy cái đang là của pháp, tức pháp như thế nào thấy biết như thế ấy, nên tâm hành giả được yên lặng, không tạo thêm "Nhân mới" khi tiếp xúc với thiện duyên hay ác duyên.

Nhờ công phu tu tập hành trì qua pháp Quán Như Thật, mà hành giả tuệ tri được bản chất "vô thường, khổ, vô ngã" của vạn duyên, sẽ không dễ dàng bị quyến rũ bởi vật chất (sắc pháp), khi duyên tốt đến thăm, và vượt qua nỗi ưu sầu, phiền não (tâm pháp), khi bị duyên xấu tấn công. Từ đó hành giả giữ được sự cân bằng trong đời sống hằng ngày để có thể tiếp tục tiến xa hơn trên con đường tu tập tâm linh hướng đến giải thoát giác ngộ./.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thích Nữ Hằng Như

(Sinh hoạt on line với đạo tràng Tánh Không Sacramento và San Jose)
14/5/2023)

Tài liệu:

(*) Phật Quang Đại Tự Điển, Tự điển Phật học Tuệ Quang

(**) Xem thêm: Sách "Trên Đường Về Nhà", Chương: Thiên Huệ - Pháp Như Thật". TNH, Ananda Viet Foundation xuất bản. Amazon tổng phát hành.



DẠM TRƯỜNG

Cha mẹ ban cho ngày sinh nhật
Rời tháng rời năm cho trí khôn
Sống thân sống với lòng chân thật
Đàn con mang đơn giản trong hồn

Cha về cõi khác khi nghèo khó
Mẹ sống thêm nhiều năm xót thương
Đàn con tan tác giờ xa ngõ
Sinh nhật còn trong mỗi dặm trường.

(Tháng 6, 2023)

VÔ ƯU

Cây cao bóng cả che đời
Con đi xa vẫn nhớ lời cha khuyên
Lúc lao đao nhớ mẹ hiền
Cảm theo chữ nhủ ưu phiền rời qua

Ngoài kia sông nước bao la
Con đi không hết ruột rà thế nhân
Làm sao để biết mà cân
Tình kia nghĩa ấy có gần nhau không

Tóc phai không bạc trong lòng
Chỉ xin ơn phước mà mong an lành
Lạy cha khấn mẹ cõi xanh
Con hoài thơ dại nên đành vô ưu.

(Tháng 7, 2023)

thơ QUY HỒNG



TRÊN ĐỈNH TRÍ TUỆ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GĐPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh chị em (ACE) Lam viên thương mến,
Chắc ACE chúng ta ai cũng biết câu chuyện
"niêm hoa vi tiếu":

Một hôm đức Phật cầm một cành hoa đưa lên
trước mặt Tăng chúng mà không nói gì cả. Tôn giả
Ca Diếp nhìn cành hoa, lặng lẽ mỉm cười. Đức
Phật nói: "Ta nay có chánh Pháp nhãn tạng, trao
cho Đại Ca Diếp."

Câu chuyện này thường được nhắc đến với
dấu đề là "nhìn hoa mà nhận ra được Phật tánh."

Hôm nay Nhóm Áo Lam (NAL) xin kể một câu
chuyện nữa cũng về ngài Đại Ca Diếp, vị đại đệ tử
của đức Phật, người đứng đầu Tăng đoàn, đã triệu
tập chư Tăng về kết tập Kinh điển lần thứ nhất tại
thành Vương Xá.

Thở ấy, Tôn giả Ma ha Ca Diếp đang ẩn cư
nơi động Cây Tiêu để chuyên tu tập về thiền định.
Tôn giả quán tưởng về ánh hào quang và cố gắng
phát triển thiên nhãn để chiếu soi pháp giới, và
xem chúng sanh nào tỉnh giác, chúng sanh nào
phóng dật, chúng sanh nào sắp chết, chúng sanh
nào sắp tái sanh...

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn đang trong cơn nhập
định ở chùa Kỳ viên, bằng thiên nhãn, ngài thấy
được đường lối tu tập của tôn giả Ca Diếp; ngài
muốn báo cho tôn giả biết rằng tôn giả đang làm
công việc uổng phí thời gian. Ngài liền phóng hào
quang và hóa hiện ngôi ngay trước mặt tôn giả.
Ngài bảo tôn giả Ca Diếp rằng: "Này Ca Diếp, số
chúng sanh chết đi và tái sanh thật là vô lượng,
ông không thể nào đếm cho xuể. Ông chẳng nên
lo lắng về điều ấy, vì đó là phạm vi trách nhiệm
của chư Phật."

Rồi, đức Phật nói lên bài kệ sau đây:

*"Nhờ trừ hết buông lung,
Kẻ trí không còn lo sợ gì
Bậc thánh hiền bước lên lầu trí tuệ
Nhìn thấy kẻ ngu si còn nhiều lo sợ
Như được lên núi cao, cúi nhìn muôn vật trên
mặt đất."*

(Kinh Pháp Cú, kệ thứ 28)

Thưa ACE thương mến,

Đọc chuyện kể này chúng ta rút ra được nhiều
bài học quý báu, ví dụ: a) Chọn đề tài quán tưởng
cũng là vấn đề quan trọng, cần bậc Thầy biết căn
cơ của chúng ta hướng dẫn. Ngay ngài Ma ha Ca
Diếp cũng phải được đức Thế tôn chỉ điểm. b)
Chúng ta cũng được biết phương pháp giáo dục
của đức Phật - chỉ bày cho từng đệ tử khi cần
thiết. c) Trong đời thường, người ta gọi những vị
có bằng cấp cao, học thức rộng, sáng chế nhiều
máy móc, v.v... là những bậc "đỉnh cao trí tuệ"
nhưng trong đạo Phật, bậc trí tuệ là những người
sống tinh thức, không buông lung phóng dật,
trong lòng không còn phiền não, sống an nhiên tự
tại giữa cuộc đời đầy phong ba bão táp này. Khi
trong tâm không còn phiền não, đau khổ (giác
ngộ, tự giác) thì có thể dạy cho người khác ra khỏi
phiền não, đau khổ (giác tha). Người ấy là một vị
Phật, vì đã hoàn thành "tự giác, giác tha - giác
hạnh viên mãn."

Vài ý nghĩ nhỏ chia sẻ với ACE.

Thương mến kính chúc ACE Lam viên khắp
nơi sức khỏe và an lạc.

Trân trọng,

Nhóm Áo Lam



TRỞ VỀ MỤC LỤC

THIÊN SƯ HẢI BÌNH BẢO TẠNG VỚI NHỮNG DANH LAM MIỀN DUYÊN HẢI

Thích Thánh Minh

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

(tiếp theo và hết)

III. Thiên Sư Hải Bình Bảo Tạng Với Việc Trước Tác In Kinh

Cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 20, tổ đình Từ Quang là trung tâm Phật học tỉnh Phú Yên. Được Giáo sư Lê Mạnh Thát đánh giá thiên sư Diệu Nghiêm khai sơn chùa Từ Quang là nhà văn hóa của xứ đàng trong, tề danh với nhà bác học Lê Quý Đôn ở xứ đàng ngoài. Với nhiều tác phẩm: *Tam bảo biện hoặc luận, Đại học chi thư, Đại phương tiện Phật báo ân kinh chú nghĩa, Diệu Nghiêm Lão Tổ Thi Tập, Chiết Nghi Luận Tái Trị, Thiên Ác Quy Cảnh Lục, Tam Bảo Cổ Sự, Địa Tạng Kinh Chú Giải, Quy Nguyên Trực Chỉ Âm Nghĩa, Tỳ Ni Sa Di Oai Nghi Cảnh Sách Âm Chú Yếu Lược, Tam Bảo Pháp Số, Tam Bảo Danh Nghĩa, Chư Kinh Sám Nghi, Hoằng Giới Đại Học Chi Thư, Phật Tổ Đích Truyền Nhất Thống...* và nhiều khắc mộc bản được gọi là "Từ Quang tàng bản" đã được ấn loát, cho ra đời những tập kinh, luật, chú giải, được truyền bá khắp nơi. Phần lớn những khắc mộc bản ấn loát kinh điển đều do thiên sư Toàn Nhật viết lời bạt giới thiệu những tác phẩm của Tổ Diệu Nghiêm để hậu bối tham cứu, học tập, và trở thành danh sư trong số đó có thiên sư Hải Bình Bảo Tạng.

Năm Nhâm Ngọ 1858, thiên sư Bảo Tạng ở chùa núi Châu Viên in lại "Kim Cang Chú Giải". Sách này do Tôn giả Qui Pháp chú giải và Tôn giả Qui Phật tập chú. Trang đầu ghi: *Kim Cang Chú Giải, Tự Đức, Mậu Ngọ trung thu cát nhật trùng tuyên.* Trang 2 ghi: *Châu Viên Sơn Tự, Bảo Tạng thiên sư phát khởi. Hoàng Đồ cũng cổ, để đạo hà xương, Phật nhật tăng huy, pháp luân thường chuyển. Long Sa cư sĩ, Từ Bi Đại Sư kính sao.* Trang 3 ghi: *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Dao Tân Tam Tạng Pháp Sư Cứu Ma La Thập dịch, Quy Pháp Tôn Giả trực giải, Quy Phật Tôn Giả tập chú. Châu Viên Sơn Tự trụ trì tự Bảo Tạng phát khởi tạo bản. Chứa Chan Tự, hòa thượng Bạo Thanh trùng khắc. Long Điền thôn, cư sĩ hỷ Liễu Quang, tự Thái Bình thiệp lục. Bài tựa Kinh Kim Cang Chú Giải do thiên Sư Bảo Tạng viết được dịch Việt do Thượng tọa Định Ngộ và giáo sư Nguyễn Hiền Đức, được đăng trong *Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong* với nội dung sau:*

"Được nghe, truyền từ rộng độ, bè báu đồng lên. Từ xưa đến nay, Pháp bảo không gì bằng giáo kinh Kim Cang. Cho nên thời bấy giờ, vì người phát tâm tối thượng thừa mà nói pháp, mà sự truyền pháp này thật là sự thành tựu hiếm có thứ nhất. Biết rõ nghĩa lý thâm sâu vô cùng, chí lý khó cùng tận, cho nên kinh này, khi đạo Phật truyền

vào Trung Quốc, ban đầu có một, hai quyển, cho đến đời nhà Đường thịnh trị, người dịch thì ít. Sau này chú giải thêm nhiều, cốt mở rộng nghĩa chơn không mà lại hại nghĩa chơn thật. Nay xem "Tập Đức Đường", hai vị tôn giả Quy Tập và Quy Phật chú giải nghĩa thật của Kinh Kim Cang, tuy không sâu không nhiệm, chỉ đạt lý mà thôi, muốn cho đời hậu lai, có Bồ Tát biết và thực hành dễ dàng, chính yếu không ngoài việc tu tâm giác tánh mà thôi. Nay tôi may mắn được kinh này, còn sót lại một quyển gọi là "Kim Cang Chú Giải", trong đó lời chú giải ý nghĩa đầy đủ. Từ đời Khang Hy thứ 59 (1720) đến nay không thấy bản nào được như vậy. Vì vậy tôi thiết nghĩ, Phật pháp khó được, giáo pháp khó nghe, dù trong ngàn vạn kiếp cũng khó gặp được. Ý nguyên là kế tiếp đời trước, sửa chữa, sao chép, khắc bản, lấy công việc đó làm việc thiện truyền lại cho muôn đời. Tâm thành của tôi là muốn các Bồ Tát đời vị lai đều thấy được tâm chí của đức Như Lai. Trân trọng tựa đề. Chùa núi Châu Viên, bản đạo tên Bảo Tạng kính đề tựa".

Phần cuối sách ghi rõ: "Mậu Ngọ, quý Đông, thượng hoằng kinh lục hườn, thập phương chư sơn hiệp đồng chứng minh trùng khắc. KIM CANG CHÚ GIẢI KINH đồng đăng Bát Nhã bưu phiệt cộng chúng Bồ Đề. Vân Sơn tự trụ trì, liên lý Chứa Chan Sơn Tự, Long Bàn Tự, Bảo Thanh hòa thượng trọng phán. Châu Viên Tự, trụ trì, liên lý Long An tự, Bửu An tự, Long Hưng tự, Bảo Tạng thiên sư phát khởi tạo bản." Và phần cuối cùng ghi rõ phương danh chư Tăng miền Trung và miền Nam đã phát tâm góp phần công đức khắc bản in kinh như: Hòa thượng Chánh Trí chùa Đại Giác, đại sư Chánh Quý chùa Long Bàn, đại sư Từ Lâm chùa Chúc Thọ, đại sư Minh Giác chùa Kim Chương, sắc tứ Phổ Quang, Thiên Trường, hòa thượng Liễu Nghĩa chùa sắc tứ Vạn An, đại sư Từ



Quối chùa Hưng Long, hòa thượng Chánh Đắc chùa Tập Phước, đại sư Quảng Thông chùa sắc tứ Từ Ân, đại sư Từ Tánh chùa sắc tứ Thập Tháp Di Đà Tự v.v...

Sau đó, thiền sư Bảo Tạng về trụ trì chùa Thạch Sơn, Phú Yên, Năm Tân Dậu 1861, ngài khắc chữ lên bảng gỗ để in sách *Kim Cang Diễn Nghĩa*. Trên kinh ghi: "Đại Nam quốc, Phú Yên đạo, Đông Xuân huyện, Xuân Nông tổng, Phước Sơn tự Bảo Kế hộ bản, Thạch Sơn tự Bảo Tạng khắc bảng, Chơn Niệm hòa thượng, chư sơn đồng trợ."

III. Thiền Sư Hải Bình Bảo Tạng Với Những Danh Lam Miền Duyên Hải

1. Chùa Bát Nhã: Tọa lạc trên núi Long Sơn, thôn Mỹ Phú, xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, thường gọi là chùa Tổ hay Sắc tứ Long Sơn Bát Nhã. Đây là một di tích nơi mà thiền sư Bảo Tạng đã xuất gia hành đạo và đắc pháp với Tăng Cang Giác Ngộ. Trong Châu bản triều Nguyễn: Ngày 18 tháng 10 năm Minh Mạng thứ 21 (1840) ghi: Thiền sư Nguyễn Giác Ngộ, trụ trì chùa Bát Nhã ở Long Sơn, là người tịnh tâm tu luyện, tịch cốc đã hơn bốn mươi năm. Tu hành khổ hạnh, đức hạnh cao phong như thể thật quý trọng. Truyền cấp cho một văn bằng Tăng Cang, lại gia ân thưởng cho hai mươi lạng bạc, tặng phục và áo quần vải màu, mỗi thứ năm bộ, cho ngựa trạm đưa về chùa cũ trụ trì. Trên đường đi qua, các quan quân hạt phải phải người hộ tống để đường đi được an toàn tốt đẹp. Lại truyền cho quan tỉnh Phú Yên xuất tiền công mua sắm vật liệu, thuê dân phu sửa sang chùa chiền nơi Nguyễn Giác Ngộ hiện đang trụ trì cho được tráng lệ đẹp đẽ. Số dân phu thuê bao nhiêu người, truyền cấp cho mỗi người mỗi tháng bốn quan tiền và một vuông gạo để cho họ vui vẻ làm cho sớm hoàn thành công việc. Sau khi tổ Giác Ngộ viên tịch, đệ tử là thiền sư Hải Hội Bảo Chất kế thừa tổ đình Bát Nhã. Kế thừa tổ đình Bát Nhã đời thứ 3 là thiền sư Thanh Lân Viên Thông, đời thứ 4: Trừng Đức Tịnh Bửu là bổn sư của ngài Tâm Đạo Từ Nhãn và Từ Hiếu kế thừa chùa Quang Long Đại Tập, Ninh Thân, Ninh Hòa. Đời thứ 5 là hòa thượng Tâm Đạo Từ Nhãn, đời thứ 6 là hòa thượng Nguyên Chơn Kế Hội Trí Thành đã truyền trao ngọn đuốc chánh pháp cho hơn 20 đệ tử. Trong số đó có những vị nổi danh như: Hòa thượng Thích Quảng Hiến viện chủ Đại Tông Lâm và Tu viện Hộ Pháp, hòa thượng Thích Quảng Phát kế thừa chùa Bát Nhã, hòa thượng Quảng Đàm, hòa thượng Quảng Niệm kế thừa chùa Từ Quang Đá Trắng, hòa thượng Quảng Định chùa Từ Hiếu và hòa thượng Quảng Mẫn ở Hoa Kỳ, v.v...

2. Chùa Minh Sơn: Thạch Sơn tự là tên xưa của chùa Minh Sơn còn gọi là chùa Hang. Năm Tân Dậu 1861, thiền sư Bảo Tạng lại khắc bảng gỗ in Kinh Kim Cang Diễn Nghĩa tại đây. Thiên nhiên cấu tạo sẵn những tảng đá to dựng thẳng đứng tạo thành vách và mái che rất kín đáo; phía ngoài cửa vào chùa Minh Sơn có hai tầng đá nhô ra với mái che bằng phẳng như một hành lang trước khi bước vào chánh điện. Thiền sư Bảo Tạng đã chọn nơi đây để mai danh ẩn tích, hạ thủ công phu tu tập nơi non cao, hang vắng ẩn lá khoai trái rừng,



uống nước suối tu chứng đạo giải thoát. Thạch Sơn Tự tọa lạc trên núi Chóp Chài còn là Qui Sơn và dân gian gọi là hòn Cổ Rùa. Theo các nhà phong thủy học thì sông Đà Rằng là con rồng uốn khúc, đầu ở thượng nguồn, đuôi vắt ngang qua núi Chóp Chài là con rùa khổng lồ vươn mình ra biển Đông. Chính thế đất Long Qui giao hòa nên nhiều người nghĩ rằng Phú Yên là nơi phát sinh ra nhân tài, là vùng địa linh nhân kiệt. Trên lưng đồi núi có các chùa Khánh Sơn, Hòa Sơn và Bảo Lâm.

3. Chùa Long Quang: Chùa Long Quang tọa lạc tại khu phố Long Phước Đông, phường Xuân Phú thị xã Sông Cầu. Do thiền sư Hải Đạt Phổ Tịnh khai sơn năm 1861. Di cảo còn lưu giữ tại chùa Bát Nhã cho biết, thiền sư Bảo Tạng được cung thỉnh làm đường đầu hòa thượng tại giới đàn chùa Long Quang tổ chức vào ngày mùng 8 tháng 5 năm Mậu Thìn (1868). "Giới đàn chùa Long Quang ngài Hoàng Ân làm đàn chủ, hòa thượng chùa Từ Quang hộ giới đàn, hòa thượng chùa Hồ Sơn sám chủ, pháp sư chùa Thiển Đức thuyết giới, Bảo Tạng chùa Long Quang làm hòa thượng truyền giới, hòa thượng Bảo Nghiêm chùa Sơn Long Yết Ma, Viên Thông Thanh Lân chùa Long Sơn Bát Nhã giáo thọ, Huệ Tường chùa Cổ Lâm tôn chứng thứ nhất, Phổ Hóa của Bảo Lâm tôn chứng thứ nhì, Thiền sư Ấn Chánh Huệ Minh chùa Bảo Sơn tôn chứng thứ ba, Vĩnh Thọ chùa Viên Quang tôn chứng thứ tư, Trí Chánh chùa Phổ Bảo tôn chứng thứ năm, thầy chùa Kim Sơn tôn chứng thứ sáu, Huệ Tuệ chùa Phước Quang tôn chứng thứ bảy".

4. Các Di Tích tại tỉnh Ninh Thuận: Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng để lại dấu ấn truyền thừa như: chùa Đông Nhạc, chùa Linh Sơn, chùa Phước Lâm và chùa Thiền Lâm. Chùa Đông Nhạc: Thôn Đông Giang, Ninh Hải, Ninh Thuận hiện còn long vị của thiền Sư Bảo Tạng. Xưa kia bên cửa biển có động Đông Giang một vùng đất trú phú. Dân ghe bầu Phú Yên vào sinh sống và lập nghiệp. Trong đoàn người ấy có thiền sư Bảo Tạng cùng hai sư huynh Bảo Chân và Bảo Thanh. Thiền sư Bảo Tạng đã dừng chân dựng thảo am tu hành sau phát triển thành Đông Nhạc Tự. Năm 1844 thiền sư

Bảo Tạng khai sơn Chùa Linh Sơn Cà Đú tại chân Núi Cà Đú, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải rồi truyền thừa cho đệ tử Thanh An Từ Phước kế vị. Và hiện nay là di tích lịch sử do hoà thượng Đồng Cơ trụ trì. Căn cứ vào quyển "Lịch Sử Tổ đình Thiên Lâm" của Hoà thượng Thích Hạnh Bình: Thiền sư Bảo Tạng đến trụ trì 1848 và trùng tu chùa mãi đến năm 1854 mới hoàn thành. Tiếp tục theo đường biển ngài theo ghe bầu đến vùng Vĩnh Hảo, Tuy Phong Bình Thuận, chọn một hang đá bên dòng suối Hàm Rồng tu tập thiền định nên dân làng đã cung thỉnh ngài lập chùa Linh Sơn.

5. Các Di Tích tại tỉnh Bình Thuận:

Chùa Cổ Thạch còn gọi là chùa Hang, chùa Đá Cổ là một điểm hành hương nổi tiếng. Năm 1835-1836, thiền sư Bảo Tạng đã khai sơn và trụ trì được năm năm. Sau đó truyền lại cho các đệ tử qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, chùa được khang trang. Với kiến trúc độc lạ trong một cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, một quần thể núi đá trùng điệp nằm trên vòng cung bờ biển bãi sỏi bầy màu trái tuyệt đẹp, chùa Cổ Thạch là một di tích, thắng cảnh Việt Nam. Vịnh Chùa Cổ Thạch:

*Thạch Tự mấy từng chiếu ánh quang
Danh lam giục bước khách du nhân
Cây chen gác trống, chen hoa núi
Đá đội lâu chuông đội gió ngàn
Sóng biển dạt dào reo mặt bãi
Chim rừng riu rít nhộn lòng hang
Ai hay cảnh trí mang màu Phật
Sự tích kiên cường biết mấy trang.*
(Mùa Hè 1985/Thu Lâm)

Chùa núi Tà Cú hay Linh Sơn Trường Thọ Tự là một danh lam thắng cảnh của miền Trung. Chùa tọa lạc trên núi Tà Cú ở độ cao hơn 400 m, thuộc thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Chùa do thiền sư Hữu Đức đệ tử của thiền sư Bảo Tạng khai sơn. Nhận thấy núi Tà Cú là nơi "địa linh", có nhiều long mạch hội tụ, thiền sư Bảo Tạng đã chọn một hang đá gần đỉnh núi làm nơi tu hành, phía dưới hang có mạch nước trong mát, sau này được gọi là "hang Tổ". Vua Tự Đức ban sắc tứ cho Linh Sơn Trường Thọ Tự. Thập niên 1960, Hoà thượng Nhơn Bảo Vĩnh Thọ—ân sư của Hòa thượng Thích Chơn Thành (United States), Hòa thượng Thích Bổn Điền (Australia) và hòa thượng Thích Bổn Đạt (Canada)—phát nguyện tôn trí pho tượng Phật Thích Ca nhập niết bàn dài 49 m trên đỉnh núi Tà Cú. Ngày 2-1-2006, tượng Phật Thích Ca nhập niết bàn trên núi Tà Cú được tổ chức Kỷ lục Việt Nam / Vietkings xác nhận là tượng Phật nằm dài nhất nước. Ngày 30-5-2013, Tổng Giám đốc Tổ chức Kỷ lục châu Á, ông Biswaroop Roy Chowdhury đã xác lập kỷ lục "Tượng Phật nằm trên đỉnh núi dài nhất châu Á."

6. Các Di Tích Danh Lam tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Thiền sư Bảo Tạng khai sơn trùng tu và trụ trì nhiều chùa ở Bà Rịa như chùa Long An, chùa Bửu An, chùa Long Hưng và chùa Ngọc Tuyền trên núi Kỳ Vân (là nơi có bảo tháp của thiền sư Hải Bình Bảo Tạng), một danh tăng suốt đời phụng sự Phật pháp, tạo dựng rất nhiều chùa, hoàng dương chánh pháp, hóa độ chúng sanh và có nhiều đóng

góp cho sự phát triển của đạo pháp dân tộc. Đây là một di tích lịch danh lam, thuộc khu phố Hải Sơn, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Ngày 25 tháng 5 năm Nhâm Thân 1872, thiền sư Hải Bình Bảo Tạng viên tịch tại chùa Ngọc Tuyền. Bảo tháp của thiền sư với kiến trúc theo kiểu lục giác, gồm có 3 tầng, được xây dựng bằng đá xanh kết hợp với các nguyên liệu cổ truyền như cây ô dước, mật mía, vôi. Trải qua thời gian dài đã xuống cấp rất cần được trùng tu tái thiết. Chúng con mượn những vần thơ của thi hào Nguyễn Du và thành tâm dâng nén tâm hương, nhất tâm dâng lễ giác linh thiền tọa thủy tử chứng giám:

*Minh kính diệc phi đài,
Bồ Đề bản vô thụ.
Ngã độc Kim Cương thiên biến linh,
Kỉ trung áo chỉ đa bất minh
Cập đáo phân kinh thạch đài hạ,
Chung tri vô tự thị chân kinh.*

Sam Hamill đã dịch sang Anh ngữ:
That bright mirror stand, originally didn't exist
The Bodhi tree, also non-existent;
I have read the Diamond sutra a thousand times.
Many profound matters I do not clearly understand.
Now at Sutra Division Stone Tower
I realize it's the non-word sutra that is read one.

Nguyễn Duy và Nguyễn Bá Chung dịch thơ:
*Đài gương mộng tự bao giờ,
Cây Bồ Đề ảo mộng hồ khói sương,
Hơn ngàn lượt tụng Kim Cương,
Lắm điều kỳ ảo chưa tường trong ta,
Bấy giờ đến được đài hoa,
Mới hay "Không chữ" ấy là chơn kinh.*

Và để tưởng nhớ ơn sâu mở đạo, ghi lòng nghĩa lớn truyền đăng, chúng ta cùng nắm tay nhau kết thành đài sen cúng dường giác linh thiền sư Hải Bình Bảo Tạng trong ngày tưởng niệm húy nhật lần thứ 151 và cùng hát bài thiền ca "Phật Giáo Việt Nam Lên Đường". Thơ Phan Tấn Hải, nhạc Trần Chí Phúc:

*Con về đây từ núi cao, từ biển xa
Với hồn thiêng rồng tiên ngàn năm quê hương Việt Nam.
Con về đây nghe chuông chùa lời mẹ ru giữ đời đời
Nguyên quy y Phật Pháp Tăng
Việc ác, con xa lià, việc lành, con vâng giữ
Trong sạch thân khẩu ý ghi lời Phật trong tâm.
Con lên đường, tới Trường Sơn, tới Biển Đông
Giữ quê hương một tấc đất không để lui
Con lên đường, lấy tình thương, bảo vệ dân
Vững ngàn năm, hộ trì Phật Giáo Việt Nam.*

Chùa Hội Phước New Mexico, mùa An Cư 2023
Thích Thánh Minh

DÂNG TRỌN TIM CON

Chuông chùa ngân vang từng hồi nhẹ
Thầm nhắc Vu Lan đã về nơi
Hoa hồng cài áo lòng vui lạ
Hoa trắng băng khuâng nhớ mẹ cha

Tháng Bảy ngày xưa con nhớ lại
Cầm tay mẹ dẫn đi lên chùa
Hoa huệ trắng tinh dâng cúng Phật
Tinh trắng như trọn cả lòng son

Nghe thầy kể lại tích hiếu hạnh
Mục Liên cứu mẹ thoát u đồ
Thỉnh Phật khai bày quyền phương tiện
Gương sáng ngàn năm mãi còn lưu

Tình mẹ ân sâu khó đáp đền
Chín tháng cưu mang ba năm bế
Ngày đêm bông ẵm nâng chỗ ráo
Vất từng giọt sữa mớm cho con

Tóc mẹ bạc màu theo năm tháng
Mẹ nằm chỗ ướt để con khô
Hình hài thanh xuân còn đâu nữa
Lướt giặt trâm cài chẳng thiết tha

Từng đêm trong căn nhà tranh nhỏ
Mẹ ngồi đan áo mũ cho con
Ủ ấm con thơ vòng tay mẹ
Bên ngoài gió lạnh rít từng cơn

Ơn cha cao ngất hơn trời xanh
Cực khổ lo toan cả gia đình
Một nắng hai sương tìm hạt gạo
Cho đàn con đại tiếng cười vang

Cực nhọc thân cò ba lặn lội
Ngược xuôi khắp nẻo chốn thị thành
Thôn quê làng mạc còn in dấu
Đi tìm sinh kế để nuôi con

Mấy mươi xuân hạ trên đường dài
Thu đông chẳng ngại quản gian lao
Miễn con no ấm ba đành chịu
Vất vả thân mình con được an

Ngày tháng qua đi như bóng chớp
Tuổi xuân dành trọn cả cho con
Mẹ già cha yếu cho con lớn
Lung còng gối mỏi chỉ vì con

Hôm nay chuông chùa đưa con tỉnh
Tìm lại hương xưa đã lịm dần
Mẹ cha đã xa miền dương thế
Hình bóng qua làn khói lung linh

Cúi đầu thành kính con tạ tội
Biết bao lần làm cha mẹ khổ
Biết bao lần làm mẹ cha lệ rơi
Xin nhận lấy này con bất hiếu

Vu Lan tháng hội mùa báo hiếu
Chư Phật hoan hỷ Tăng tự tứ
Xin nguyện thế giới được thanh bình
Phật pháp trường tồn dân an lạc

Nguyện nén tâm hương dâng Tam bảo
Cầu cho thất thế được siêu sanh
Cha mẹ cứu huyên về an dưỡng
Liên đài tự tại chốn tây phương.

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH



Mẹ, và những tiếp nối

HUỆ TRẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tôi từng được nghe mẩu truyện rất cảm động. Truyện chỉ có hai nhân vật chính.

Một buổi sáng, trước tiệm bán hoa, một thanh niên ngừng xe, định vào tiệm đặt mua một chậu lan, gửi tặng sinh nhật mẹ, ở cách xa anh ta hơn hai trăm dặm. Nhưng bất chợt, anh thấy một cô bé, đứng nép cánh cửa tiệm và đang ôm mặt khóc. Cảm thương, anh đến bên, dịu dàng hỏi:

- Tại sao em khóc?

Cô bé thốn thức:

- Con muốn mua một bông hồng tặng mẹ, nhưng con vừa vào hỏi, một bông là ba đồng, mà con chỉ có một đồng thôi!

Nói rồi, cô bé lại òa lên, nức nở.

Anh thanh niên mỉm cười, cầm tay cô bé, dắt vào tiệm. Anh bảo người bán hàng chọn bông hồng nào đẹp nhất tiệm, trao cho cô bé.

Nhìn cô bé vui mừng cầm bông hoa, bước ra cửa, lòng anh thanh niên cũng vui theo. Xong, anh chợt nhớ, mình bước vào tiệm hoa để làm gì.

Hôm nay là sinh nhật của Mẹ, người đã cho anh có mặt trên thế gian này. Anh đặt mua chậu lan tím trong giỏ mây có cột nơ hồng, theo mẫu trình bày trong cuốn sách. Rồi anh lựa một tấm thiệp, ghi lời mừng sinh nhật và địa chỉ của mẹ, trao cho người bán hàng.

Thanh toán tiền bạc xong, anh vui vẻ bước ra cửa.

Cô bé đứng chờ ngoài đó, lí nhí cảm ơn. Anh nhìn quanh, rồi hỏi:

- Em đến đây với ai? Có cần tôi cho quá giang về nhà không?

Mắt cô bé sáng lên, mừng rỡ:

- Con cảm ơn chú! Chú đưa con về nhà mẹ nhé.

Theo lời chỉ đường của cô bé, anh dừng xe trước cổng một nghĩa trang. Cô bé không nói gì thêm, chỉ ngược nhìn anh như ngầm ý muốn anh đi theo. Rồi

cô dừng trước một ngôi mộ mới lấp đất. Cô nói:

- Thưa chú, đây là nhà của mẹ.

Nói rồi, cô quỳ xuống, cắm bông hồng vào chiếc lọ nhỏ xíu trên mộ, vuốt ve những hàng chữ trên tấm bia, và thốn thức gọi nhỏ:

- Mẹ ơi!

Hai tiếng "Mẹ ơi!" của cô bé chỉ mới gặp chưa đầy 20 phút mà anh tưởng như tiếng gọi của những người thân yêu từng gần bó nhau hàng vô lượng kiếp! Anh ngồi xuống bên cô bé, cầm lấy tay, và cùng khóc với cô...

Sau đó, anh hấp tấp trở lại tiệm hoa, hủy bỏ hóa đơn gửi hàng và chọn mua bó hồng tươi nhất, vội vã ra xe. Lòng tràn ngập nôn nao, anh mãi mê cầm tay lái suốt buổi, vượt hơn hai trăm dặm, đến gặp mẹ.

Khi trao tận tay Mẹ bó hoa còn tươi, anh nhìn thật sâu đôi mắt Mẹ rồi nghẹn ngào:

- Mẹ ơi!

Câu chuyện chấm dứt ở hai tiếng ngắt ngủi đó nhưng âm thanh dường như ngân mãi trong tôi cho đến ngày tôi mất mẹ!



Hai năm cuối, Mẹ tôi bỗng có dấu hiệu của sự mất trí nhớ. Thịnh thoảng Mẹ lại nói: "*Cô có tiền, cho tôi mượn hai chục đi xe. Tôi phải về, kéo chúng nó mong!*" Rồi chẳng phải chỉ nói suông, Mẹ xách túi quần áo, xăm xăm mở cửa bước ra đường.

Tình trạng đó tăng nhanh một cách trầm trọng khiến hai chị em tôi phải thay phiên nhau, canh chừng Mẹ liên tục. Tôi hỏi thăm một người bạn, là bác sĩ tâm thần. Bạn tôi bảo, hãy thử hai cách.

Cách thứ nhất, mỗi khi Mẹ chìm vào cơn mê như vậy, hãy ngồi xuống bên, cầm tay, nhẹ nhàng nói với Mẹ, mình là ai, Mẹ là ai, đang ở đâu, để Mẹ trở về hiện tại.

Nếu không thành công thì dùng cách thứ hai, như các thiền sư khai ngộ cho đệ tử, là quát to, cốt Mẹ chú ý tới âm thanh, rồi mới tuần tự nhắc những kỷ niệm nào của gia đình mà đối với Mẹ là đáng nhớ nhất.

Chị em chúng tôi không bao giờ thành công ở cách thứ nhất, vì nếu nhớ nhẹ từ chối lời yêu cầu thì Mẹ sẽ giận dữ, bảo là chúng tôi ác độc, không cho mượn tiền để Mẹ về nơi có "*chúng nó mong*".

Tôi có thể hiểu được, tại sao trong cơn mê Mẹ lại luôn muốn ra khỏi nhà, vì chị em chúng tôi mỗi đứa ở một nơi. Mẹ ở với đứa này, lại nhớ đứa kia! Và trong tâm tưởng Mẹ, luôn có những đứa con, đứa cháu mong Mẹ về.

Nhưng khi thử cách thứ hai là quát to với Mẹ, thấy Mẹ có vẻ sợ hãi thì lòng chúng tôi quặn thắt.

Cuối cùng, tôi chọn cách thứ ba, là Mẹ nói gì, cứ im lặng nghe. Mẹ nói xong thì tôi rót nước rồi nương theo vai trò nào Mẹ đang tự diễn mà đổ dành. Chẳng hạn như: "*Bà cụ uống nước đi, ăn bánh đi rồi lát có xe đến đón*"; nhưng nếu bất chợt Mẹ đổi vai, gọi tôi là chị, và



xưng em, thì tôi đành nói: "Ừ, chị đã gọi xe đồ rồi. Họ đang trên đường tới. Em cứ vào phòng nghỉ đi, hễ xe tới là chị gọi em liền".

Thật bất ngờ, tuy chưa từng một ngày được học ngành tâm lý và trị liệu tâm thần nhưng cách thứ ba của tôi đã được Mẹ vui vẻ chấp nhận, không đòi đi nữa mà lại còn cảm ơn rồi rít: "Cô tốt quá! Cô tên gì? Con cái nhà ai vậy?" Rồi chỉ vài phút sau, Mẹ ra khỏi cơn mê, biết rõ tôi là cô con gái đầu lòng đã đến với cha mẹ ngày 30 tháng 7 của một năm xa xưa!

Những cơn mê như thế cứ đến không hẹn, đi không báo, dẫn Mẹ tôi quần quanh giữa mộng và thực cho tới ngày qua tim 86 tuổi bất ngờ đập loạn nhịp.

Mẹ đã thực sự ra đi, đi thật nhanh và thật êm ả như một người thiếp trong giấc ngủ trưa hè. Không biết trong giấc ngủ đó, Mẹ là bà cụ muốn mượn tiền để đi xe về nơi có "chúng nó mong" hay khi ấy Mẹ đang biết rõ Mẹ là người Mẹ thân yêu của sáu chị em tôi?

Nếu Mẹ ra đi giữa cơn mê, ngỡ mình là một bà cụ cô đơn, nghèo khổ, phải hỏi mượn tiền người lạ để tìm về nơi có những người thân yêu mong chờ, thì tội nghiệp Mẹ quá!

Chị em tôi mồ côi cha từ hơn hai mươi năm. Tiếng khóc "Cha ơi" chưa từng dứt trong tâm, lại nổi theo tiếng khóc "Mẹ ơi!"

Với tôi, thời gian không phải là liều thuốc hàn gắn đau thương mà còn phải là... cái gì đó, thần diệu hơn.

Bao năm, lặn lội đi tìm "cái gì đó" mà chưa thấy, chỉ thấy tang thương và lệ chảy vẫn tiếp tục thôi. Cho tới ngày giỗ đầu của Mẹ thì nghịch-duyên-đời lại thành thuận-duyên-đạo.

Sau mỗi xâu chuỗi lần qua, sau mỗi thời kinh vừa dứt, sau mỗi tiếng chuông xa thiên, thì "cái gì đó" đều thấp thoáng, như giải thưởng treo cao, khuyến tấn và chiêu dụ đám học trò chậm lụt rắng tiến bước.

Tôi thường tự nhủ, phải cố gắng hơn, kiên trì hơn, phải tin tưởng hơn, là trong bao la vô thanh bất động kia chắc chắn có ẩn tàng thần dược. Nếu không, với những đau thương kinh hoàng trong cõi ta-bà, dồn dập không phút nào, thời nào ngưng, thì nhân loại đã bị hủy diệt lâu rồi!

Thời công phu sáng nay, khi tiếng chuông dứt Chủ Lăng Nghiêm vừa điểm, tôi bỗng nghe trong đó ngân dài hai tiếng "Mẹ ơi!" và lòng tôi hân hoan niềm vui trẻ thơ, như thưở nhỏ chờ cửa, thấy bóng Mẹ đi chợ về.

Vâng, phút giây ấy, công phu sáng, Chủ Lăng Nghiêm, và tiếng chuông, đã quyện vào nhau thành âm thanh màu nhiệm của hai tiếng "Mẹ ơi!" để tôi cảm nhận rõ hơn chút nữa về "cái gì đó" mà tôi hằng tìm kiếm lâu nay.

Lời Thầy thường dạy, lại bâng bạc không gian "Ta là tiếp nối của Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ. Các Ngài ở trong ta và ta ở trong các Ngài, như lá vàng rụng xuống thành đất nuôi cây, để cây lại trở lá. Phải cảm nhận thật sâu sắc được điều đó, ta mới ôm được cả xâu lần tốt trong vòng tay để không than khóc vì những mất mát."

Hôm đó, mặt trời thức muộn vì một vài đám mây xám đùa bỡn bay ngang. Nhưng mây chỉ đùa thôi chứ không động thành mưa. Khi ông mặt trời vươn vai tỏa sáng cũng là lúc tôi viết xong lá thư cho một

người bạn mà tôi từng khởi tâm buồn giận. Thư không quá dài, cũng không quá ngắn. Nội dung chỉ đơn sơ:

"Bạn có rảnh, mời ghé Am uống trà. Nước đã sôi, trà đã sẵn. Mà bạn đang bận cũng không sao! Tôi vẫn được uống trà với bạn, vì bạn đang ở trong tôi và tôi đang ở trong bạn, như tôi vừa cảm nhận về Cha Mẹ như thế. Không có gì khó hiểu đâu. Chỉ là sáng nay tưởng sẽ mưa, nhưng mây xám đã bay đi để mặt trời rọi nắng. Mặt trời đâu có hận mây đã che mình; mây cũng đâu có oán mặt trời không cho mây cơ hội thành mưa để được nhảy múa tung tăng. Cái gì cũng đến rồi đi, thành rồi hoại.

Chúng ta từng hạnh phúc ngồi uống trà với nhau bên cây ngọc lan thơm ngát, bên bụi quỳnh trắng, nở trăm hoa. Hạnh phúc đó nay không còn thì cũng chỉ là một, trong vô vàn những gì Có rồi Không trên thế gian này mà thôi. Như cây ngọc lan đã biến mất. Như bụi quỳnh chẳng bao giờ còn nở hoa. Ấy thế mà mảnh sân rêu vắng hương sắc cũ có than khóc gì đâu! Tôi quá vô minh mới tự chuốc lấy đau khổ khi không biết rằng, ở một tình cờ nào đó, chẳng ai ngưng được mây rồi sẽ chuyển màu, thành rào rạt mưa tuôn!"

Thư không bỏ vào phong bì, vì không có nơi gửi, cũng chẳng có người nhận.

Lá thư, người viết và người nhận, nay chỉ còn là một như âm hưởng Tam Không của hạnh Bồ Thái Ba La Mật: "không của cho, không người cho, không người nhận, mới thực là cho."

Huệ Trân
(Biển Dài, một Mùa Vu Lan)

LÒNG HIẾU CHIM OANH VŨ

Thuở xưa ở dãy Tuyết Sơn
Có chim oanh vũ dễ thương, hiền hòa
Vì cha mẹ bị mù lòa
Một mình chim phải bay ra khu rừng
Kiếm tìm trái chín thơm lừng
Mang về cung kính cúng dường mẹ cha.
Cách rừng cũng chẳng bao xa
Có ông điền chủ thật là tốt thay
Ruộng vừa cấy lúa năm nay
Ông bèn phát nguyện: "Lúa này trở bông
Khi nào lúa tốt đầy đồng
Ai cần lương thực vui lòng lấy ăn!".
Một hôm oanh vũ bay ngang
Thấy bao nhiêu lúa óng vàng đẹp tươi
Chim bèn dừng cánh tìm mồi
Tha nhiều lúa tốt về mời mẹ cha,
Vừa khi điền chủ đi qua
Tưởng chim phá hoại, ông ta phiền lòng
Sai người giăng lưới trên đồng
Bắt chim oanh vũ bỏ lồng treo chơi.
Chim bèn nhỏ nhẹ đôi lời:

"Sao ông lại nhỡ giam tôi thế này?
Ông thường bố thí hàng ngày
Cho nên tôi mới ngừng đây kiếm mồi!".
Ông điền chủ: "Kiếm cho ai
Mà sao lui tới tha hoài lúa ta?".
Chim thưa: "Tôi có mẹ cha
Cả hai đều bị mù lòa tối tăm
Bay đi kiếm sống khó khăn
Mình tôi phải lấy phần ăn ba người!".
Nghe ra điền chủ tươi cười
Thả chim và nói: "Xin mời từ nay
An tâm ghé lại ruộng này
Cứ dùng thóc lúa ta đây không buồn!".
Khen thay súc vật, chim muông
Mà lòng hiếu thảo còn hơn nhiều người
Đã sinh ra giữa đất trời
"Hiếu cùng cha mẹ" nhớ lời gắm hoa.
Con chim oanh vũ chính là
Tiền thân Đức Phật Thích Ca một thời,
Còn điền chủ tốt tuyệt vời
Là Xá Lợi Phất người đời kính yêu.

thơ TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)



GIÁC MƠ TRƯỜNG SƠN CỦA TUỆ SỸ

– Món quà văn học đặc sắc của Việt Nam dành cho phương Tây

BẠCH XUÂN PHÊ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chúng tôi thật vinh hạnh và danh dự khi được Giáo sư Nguyễn Bá Chung yêu cầu điểm sách đặc biệt này của một trong những bậc Thầy được tôn kính và ngưỡng mộ nhất ở Việt Nam. Cuốn sách có tên DREAMING THE MOUNTAIN – GIÁC MƠ TRƯỜNG SƠN của Tuệ Sỹ, người mà tôi có nhân duyên lớn được gặp gỡ, học hỏi, nghiên cứu và hân hạnh được đồng hành một số việc với Thầy. Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, còn được gọi là Tuệ Sỹ, là một nhà thơ nổi tiếng, một giáo sư lỗi lạc, một nhà sư ẩn dật, một học giả đáng kính, một người “bất đồng chính kiến”, và là một trong những nhân vật nổi tiếng và có ảnh hưởng nhất trong nền văn học và văn hóa Việt Nam hiện đại. Thơ của Thầy được tuyển chọn và biên soạn thật chi tiết trong cuốn GIÁC MƠ TRƯỜNG SƠN. Nhà thơ nổi tiếng người Mỹ Martha Collins và giáo sư Nguyễn Bá Chung đã dịch nó. Seedbank sẽ xuất bản ấn bản song ngữ thơ Tuệ Sỹ lần đầu tiên tại Bắc Mỹ và tập thơ sẽ phát hành vào tháng 6 năm 2023. Tôi hoan nghênh và cảm ơn những nỗ lực của GS. Nguyễn Bá Chung, nhà thơ Martha Collins và nhà xuất bản Milkweed trong việc biên soạn và ấn bản sâu rộng, quan trọng này. Đây là tập sách vô giá cho nhiều thế hệ muốn biết về văn học Việt Nam. Trong phần giới thiệu của cuốn sách, tiểu sử tóm tắt của Thầy được đề cập theo các cách sau:

“Tuệ Sỹ, sinh năm 1943, vào thiền môn lúc mười tuổi và sau này trở thành một học giả Phật giáo lỗi lạc, một giáo sư, một thi sĩ, một dịch giả. Giáo sư Phạm Công Thiện đã gọi Thầy là ‘một thiền sư lỗi lạc nhất, thông minh nhất, uyên bác nhất, trong sạch nhất tại Việt Nam hiện nay.’ Ông đã kiên quyết chống lại ý kiến cho rằng Phật giáo có thể dùng làm công cụ cho bất kỳ ý thức hệ nào, và ông nổi tiếng ở Hoa Kỳ và những nơi khác về sự bất đồng chính kiến của mình, cũng như ở Việt Nam, nơi ông đang sống. Hai lần vào tù, một lần hai năm, lần nữa mười bốn năm, có lúc bị kết án tử hình. Nếu coi đây là một tiểu sử khác thường, thì thơ Tuệ Sỹ, phần nhiều viết trong một đất nước bị chiến tranh tàn phá, cũng không kém phần khác thường.”



Cuốn sách được chia thành nhiều phần khác nhau dựa trên một khoảng thời gian, và tôi xin giới thiệu hai bài thơ yêu thích của tôi từ mỗi phần.

1. Cánh Đồng Mộng Xa: Trước 1975

Khung Trời Cũ – Một Mảnh Trời Xưa (tr. 2, 3)

Hạ Thu Cao – Noble Autumn Rancor (tr. 14, 15)

2. Mộng Trường Sơn: 1975–1977

Một Bóng Trăng Gầy – A Slender Moon (pg. 24, 25)

Tống Biệt Hành – Nghi Phép (tr. 50, 51)

3. Mộng Trường Sơn: 1978–1984

Tôi Vẫn Chờ – I Still Wait (trang 54, 55)

Năm Giữa Bãi Tha Ma – Ngồi Trong Nghĩa Địa (tr. 62, 63)

4. Những Bài Thơ Sau Tịnh Thất – Thiền Phòng (tr. 90, 91)

Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm – Refrains For Piano (pg. 110, 111)

Khi những bài thơ hay của Tuệ Sỹ được đọc trong bối cảnh cuộc sống của Thầy, chúng thật ngoạn mục. Thơ của Thầy soi sáng cuộc sống của Thầy ở Việt Nam, bao gồm cả những đấu tranh, ước mơ và hy vọng của Thầy với quê hương Việt Nam. Thầy sở hữu sự hiểu biết vô song về Phật Pháp, trí tuệ và lòng từ bi. Cuốn sách này thừa nhận tầm quan trọng của Tuệ Sỹ trong văn hóa Việt Nam bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng của tuyển tập này được dịch qua tiếng Anh lần đầu tiên để giới thiệu độc giả Phương Tây. Tuyển tập được Rachel Adams mô tả trên Tricycle Review “là giàu sức hút, trữ tình và phức tạp một cách lặng lẽ” mang đến một cái nhìn thoáng qua về tâm hồn và về “tác phẩm của một người đàn ông phi thường” cho các độc giả Anh ngữ.

Cuốn sách này cung ứng sự giới thiệu khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của học giả, nhà thơ, dịch giả Phật giáo Việt Nam Tuệ Sỹ qua phương tiện thi ca. Cuộc đời từ lúc xuất gia và nghiên cứu, giảng dạy về Phật giáo của Thầy đều có ảnh hưởng đáng kể đến thơ ca của Thầy, thường phản ánh thế giới tự nhiên, truyền cảm hứng cho hy vọng và có ý nghĩa Thiền sâu sắc.



Chiến tranh Việt Nam, thời gian Tuệ Sỹ ở trong tù và các trung tâm cải tạo, cuối cùng được trả tự do và những năm sau này của Tuệ Sỹ đều được mô tả một cách chi tiết. Những bài thơ được thảo luận trong bài luận cho thấy Tuệ Sỹ có lòng trắc ẩn, từ bi, sự kiên trì và cống hiến cho các hoạt động tinh thần và nghệ thuật. Tuyển tập này cho thấy tầm quan trọng của thơ Tuệ Sỹ trong việc phản ánh lịch sử Việt Nam và ý nghĩa truyền thống tâm linh trong thời kỳ giao thời.

Trong thơ Tuệ Sỹ, từ các yếu tố thiên nhiên như gió, nắng, rêu, mây, thác nước... đến mắt biếc, vé đẹp, quán trọ, chùa chiền, trần gian... đều đóng vai trò tượng trưng, nhân cách hoá, là ý nghĩa sâu xa xuyên suốt các bài thơ. Các danh lam thắng cảnh cụ thể mà tác giả đã viết được làm nổi bật, đặc biệt là ở Vạn Giã, Nha Trang, Việt Nam, cũng như dãy Trường Sơn như một biểu tượng. Trong tác phẩm của mình, Tuệ Sỹ khám phá chủ đề giấc mơ, bao gồm các khái niệm tưởng tượng, khát vọng, tuyệt vọng, ảo ảnh, cũng như suy tư của Thầy về vòng sinh tử luân hồi và khát vọng giải thoát. Khả năng điều hướng giữa thực tại vật chất và thời gian, giữa có và không, giữa còn và mất, giữa khổ đau và hạnh phúc, giữa phiền não và bồ-đề của nhà thơ được ca ngợi. Cuốn sách cũng bàn về sự khào nghiệm của Tuệ Sỹ về khổ đau, tình người và con đường thoát tục niết bàn.

Có lẽ "Giấc Mơ Trường Sơn" là một bức chân dung cảm động về một tâm hồn đang tìm kiếm tự do và trí tuệ rộng lớn trong một thế giới hỗn loạn. Nó làm nổi bật thơ của Tuệ Sỹ về những quan sát sâu sắc, sự cống hiến cho sự giải thoát và sự tương tác giữa thực tại tối hậu và trần tục. Tuyển tập đã được mô tả là gợi cảm, trữ tình và phức tạp một cách lặng lẽ, mang đến một cái nhìn thoáng qua về tâm trí, trái tim và ý tưởng phi thường của nhà thơ. Nhìn chung, tôi hoan nghênh và giới thiệu "Giấc Mơ Trường Sơn" vì sự thể hiện một tâm trí lớn, một tấm lòng rộng, đang tìm kiếm sự an nhiên và tự do trong một thế giới hỗn

loạn và không ngừng thay đổi.

Cuối cùng, tôi xin chúc mừng các dịch giả và nhà xuất bản. Bây giờ mời các bạn thưởng thức tập thơ này. Hãy để những từ ngữ thấm sâu vào tâm thức và trái tim tinh tế của bạn. Hãy đọc chậm rãi. Hãy nhẹ nhàng và vui thú với nó. Chỉ cần tận hưởng là đủ. Cầu mong tất cả chúng ta được bình an, khỏe mạnh và hạnh phúc.

(*Tâm Thường Định lược dịch từ bài viết bằng tiếng Anh. DREAMING THE MOUNTAIN of Tuệ Sỹ – A Special Literature Gift from Vietnam to the West*)

Bạch X. Phê

Tác giả của hai cuốn sách:

- **AWAKEN: Buddhism, Nature, and Life: A Vision of Poems for West and East**
- **Mindful Leadership: Learning Through the Practices of Mindfulness and Compassion**

Chú ý: Xem thông tin ở trang Amazon.com và mua sách tại đây.

https://www.amazon.com/Dreaming-Mountain-Poems-Tu%E1%BB%87-Seedbank/dp/1639550186/ref=sr_1_1

The North American debut of Tuệ Sỹ—poet, monk, scholar, dissident, and one of the great cultural figures of modern Vietnam—and a new bilingual edition to the Seedbank series.

In addition to being a preeminent scholar of world philosophy and a Zen master, Tuệ Sỹ is one of Vietnam's most celebrated poets. He is a survivor of sixteen years of imprisonment and an eloquent witness to the tumult, tragedy, and resilience of his country over the last sixty years—and a full-length translation of his work into English is long overdue.

Assembled and co-translated by Vietnamese poet and essayist Nguyen Ba Chung and acclaimed American poet Martha Collins, *Dreaming the Mountain* reflects a lifetime of creation, crisis, and commitment. With poems presented on facing pages in Vietnamese and English, this volume includes the early imagism of Tuệ Sỹ's Zen studies as a scholar and critic, midlife work that represents his attempted retreat from the devastation of war and subsequent years of imprisonment, and late, elliptical poems that give intensely lyrical expression to a lifetime of profound experience. From the "fleeting dream of red blood at dusk" to the quiet determination of one who sets out to "repaint the dawn," these poems reflect the journey of an artist who speaks for his country, who captures its darkness and its light.

At once personal and universal, coolly observant and deeply compassionate, the poems of Tuệ Sỹ bring singular attention to a fleeting, painfully beautiful world.

Truyện cực ngắn HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

ẢO CẢNH

Anh đứng trên đỉnh núi cao, nhìn xuống toàn cảnh thành phố. Đã gần ba mươi năm trôi qua anh mới bước lên ngọn núi này một lần nữa. Giữa khoảng thời gian đó là biết bao nhiêu dâu bể, mưa gió đã đi qua. Cơn gió chiều mát rượi như nhắc nhở anh quay về nhìn từng đoạn đời cũ bình yên đến nhàm chán tại thành phố này. Cả những nơi chốn tuổi thơ từ đây nhìn thấy hết trong tầm mắt. Ngôi trường mẫu giáo rồi trường cấp một sát gần nhau mà anh từ những bước chân lon ton vui đùa đến những bước dài đi nhanh đến trường sợ trẻ ngôi trường cấp ba năm kia, nơi đặt mộng vào đời với ý chí vươn cao và niềm yêu đầu vụng dại giờ đã được xây mới lại khàng trang, khác hẳn hoàn toàn với vẻ xập xệ tường vàng ngả rêu xưa cũ. Những con đường và quán cà phê mà anh lang thang giờ vẫn còn kia đơn độc và dụi dàng. Tất nhiên còn cả ngôi nhà với bao nhiêu kỷ niệm của anh nữa. Những đêm mơ về tương lai đầy háo hức, những niềm hy vọng vào ngày mai đầy hứng khởi đã bắt nguồn từ mái nhà nhỏ bé kia. Bây giờ từ trên cao đây nhìn xuống, tất cả chỉ còn như một giấc mộng xa xưa, ngày qua đã như là ảo ảnh. Tuổi trẻ đầy ngông cuồng nhiệt huyết cũng đã khuất xa mặt mũi chỉ còn lại chút dư vị để mà ngẫm nghĩ cho vui trong những tháng ngày tuổi già anh mà đang đổi mặt. Tất nhiên anh cũng hiểu cuối cùng ai cũng phải đi qua và từ bỏ thế giới này từng chút một cho đến ngày thật sự buông bỏ sau cùng. Sống là một hành trình mất mát không thể đảo ngược. Chúng ta dần dần mất đi bạn bè, người thân, sức khỏe, nhiệt huyết, tham vọng để còn lại một mình bước đi chán chường và cô độc.



Nhưng hôm nay anh vẫn còn đứng được nơi đây để ngắm nhìn thành phố, hồi tưởng quá khứ với sự biết ơn và lòng trân trọng. Tuổi nhỏ ngây thơ và thời thanh niên ngông cuồng vụng dại thật quý giá biết bao nhiêu. Bên cạnh những sai lầm chí mạng, những nỗi ân hận mãi không quên giúp ta trưởng thành thì tuổi trẻ đã giúp cho ta tạo dựng bao nhiêu là kỷ niệm đẹp để để có chút ký ức nhớ về, thấp sáng lên cho ngày tắm tối. Từ trên điểm cao chúng ta nhìn toàn cảnh mới hiểu cảm giác của sự quyến luyến từ biệt. Rồi tất cả cũng sẽ qua, cát bụi về với cát bụi, những nỗi niềm đau khổ vụn vỡ và cả những niềm vui ít ỏi sót lại, cả thân xác già nua rửa mục từng ngày rồi cũng hóa mây trời thiên thu. Cuộc đời nhìn lại cuối cùng như ảo ảnh mà chúng ta sống trong những ảo tưởng nơi ảo cảnh của riêng mình. Cho dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng cần phải biết ơn vì đã có một giấc mơ đẹp đầy cảnh sắc của trần gian mà chúng ta có may mắn được trải qua và cũng có đủ thời gian để thâm ân từ tạ bằng mỗi ngày chúng ta sống trọn với trái tim mình.

(Sài Gòn, ngày 13/2/2023)

HÀNH TRÌNH

Con đường dưới chân anh trải dài như vô tận. Trời nắng gắt, rải rác bóng cây ven đường râm mát, những đám mây trắng như những miếng bông gòn đang bình thản trôi đi. Anh gắng bước đi nhanh một chút đến dưới bóng râm một cây đa lớn ngồi nghỉ mệt. Thoảng chốc, trí nhớ đưa anh về lại con đường đất ngày xưa, những bước chân bé bỏng chạy lon ton ra đứng gốc cây đầu làng chờ mẹ đi chợ về. Cây đa trông thật là hoài niệm khiến lòng anh chùng xuống và cảm thấy trống trải mệnh mang. Như thể đã trăm năm trôi qua, cảnh sắc xưa cũ vĩnh viễn chỉ còn trong ký ức. Những đổi thay mang đến nhiều tiện nghi, đồng thời xóa sạch và lạnh lùng cuốn trôi đi tất cả những gì xưa cũ. Chỉ có trí nhớ của ký ức là mỏ neo cầm giữ chút thời gian nhưng cũng dần dần hoen rỉ. Thật lạ lùng khi ta đã đạt được những ước mơ ngày nhỏ, đã đi khắp cung đường của ước mơ giờ lại tha thiết muốn quay trở lại những bước khởi đầu ngây thơ thuần khiết của tuổi thơ tinh lẻ. Việc thỉnh thoảng bắt gặp một vài dấu chỉ gợi nhớ đến xa xưa làm anh khắc khoải nhưng cũng cảm thấy vui mừng và cảm tạ. Con đường anh đã chọn và kiên trì đi đến bây giờ vẫn mở rộng trải dài dưới chân. Anh không biết mình đi xa đến đâu nhưng ngược mãi về phía sau luôn là con đường của khởi thủy và anh cảm thấy mình có một sự nối kết sâu sắc với chính bản thân mình ngày xưa. Anh chỉ biết bước đi mãi về phía trước. Kể đi xa

nhất là kẻ không biết con đường sẽ dẫn mình đến đâu. Xa thêm một bước chính là sâu hơn một chút. Con đường anh kiến tạo có thể sau này sẽ chẳng ai đi, chẳng ai quan tâm nhưng nó vĩnh viễn còn nguyên đó, với những dấu ấn đầy bản sắc cá nhân. Mỗi ngày anh sáng tạo con đường dài thêm một chút, xa thêm một bước. Đó là thành tựu của hiện tại cho anh và rồi sẽ là di sản mà anh để lại. Có thể việc anh làm sẽ gợi ra chút niềm cảm hứng cho một kẻ nào đó, có thể chẳng ai hay. Nhưng anh sống bằng việc bước đi, tự sáng tạo nên chính mình mỗi ngày mỗi giờ. Chỉ có con đường giúp anh làm được điều đó. Anh đứng đây, tiếp tục bước đi cho hết ngày hôm nay, chuẩn bị cho ngày mai bước tiếp. Và rồi trong sự nổi kết riêng tư độc nhất, chính anh trở thành con đường, con đường mang nặng ký ức, di sản của anh. Anh và con đường trở thành nhất thể mà sự phân biệt hiện tại giữa anh và con đường chỉ là một màn ảo hóa của thời gian.

(Sài Gòn, ngày 14/5/2023)

VỐN LIẾNG

Anh đã nhìn thấy nhiều người già nua mệt mỏi hơn hẳn so với tuổi đời. Nét khắc khổ hằn sâu trên khuôn mặt, sự khắc khoải âu sầu trong dáng đi và nổi bơ phờ trong lúc ngồi nghỉ mệt. Anh thường nghĩ rằng chắc hẳn là do làm việc quá sức và tâm tư lo nghĩ quá nhiều. Nhưng điều đó cũng không hoàn toàn đúng hẳn. Khi đã chớm bước vào tuổi già, anh bắt chợt hiểu rõ nỗi đau của họ. Đó là sự vụn vỡ của những giấc mơ. Niềm cay đắng khi nhận ra bao nhiêu mộng ước tuổi nhỏ và thanh xuân đã không còn nữa, mà tuổi tác lại không cho phép mình bắt đầu lại ngày xưa. Cuộc đời cũng càng ngày càng đổi khác. Cái có giá trị bây giờ mười năm sau đã thành cũ kỹ lạc hậu hưởng gì một giấc mộng con từ ba mươi, bốn mươi năm trước. Mà tương lai thì đầy bất trắc và thách thức. Nhìn lại một đời ta còn gì trong tay? Cái vốn liếng cũ sau mấy mươi năm đã không còn đủ dùng cho một thời đại mới nơi cuộc tranh đấu sinh tồn ngày càng khốc liệt hơn. Vì thế mà cuộc đời họ gần như hóa đá, trở thành phế tích của chính mình, lê lét đi qua những tháng ngày xanh xao. Anh cũng nhiều lần ngẫm nghĩ về thể hệ mình và cuộc đời riêng tư của chính anh. Tất cả những giá trị anh được nuôi dưỡng, được dạy dỗ và giấc mơ anh từng tin vào bây giờ đã phần nhiều không còn đúng nữa. Cuộc đời thường là những nỗi vụn vỡ và niềm đau bị bội phản kéo dài mãi mãi thành một nỗi tiếc nuối khôn nguôi. Và vốn liếng của bản thân anh và mỗi thế hệ chỉ có được chừng đó. Anh phải soạn sửa, sắp đặt lại những niềm tin, giá trị và cả mơ ước của mình nữa. Anh chấp nhận buông bỏ những điều không còn phù hợp nữa với lòng biết ơn. Dù sao thì niềm tin đó, giấc mơ kia đã thắp sáng và tạo động lực cho anh cố gắng và đi qua hết thời tuổi trẻ. Nhiều thành tựu của anh cũng bắt nguồn từ giấc mơ ngây thơ và niềm tin thuần khiết đó. Anh giữ lại cho mình cái tâm sơ khởi ban đầu để tiếp tục cố gắng, còn lại hảo huyền cũ xin trả lại cho thời gian. Những giá trị quan đẹp đẽ của ngày xưa bây giờ là vô ích thì cũng là lời nhắc nhở cho



ĐỊNH HƯỚNG

*Xin định hướng về chân trời núi đá,
Để trầm tư trong kiếp sống vô thường.
Cho xác thân theo thời gian mục rã,
Mong luân hồi thành tảo mộc rêu sương.*

thơ **MINH TRÍ**

anh về một thời mình đã sống. Những cuộc gặp gỡ và chia biệt quá nhanh đầy đau đớn thì cũng còn đây kỷ niệm. Ngay cả những kẻ xấu ác cũng để lại cho anh rất nhiều bài học, làm phong phú thêm cái vốn liếng cuộc sống của anh cho đến tận bây giờ. Thế là cái hành trang anh mang theo trở nên rộng rang vô ngại, mang anh đến những bờ bến của tự do. Vì hành trang còn trống, anh có thể học hỏi thêm nhiều điều mới, đắp bồi thêm cái vốn liếng nhỏ bé nhưng chứa đầy tha thiết yêu thương của riêng anh. Anh vẫn là chính mình nhưng đồng thời anh lại tự do tích lũy vốn liếng để trở thành con người mà mình muốn, con người sống sót và tiếp tục sáng tạo trên hoang tàn đổ nát của trần gian.

(Sài Gòn, ngày 27/5/2023)

Hoàng Long

Vô thường

NGUYỄN PHAN THỤY CHI

(Nén hương viếng Mẹ lễ Vu Lan)

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mẹ tôi trở mình trên chiếc ghế bô rồi thở dài... Hai ngày trôi qua mẹ không rời chiếc ghế đó trừ những lúc cần thiết.

Trong tư thế nửa nằm nửa ngồi, mắt mẹ đăm đăm nhìn vào khoảng không vô định. Nếu như ngày thường Người nói nhiều, vui vẻ thì giờ đây sự hoạt bát đó biến đâu mất. Mắt Người tối sầm, u uất, thần thờ...

Một tuần trở về từ bệnh viện sau ca tiểu phẫu mẹ tôi rơi vào trạng thái thật kì lạ.

Ngày thứ ba, đột nhiên mẹ gọi tôi lại bảo như ra lệnh:

"Về quê kêu chị Hai ra cho mẹ gặp!"

Mẹ chỉ nói bấy nhiêu rồi lại ngồi vào chiếc ghế im lặng... Tôi không hỏi thêm vội đóng cửa dặn mẹ vài câu rồi phóng xe về quê.

Không biết mẹ và chị Hai nói với nhau những gì, chỉ thấy hai người lặng đi, chị Hai mắt đỏ hoe... Câu duy nhất chị nói với tôi khi khoác áo ra về chỉ vồn vện có bốn chữ: "Mẹ bị ung thư!"

Mẹ bị ung thư - suy nghĩ khủng khiếp ấy luôn đeo đuổi tôi trên con đường từ nhà tới trường rồi từ trường về nhà. Tôi - một con bé lơ mơ mọi thứ chỉ thích ngồi mơ mộng bỗng nhiên bị rơi vào cái hố của sự hoài nghi... Những ngày sau đó tôi bắt đầu

lục tung tất cả sách vở y học, báo chí... mọi thông tin về căn bệnh oan nghiệt này. Tôi đọc ngốn ngấu, đọc như nuốt chửng vào bụng những thông tin vớ được, tôi thuộc lòng chúng một cách ngu ngốc. Tôi không tin vào phán đoán của hai người theo nghề y, tôi cho là mẹ tôi và chị Hai nhầm lẫn...

Nhưng tất cả những phán đoán và mở lí thuyết tôi cố nhồi nhét vào đầu mình đều vô nghĩa khi tôi đối mặt với thực tế. Bác sĩ thông báo mẹ tôi đã ở giai đoạn cuối và không chạy hóa chất bởi mẹ tôi bị huyết áp cao và tim nặng. Người ta quyết định cắt bỏ tất cả những phần trong cơ thể mẹ. Cây nấm độc ấy đã mọc rễ bò khắp nơi khiến mẹ tôi héo hon đau đớn.

Ra khỏi phòng mổ của bệnh viện ung bướu, mẹ tôi bỗng trở thành một người khác, mẹ chỉ "nói" bằng ánh mắt... Người chịu đựng nỗi đau đớn hành hạ thể xác bằng sự nhẫn nại mà tôi chưa bao giờ thấy. Không hề rên, không hề than van hoặc vật vã, mẹ cắn răng chống lại đòn roi của thần chết.

Những đêm khuya tôi bật dậy không dám ngủ, lắng lắng quan sát mọi cử động của mẹ, tim tôi thắt lại. Mẹ tôi nằm ngửa trần trụi nhìn lên trần nhà, đôi tay gầy guộc khe khe

xoa bụng, đôi môi cắn chặt trong hai hàm răng đến tóe máu. Vậy mà mẹ không hề nhờ tôi bón cho ăn, vẫn cố vịn thành giường ngồi rồi đứng dậy thản nhiên như không. Tôi tưởng như cả cơ thể mẹ đang ngùn ngụt lửa, mẹ đang cháy cùng với cây nấm độc trong người... Tôi chỉ dám lên lút khóc thầm vì tôi mới chính là kẻ hèn nhát hoảng loạn.

Sau khi mổ mẹ tôi xuống vườn chữa bệnh ở Long An để nghỉ dưỡng. Mẹ cự tuyệt sự chăm sóc của chúng tôi để tự làm tất cả. Hiểu mẹ, cha khuyên chúng tôi chỉ ở gần để trông nom... Cha muốn mẹ tin vào phép nhiệm màu hay mẹ muốn tĩnh lặng để suy nghĩ tôi không hiểu nổi... Cứ như thế, mẹ sống lặng lẽ đến khi ra đi đem theo những bí mật của câu chuyện về ranh giới giữa sự sống và cõi chết...

Đã bao năm trôi qua, đôi mắt nhắm nại chịu đựng của mẹ luôn ám ảnh tôi. Đôi mắt ấy cho tôi hiểu rằng đấng tạo hóa có thể ban tặng và lấy đi mọi thứ, đấng tạo hóa luôn thờ ơ phũ phàng. Mẹ đã cho tôi hiểu ranh giới của cuộc sống này thật mong manh, hãy dừng cảm đón nhận và bước qua ranh giới ấy bình thản và nhẹ nhàng bởi cuộc sống luôn gói gọn trong hai chữ: "vô thường"!



QUẢ BÓNG



thơ HỒ THANH NHÃ

Bà mẹ già tuổi quá chín mươi
Gần đất xa trời
Hai chị em thay phiên chăm sóc
Cứ mỗi chiều chúa nhật
Là họ thay... phiên trực giao ban
Rước mẹ về ở trọn một tuần
Bà cụ già như quả bóng trên sân
Lăn hết cửa nhà em đến sàn nhà chị
Nhiều năm dài như thế
Người chị cứ theo thông lệ
Đi lễ chùa hằng bữa sáng tinh mơ
Đến tối mới về
Hết Pháp hội Di đà
Tới đợt hành hương mười chùa lễ Phật
Cầu mẹ già trăm tuổi sống lâu
Nhiều bữa về đến nhà quá ư là mệt
Lăn ra giường ngủ lê ngủ lét
Sáng sớm lại ra đi
Quên cả mẹ già suốt ngày trên gác
Khoán trắng cho người làm
Ít có dịp hỏi han
Tình mẹ con nhạt còn hơn tô nước lã
Mong đến cuối tuần
Giao bóng sang nhà em
Còn cô em cũng chẳng khác chi nào
Bỏ mặc bà mẹ già cho người giúp việc
Kể cũng tròn chữ hiếu thế gian
Bữa đi họp hành
Hôm khác đến nhà bạn ngồi lê đôi mách
Có khi đi casino... tiền hưu nướng sạch
Một hôm người chị gọi cô em
Là bận đi hành hương ba tuần Ấn độ
Lúc trở về sẽ làm bù.... trực ba ca
Người em gái ngần ngại
Nhưng rồi sau cũng chịu
...Một tối về nhà
Không nghe tiếng mẹ
Tưởng chị rước về lúc mình sát phạt ở casino
Nửa tháng sau
Hai vợ chồng đưa con trai
Từ tiêu bang xa bay về thăm mẹ
Sẵn dịp leo lên gác
Thăm bà ngoại già hơn năm vắng bóng
Thấy chiếc giường trống lóng

Nệm phẳng phiu chẳng dấu người nằm
Cả nhà toáng lên
Gọi em gái thì em đi vắng
Gọi nhiều nơi... cảnh sát tới nhà
Hai tuần đi qua
Bà cụ già vẫn biệt vô âm tín
Như cánh chim lạc đàn phiêu dạt trời xanh
Một bữa có người đàn ông tóc muối phong
trần
Tìm đến nhà người chị
Giao chiếc khăn choàng bà cụ lúc ra đi
Có lẽ tử thân... bà cụ ra ngoài
Đi thất thểu lang thang dưới trời sương
tuyết
Năm chết trước hiên nhà
Cách xa mấy phố
Ông báo chánh quyền
Nhiều tuần không ai đến nhận
Động lòng trắc ẩn
Đành mua quan tài chôn cất kẻ cô đơn
Đám tang âm thầm đưa tiễn chỉ mình ông
Ra nghĩa địa không hoa không câu niệm
Phật đưa đường
Trời âm ụ sương tuyết chiều đông
Người này dắt hai chị em ra nghĩa địa
Trước năm mộ um tùm ngọn cỏ
Hai người con khóc lăn ra đất
Muộn quá rồi!
Tình mẫu tử phân ly
Như xôi nếp một như đường mía lau
Vài người khách phương nào
Thấy hai vành khăn trắng
Bên ngôi mộ cỏ mọc xanh rì
Khen nức nở đúng là hai người con chí hiếu
Mẹ chết lâu ngày
Còn nức nở chiều đông
Nghe tiếng khen của mấy khách qua đường
Hai người con nín một chút nhìn sang
Rồi tiếng khóc càng to thêm... bi thảm

Lời khen qua đường
Như vừa uống xong một tách trà thơm
Ngon thì cũng thấy ngon
Mà hình như quá đắng!

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

RUỐC CHÂN NẤM HƯƠNG

Nguyên liệu:

- Chân nấm hương; 200g
- Muối; 1 muỗng súp.
- Mì chính/Hạt nêm chay; 1 muỗng cà phê
- Dầu ăn tử thực vật; 1 muỗng canh.

Cách làm:

Bước 1: Chọn loại chân nấm hương dài và trắng, rửa sạch với nước rồi ngâm trong nước ấm 2 tiếng. Sau đó vớt ra, dùng dao cắt phần chân đen (chỗ tiếp xúc với gỗ). Giữ phần nước ngâm nấm lại vì phần nước này rất ngọt.



Bước 2: Xé chân nấm thành sợi to rồi cho vào cối giã hoặc cho vào máy xay sinh tố xay nhỏ, đánh bông lên rồi ướp với dầu ăn thực vật, muối, mì chính vừa ăn.



Bước 3: Bắc chảo lên bếp, cho chân nấm đã đánh bông vào đảo qua. Đến bước này, nếu bạn thích ruốc nấm ngọt sắc thì cho phần nước ngâm nấm vào đun lửa to tới khi nước cạn, để lửa nhỏ vừa, đảo đều tay liên tục cho đến khi ruốc khô lại là được.



Nếu bạn không thích cho nước ngâm nấm ban đầu thì có thể cứ đảo với lửa nhỏ cho tới khi ruốc khô lại. Lưu ý, không nên rang ruốc quá khô vì sợi ruốc sẽ rất dai, khó ăn. Đây là món chay nên bạn chỉ dùng dầu thực vật, muối, mì chính hoặc hạt nêm chay. Nếu bạn không muốn làm món chay thì có thể dùng nước mắm, bột canh, hạt nêm – món ăn sẽ đậm đà và thơm hơn.



Chủ bếp **Thảo Nguyên**

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

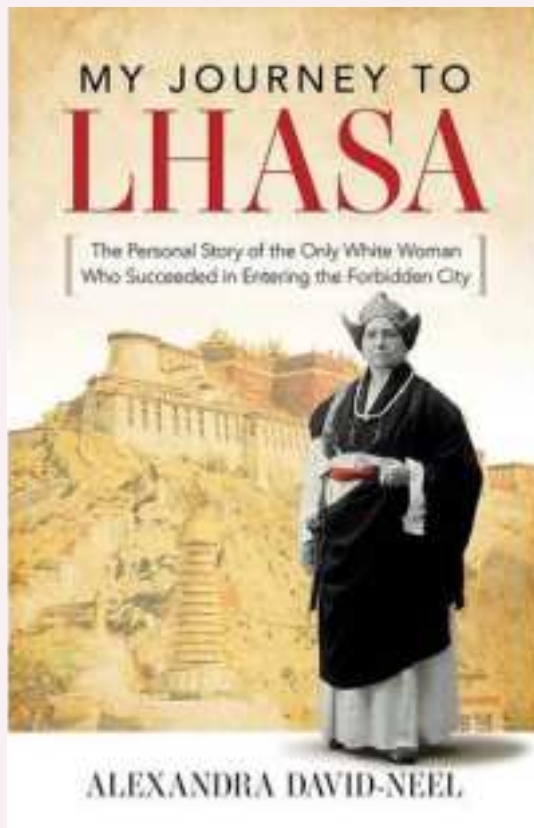


HỌC ĐẠO HÀNH THIÊN

Bà Alexandra David Neel là một thiếu nữ xinh đẹp ở thành Ba Lê hoa lệ. Bà là một ca sĩ Opera, một nhà văn và là một nhà du hành nổi tiếng đi khắp Á - Âu. Không biết vì nhân duyên gì mà bà đặc biệt say mê vùng đất Tây Tạng, ngày xưa vốn là vùng cấm không có ai có thể đến được. Bà đã đến và thọ giáo với Lachen Gomchen Rinpoche. Bà được gọi là Gomchenma, bà đã nhập thất trong hang ở núi Thangu suốt nhiều năm liền. Bà dành hơn mười bốn năm trời để học Mật tông và tìm hiểu về văn hóa, tôn giáo, lịch sử của Tây Tạng. Bà từng nói: "Tu là sửa đổi chính mình chứ không phải hoàn tất các nghi thức bên ngoài một cách máy móc", "Làm chủ tư tưởng, đào sâu nội tâm, cởi bỏ những nút thắt mà mình tạo ra cho chính mình."

Bà vâng lời Lachen Gomchen Rinpoche tu pháp sám hối, niệm hồng danh chư Phật, nhập

thất trong tuyệt sơn... Thật khó có thể tưởng tượng nổi bước đường gian truân, tâm thành, ý chí và năng lực kiệt xuất của bà. Có thể nói rằng là một vị nữ lưu xuất chúng, suốt mấy trăm năm trước và sau chưa từng thấy! Về mặt đời thường bà được vinh dự nhận giải thưởng: Gold Medal of the Geographical Society of France và được bầu làm: Chevalier of the Legion of Honour. Những cuốn sách của bà làm say mê hàng triệu độc giả khắp thế giới và là những tác phẩm có giá trị cao về vùng đất tuyết sơn đầy bí ẩn.



THIẾU NỮ THÀNH BA LÊ VĂN MINH ĐỦ ĐẦY PHỤ HOA HẢO NHOÁNG KIẾN VĂN UYÊN BÁC NANG LỰC PHI PHẠM ĐI VAN DẬM LÊN TUYẾT SƠN TÂM SỰ MẬT TÔNG HỌC ĐẠO

NI CÔ XỨ TÂY TẠNG LẠC HẬU THIẾU THỐN ẨM ĐẠM HOẠNG DĨ SỞ HỌC TỈNH THÔNG TÂM NGUYÊN XUẤT CHUNG LỢO NGÂN TRƯỞNG NHẬP THẠCH ĐỘNG NGHIÊN CỨU DU GIÀ HÀNH THIÊN

TOÀN ÔNG GIÀ BÀ CẢ

Chủ nhật ở chùa, mọi người ăn trưa vui vẻ, trò chuyện râm rạn. Chợt Đậu hỏi:

- Bạch thầy, con đọc sách thấy toàn ông già bà cả hay người bệnh nan y vãng sanh mà hồng thầy người trẻ, hơn nữa toàn đời xưa chư hồng thầy đời nay.

Đại chúng cười giòn, thầy cũng cười, sau đó nói:

- Anh có quan sát và hỏi có lý lắm! Sở dĩ sự thế vậy là vì ông già bà cả và người bệnh nan y biết mình sắp hết tuổi thọ nên buông bỏ mọi chuyện, dốc lòng niệm Phật. Anh xem thử người trẻ có ai làm được không? Thứ nữa gương vãng sanh đời xưa do qua thời gian được ghi chép lại, còn đời nay chưa qua kiểm nghiệm.

Đại chúng tỏ vẻ tâm đắc và tán đồng lời giải thích của thầy. lát sau thầy hỏi:

- Giờ con dám buông bỏ mọi duyên để dốc toàn tâm lực niệm Phật để vãng sanh chưa?

Đậu và đại chúng vỗ tay nhưng lắc đầu quầy quậy.

BA CHỚP BA NHÁNG

Có người nghe loáng thoáng "hiện pháp lạc trú" lấy làm thích thú lắm, đi khắp nơi kêu gọi mọi người sống hiện sinh:

- Quá khứ đã qua, tương lai chưa tới, giờ thì phải sống với hiện tại, đừng bỏ phí thời gian ngăn ngùi quý báu nhé!

Rất nhiều người hưởng ứng, họ vui vẻ hưởng thụ ăn chơi tới bến luôn kéo sợ thời gian hiện tại trôi qua mất. Họ gầy độ nhậu gái gú rượu chè thật đúng với câu: "Cuộc vui suốt sáng trần cười thâu đêm". Họ tận hưởng lạc thú ở ngay đây và tại lúc này.

Chẳng bao lâu sau thì hậu quả đến liền, người thì cao mỡ, cao máu, kẻ thì bệnh gout, tim mạch... Thế rồi trong số họ có kẻ nằm mơ thấy bị hài tội ở âm phủ. Y kêu ca:

- Tôi sống theo pháp Phật, vui trong phút giây hiện tại ngay ở đây, sao giờ bắt tội?

Đầu trâu mặt ngựa cười rần rật, Diêm Vương

nghiêm mặt phán:

- Người hiểu sai rồi! Hiện pháp lạc trú là sống an lạc chánh niệm trong từng phút giây hiện tại, sống buông xả chứ không phải buông lung!

Người đó khóc:

- Vậy mà tôi và bạn bè cứ tưởng...

Nói chưa hết câu thì thấy quý vô thường dặt vào cả một lũ đã từng sống hiện sinh mà ngỡ là hiện pháp lạc thú bây giờ và ở đây.

CÓ HẠN VÀ VÔ HẠN

Mấy nay báo chí và mạng xã hội xôn xao chuyện mấy ông to bà lớn ngồi ghế cao, in danh thiếp khoe nào là tiến sĩ, thạc sĩ, giáo sư... ấy vậy mà chưa qua trung học, thậm chí có người còn đọc viết chưa thông. Người ta bảo tất cả từ lò ấp mà ra, thấy vậy quan quyền hạ lệnh:

- Cấm nói xấu quan nha, không được làm lộ bí mật quốc gia!

Cấm sao được miệng thiên hạ, nhất là thời buổi mạng NET phủ sóng khắp nơi. Người ta cười quá trời, quan lại và bọn bồi bút lu loa lấp liếm:

- Chi là sợ suất nên lấy bằng tiến sĩ trước khi lấy bằng phổ thông.

Càng ngoa ngôn ngữ thì dân chúng càng cười to hơn. Họ dụng ngay chiêu và ngôn của quan để đập quan:

- Năng lực có hạn, háo danh có hạn, tham lam vô hạn.

HẢO DANH HẢO GẮN TỤM LỤM CHÚC TƯỢNG HỌC VỊ PHẠM HẠM VÀO BẢNG TÊN NGỖ RẰNG QUỲ

THAM QUÁ THÂM VƠ VẾT CẢ TÀI SẢN ĐẤT ĐAI TIỀN CỦA NHÉT TÚI RIÊNG TƯỞNG VẬY SANG

NGHỀ GÌ THỊNH NHẤT

Thằng Vicera vừa cạp sandwich vừa hóng hớt:

- Nghề IT và Logistic giờ là thịnh nhất.

Thằng Mauricio cắn miếng pizza xong, cười:

- Nghề bác sĩ luôn luôn thịnh vì ai cũng bệnh, thời nào cũng bệnh.

Mồ đớp muỗng cơm xong xía vô:

- Tụi bay hông biết đâu, xứ tao giờ bán rau, bán trà đá, chạy xe ôm... là thịnh nhất!

Tụi nó cười khi để cho là mồ xạo, tức khí mồ bèn mở mạng xã hội chỉ cho tụi nó coi những biệt phủ triệu đô, lâu đài trăm tỷ... được xây bằng mấy cái nghề ấy. Tụi nó coi xong rồi thắc mắc:

- Tao thấy những người nghèo mặt rệp, thất cơ lỡ vận mới làm mấy nghề ấy cơ mà? Mà sao mà y hòng về bến bán rau, chạy xe ôm... để kiếm triệu đô? Sao dân mà y hòng ở bến bán rau, bán vé số... mà chạy qua đây chi vậy?

- Cũng vì cái bọn bán rau cất biệt phủ triệu đô mà dân tao mới bỏ của chạy lấy người!

- Xứ mà sao toàn chuyện ngược đời khó hiểu quá?

- Hiểu được chết liền!

THÀNH CÁI GÌ

Đạo trước anh ba, chú bày đi đến đâu cũng kêu gào: "ra biển lớn", "hóa rồng", "hóa hổ", "phải thành mũi nhọn, đầu tàu", "biển Sài Gòn thành Ba Lê..." Năm nay có vị hò hét: "Biển nước ta thành trung tâm du lịch chữa bệnh của thế giới", còn

anh chủ tiệm nước và bộ sậu thì tỏ rõ quyết tâm: "Kiên quyết đi đến thiên đàng..." Dân mạng xem những lời ấy như tấu hài mua vui, tuy nhiên dở quá không vui bằng hài già gái nhái giọng của mấy anh hề sân khấu. Có vô số lời bình cho những ngôn của các quan, người ta lọc ra vài lời có số lượng bấm "like" nhiều nhất:

- Riết rồi sẽ thành gì đây hở các ông?

- Thiên đàng toàn bọn bán rau, bán vé số, bá trà đá, thả nọc heo... mà đếm tiền thổi móng tay, xây biệt phủ triệu đô!

Kể đó mạng xã hội chia sẻ rộng rãi bài thơ vô tựa vô danh:

Năm ấy gào to ra biển đông

Đại ngôn hóa hổ lại hóa rồng

Mũi nhọn, đầu tàu đi tắt đón

Mồm ăn như hạm ngôn nghề nông.

KHÁT VỌNG CÓ KHÁC

Xứ quờn có một nhà văn trẻ, cô ta lên báo chí trả lời phỏng vấn và thổ lộ ước mơ:

- Em có khát vọng được ăn tối với tỷ phú Elon Musk.

Lập tức dân mạng lẫn dân đời cười sập mặt luôn, có nhiều ý kiến đăng lên nhưng tựu trung là: "Trí thức trẻ chỉ mơ ăn tối với tỷ phú thôi sao? viết văn thì ăn nhập gì với ăn tối cùng tỷ phú? ăn tối hay trở thành bữa ăn tối của tỷ phú? Cỡ em thì đại gia chân đất chưa thềm chứ nói gì tỷ phú...!"

Có lẽ cô ta sống ở xứ quờn nên ngỡ mình cũng tai to mặt lớn và có máu làm lớn nên dọa nạt những người phản biện:

- Tôi sẽ không để yên đâu!

Những tưởng cô ta trẻ người non dạ nên phát biểu vậy, nào ngờ có rất nhiều vị trí thức lớn, đại văn hào, siêu thi sĩ... nhào vô bênh phụ họa và bốc cô ta lên:

- Mấy người phản biện nhỏ nhen quá! Trí thức trẻ có khát vọng!

Mồ thấy thất kinh, hổng hiểu khát vọng kiểu gì đây? Dù đã bị người ta chửi nhưng cũng làm mặt dày thông thêm câu chốt trước khi rút lui:

- Đúng là nhà văn trẻ xứ quờn khát vọng có khác!

Steven N
Georgia, 0723



PHIẾM LUẬN VỀ CHỮ HIẾU

Quang Kính Võ Đình Ngoạn

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Khi độc giả liếc mắt đọc qua tựa đề *Phiếm luận về chữ Hiếu*, nhiều vị cho rằng người viết đã không nghiêm chỉnh trong việc dùng từ. Bởi vì khi đề cập đến đạo hiếu chúng ta đều hiểu rằng đó là bổn phận của những người con phụng dưỡng đấng sinh thành để báo đền công lao dưỡng dục. Trong bài kinh Tứ ân, Đức Thế Tôn dạy hiếu kính, phụng dưỡng cha mẹ đó là ân đứng đầu trong các ân. Đức Phật còn dạy chúng ta rằng phụng dưỡng, tôn kính cha mẹ chính là chúng ta đã phụng thờ Tam Bảo, chúng ta đã tôn kính Phật. Vậy việc đem hạnh hiếu của những người con phụng dưỡng đấng sinh thành ra làm chuyện phiếm, chuyện mua vui, nhất là việc mua vui ấy lại rơi đúng vào dịp lễ Vu Lan, mùa báo hiếu thì việc làm này quả thật là sai quấy. Quý vị hành giả chê trách người viết thật quá đúng. Nhưng tôi hy vọng và mong muốn rằng khi xem xong những suy tư được trình bày trong bài. Quý hành giả sẽ bỏ qua những nhận định có thể sai lầm của tác giả và nở nụ cười hỷ xả.

Sở dĩ tôi không dùng từ bình luận hay tham luận để làm tựa đề cho bài viết... bởi lẽ khi đã là một bài tham luận thì phải có sự tham khảo, góp ý của quý độc giả. Tôi nghĩ với kiến thức tạp nham, hạn hẹp của mình tôi cảm thấy khó có thể viết được một đề tài như thế. Và lại giáo lý của đức Thế Tôn giảng dạy về đạo hiếu nhiều như biển cả mênh mông, mà sự hiểu biết của kẻ viết chỉ là hạt muối bỏ vào lòng đại dương. Do đó tôi nghĩ khi bài viết chỉ là một truyện vui, chuyện phiếm. Nếu có gì sai sót, quý hành giả dễ dàng bỏ qua, để nở nụ cười dung thứ.

Theo thiên ý dù ở vào hoàn cảnh nào trong xã hội, người có địa vị giàu sang, quyền uy tột đỉnh như vua Thuần, Hán Văn đế (Lưu Hảng); hay kẻ nghèo hèn Trọng Do làm nghề vác gạo nuôi cha mẹ; hoặc Ngô Mân không có tiền mua mùng giăng cho mẹ, ban đêm ông cời trần ngồi trong bóng tối cho muỗi bu lại hút máu để mẹ được ngủ an giấc... Những vị hiếu tử này nằm trong số hai mươi bốn người con hiếu thảo đã được sử sách ghi danh để làm gương sáng cho hậu thế. Những vị vừa nêu trên phản ảnh một vài giai tầng trong xã hội. Song thiên ý, dù đóng một vai trò gì trong xã hội, những khi đã là một người con hiếu thảo thì việc phụng dưỡng cha mẹ cũng không ngoài ba hình thức: Tài, vật dưỡng, hành dưỡng và Pháp dưỡng.

Ngày nay với nền kinh tế hội nhập và toàn cầu hóa, loài người càng ngày càng khó thoát ra khỏi chiếc vòng thòng lọng vật chất do chính mình tạo ra. Nhiều người bon chen lao vào vòng lợi danh. Họ bất chấp thủ đoạn lừa đảo, gian lận để trục lợi về mình. Thậm chí có những kẻ chặn dân, những người đứng đầu các cơ quan tham ô,

hối lộ, chèn ép dân lành. Cha mẹ, vợ con họ sống trong nhung lụa có kẻ hầu người hạ. Họ đã sống trên sự đau khổ của kẻ khác. Đành rằng người con có khả năng về vật chất, phụng dưỡng cho cha mẹ một cách đầy đủ đó là điều rất quý. Song cũng không ít người nghĩ rằng những tài sản do họ tạo nên bởi mồ hôi, nước mắt, thậm chí đôi khi do cả máu xương của người khác, những tài vật phụng dưỡng đó thiếu đi yếu tố tinh khiết, trong sạch; họ vô tình đã làm cho các bậc thân sinh kính mến trở thành người tòng phạm tội ác do chính họ gây nên. Nếu những vị song thân đó là những người hiểu biết, là những bậc đạo đức thì họ đau khổ biết ngần nào bởi tội lỗi do con mình tác nghiệp... Nhưng trong xã hội sống thiên về vật chất ấy không hẳn ai cũng đánh mất đi giá trị và tinh thần đạo đức. Nhất là các hành giả có căn cơ, hiểu nhiều về giáo lý Như Lai, những người dân quê mộc mạc, ít tiếm nhiễm lối sống thị thành; những người còn giữ trong lòng nét đẹp văn hóa Việt Nam... họ luôn luôn quan niệm rằng đời cho sạch, rách cho thơm. Vật phụng dưỡng của họ có thể là củ khoai, trái chuối đào, hái ở sau vườn, với bữa cơm đạm bạc rau dưa, hiếm khi mới thấy được miếng thịt, khúc cá nơi mâm. Song thông thường họ luôn luôn hiếu kính nhường những thức ăn hiếm có đó cho cha mẹ. Đấng sinh thành họ có thể mặc quần áo loại vải thô rẻ tiền... Nhưng đó là những vật chất rất trong sạch do đồng lương, do sức lao động chân chính của họ tạo dựng nên. Những phẩm vật phụng dưỡng này nó quý giá chẳng thua gì đồng bạc mua dầu cúng dường chư Phật của người đàn bà nghèo khổ mà nhiều hành giả đã biết qua kinh điển.

Bước qua lãnh vực hành dưỡng. Đó là hành động cư xử, lời ăn, tiếng nói trong khi phụng dưỡng đấng sinh thành. Nó có thể là một lời nói mộc mạc như câu vấn an trước khi cha mẹ lên giường nằm nghỉ, hỏi thăm cha mẹ có ngủ ngon không; lúc đấng sinh thành vừa thức dậy hay dang ly nước súc miệng, một tách nước trà vào buổi sáng... Đó không phải là sự so đo lời qua tiếng lại giữa các con cái về việc nuôi dưỡng đấng sinh thành nhiều hay ít. Khiến cha mẹ tủi buồn, để rồi thăm thía cho câu ca dao:

*"Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng
Con nuôi cha mẹ tính thẳng tính ngay."*

Nhiều người cho rằng việc làm ăn, giao tiếp của con cái ngoài xã hội cũng ảnh hưởng đến tâm trí thanh tịnh hay lo âu cho các bậc sinh thành rất nhiều. Nếu người con ra đường lễ phép, chào hỏi mọi người, biết kính trên nhường dưới. Được mọi người khen ngợi. Đó quả thật là một điều sung sướng, hạnh phúc cho bậc làm cha mẹ. Ngược lại nếu người con khi giao tiếp ngoài xã hội tỏ ra hách dịch, xấc xược, có hành động vô lễ với bề trên, lấn lướt kẻ dưới, tham ô, không cần, kiem,

liêm, chính... khiến mọi người chê trách thì bậc làm cha mẹ đau khổ biết dường nào. Nói đến hạnh phúc, chúng ta thấy có những gương hiếu thảo khiến cảm động đến trời, người mà kẻ viết xin được đề cập ở phần kế tiếp.

Cuộc cách mạng công nghệ ở Anh vào hậu bán thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19 đã đưa nhân loại vào một kỷ nguyên mới. Kỷ nguyên của nền khoa học kỹ thuật. Giờ đây con người có thể dự trữ những phẩm vật mình ưa thích trong tủ lạnh khi cần chúng ta lấy ra dùng. Không những thế đôi khi người ta có thể chế biến thực phẩm giả giống y như thật. Nhưng vào thời xa xưa, đôi lúc chúng ta có tiền cũng không thể mua được những món mình muốn.

Câu chuyện mẹ ông Mạnh Tông vào mùa đông giá rét lại thêm ăn canh măng. Khiến ông không biết đâu mà tìm. Là người con chí hiếu ông Mạnh Tông đã chạy ra ngoài trời băng giá khóc lóc cầu trời để có được một miếng tươi nấu canh cho mẹ. Lòng hiếu của ông đã động đến trời. Cũng từ đây trên thế gian xuất hiện một loại tre đã mọc măng vào mùa đông mà người đời gọi là măng Mạnh Tông để nói về điển tích này.

Một câu chuyện hiếu khác làm cảm động lòng mọi người. Đó là câu chuyện Thiền sư Nhất Định một danh tăng thời Nguyễn. Thiền sư đi tu từ thuở nhỏ. Thọ giới cụ túc với thiền sư Mật Hoảng ở chùa Quốc Ấn. Nhà sư được vua Gia Long giao giữ chức vụ trụ trì chùa Thiên Thọ. Sau vua Minh Mạng thỉnh ngài về trụ trì chùa Linh Hựu. Năm 1839 vua lại thỉnh thiền sư làm Tăng Cang chùa Giác Hoàng. Danh Tăng Nhất Định thích vân du hơn làm làm giám đốc các ngôi quốc tự. Năm 1843 Thiền sư xin từ chức Tăng Cang chùa Giác Hoàng, được vua Thiệu Trị chấp thuận. Vài năm sau đó sư lên núi Dương Xuân Thượng thuộc quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên lập một am tranh để tu học. Thảo am gọi là An Dưỡng Am và thỉnh mẹ già về nơi am để phụng dưỡng. Có một thời mẹ thiền sư bệnh nặng, thuốc thang khó chữa. Danh y bảo ngài nếu mẹ sư vẫn tiếp tục trường chay thì mạng sống khó có thể bảo toàn. Với sự an nguy sinh mạng của tử mẫu, với ơn dưỡng dục chín tháng cưu mang, ba năm nhũ bộ đó, danh tăng Nhất Định lấy hạnh hiếu làm đầu. Nhà sư đã hành xử như một cư sĩ bình thường hằng ngày sư xuống chợ mua cá tươi về tự làm, tự nấu nướng cho mẹ dùng. Nhiều người ở chợ không hiểu lòng hiếu thảo của thiền sư nên đã chỉ trích, gọi sư là sư hổ mang, đã tu hành mà còn sát sinh hại mạng... Nhờ lòng chí hiếu đó mẹ thiền sư đã dần dần khỏi bệnh trong một thời gian ngắn. Về sau người đời biết được lòng hiếu đó đã vô cùng cảm phục và thương cho cảnh nghịch duyên trên con đường tu học của thiền sư. Sau khi sư Nhất Định viên tịch, An Dưỡng Am được vua Tự Đức cho trùng tu thành ngôi chùa lớn và đặt tên chùa là chùa Từ Hiếu hầu để hậu thế biết đến gương hiếu hạnh đó.

Khi đề cập đến mục hành dưỡng khiến tôi nhớ đến bài đức dục mà tôi đã học năm nào ở bậc tiểu học. Câu chuyện nói về một cậu bé hằng ngày cứ

chạo sửa một nửa mảnh gạo dứa để nó giống như một chiếc tô sành đựng thức ăn. Người cha thấy vậy mới hỏi.

- Này con hằng ngày con chạp cùi mài nửa mảnh gạo dứa để làm gì vậy?

- Thưa cha con thấy ông nội già yếu, tay run rẩy thường làm bể tô, làm đổ thức ăn ra ngoài. Cha thường cho ông nội dùng cơm trong một chiếc tô mẹ, nên con làm mảnh gạo dứa này để dành khi cha già yếu con sẽ đem ra dùng đựng cơm cho cha.

Người cha giật mình nghĩ lại cách cư xử với thân phụ thật không phải đạo. Ông ta vội vàng ăn năn hối cải. Cũng từ đó ông phụng dưỡng cha già thật là hiếu kính.

Với câu chuyện bài học đức dục nêu trên, người viết xin được mượn làm lời dẫn nhập để chúng ta cùng nhau đi vào tiết mục pháp dưỡng. Đó cũng là hình thức phụng dưỡng cuối cùng mà tôi muốn trình bày đến quý vị.

Sau đợt khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhiều cơ sở kinh doanh bị phá sản, hàng triệu người trên thế giới bị thất nghiệp... Người Việt ở trong và ngoài nước cũng không thoát ra khỏi dòng hệ lụy đó. Họ chạy đôn, chạy đáo

lo tìm kiếm việc làm để mưu sinh. Vì miếng cơm, manh áo, vì cần tài chánh để trả các khoản tiền nợ... Do đó không ít người hầu như đã quên đi đời sống tâm linh của mình. Trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn đó cũng còn có nhiều người đã giữ được niềm tin tôn giáo của mình. Họ thu xếp thời giờ để tham dự các dịp lễ lớn trong năm, cố gắng mỗi chủ nhật đến lạy Phật nghe các thầy, cô giảng dạy Phật pháp. Không những thế, các vị này mong muốn làm sao trên con đường tu học họ đạt được thành quả: "minh tâm kiến tánh, trí huệ sáng suốt, thân thông tự tại đặng cứu độ các bậc tôn trưởng, cha mẹ, anh em, thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sinh đều trọn thành Phật đạo." Từ hạnh nguyện cao cả đó, những vị này muốn các bậc sinh thành cùng mình sách tấn tu học giáo pháp Như Lai. Dù công việc làm ăn bận rộn, song những vị này cũng dành thì giờ vào các chủ nhật, các ngày lễ lớn như Tết cổ truyền, ngày Đản sinh, Vu Lan chớ cha mẹ đến chùa nghe các chư Tăng, chư Ni giảng kinh, niệm Phật... Sự suy thoái kinh tế toàn cầu không thể một sớm một chiều phục hồi được. Điều đó khiến nhiều hành giả rơi vào một số nghịch duyên trên bước đường tu học. Có nhiều vị đã không thể đến chùa tu tập. Họ đã biến đơn vị gia đình mình thành một đạo tràng mà cha mẹ, vợ chồng, con cái trở thành đại chúng, là các thành viên của đạo tràng đó. Họ tìm kiếm những CD, băng giảng, phim chuyện về Phật pháp để cha mẹ coi xem. Họ viện dẫn những thành quả nghiên cứu của khoa học nói sự độc hại đến sức khỏe cho những người ưa dùng thức ăn bằng thịt cá, sự lợi ích cho sức khỏe khi chúng ta ăn nhiều rau quả... Không những thế các người này còn quan niệm rằng Pháp dưỡng là món ăn tâm linh rất thiết yếu cần được tiếp diễn khi bậc sinh thành đã quá vắng. Do đó họ thường tụng kinh cầu siêu cho các bậc cửu huyền thất tổ. Họ nghĩ rằng có như thế



thì thần thức các vị mới luôn luôn được thấm nhuần trong biển pháp Như Lai.

Cách đây khá lâu trên một số trang mạng điện tử, báo giấy có đăng bài phóng sự về một khu nghĩa địa ở làng An Bằng thuộc xã Vinh An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Theo tác giả bài phóng sự nhận định rằng đó là một nghĩa trang xa hoa nhất nước. Số báo 947 ngày 20 tháng 5 năm 2011 của tờ Tuần Báo Thương Mãi Miền Đông, qua bài viết với tựa đề Nghĩa Địa Xa Hoa Nhất Việt Nam đã khiến không ít độc giả tò mò tìm hiểu. Giờ đây xin mời quý hành giả cùng kẻ viết lướt qua một đoạn trong bài phóng sự... "Nên móng phần dương có chiều cao quá đầu người, bậc thềm lên mộ được bố trí 4 con rồng châu xuống như lăng mộ của các vị vua triều Nguyễn. Phía trên được bố trí 4 chiếc cột trụ lớn và một ngôi tháp được điêu khắc, chạm trổ khá tinh vi. Để có vật liệu trang trí, chủ nhà phải mua từng loại bình, chén, bát bằng gốm còn nguyên rồi về đập vỡ để trang trí. Nếu không được giới thiệu qua thì chúng tôi không nghĩ đây là một trong số những ngôi mộ bình thường ở nghĩa trang này mà có thể ví như lăng tẩm của các vị vua triều Nguyễn bởi quy mô hoành tráng và chạm trổ tinh vi của nó. Như thế toà lâu đài nguy nga sắc sỡ trên cát..."

Phải chăng những người con hiếu này nghĩ đến câu "Sống có nhà, Chết có mồ" hoặc câu nói "Sinh ký tử qui" mang đậm giáo lý đạo Phật? Đó là lý do khiến các vị hiếu tử này đã xây dựng những cơ ngơi nguy nga đồ sộ như thế cho những bậc sinh thành!

Thực ra, nếu là những Phật tử thuần thành, hiểu sâu sắc về giáo lý của đức Thế Tôn, tôi nghĩ quý vị sẽ không làm như vậy. Bởi lẽ tham ái đó chính là sợi dây ràng buộc khiến chúng sinh phải mãi mãi trầm luân trong bể khổ luân hồi. Bởi lẽ ngôi mồ không phải là nơi ở đích thực cho những người đi về. Nếu có chẳng, nó cũng chỉ là nơi ở tạm đến để rồi đi. Nơi chốn mà người hành giả ao ước được về đó chính là miền tịnh độ của đức Phật A Di Đà hay một cảnh giới an lạc, tốt đẹp hơn cõi thế gian thống khổ này. Đành rằng chúng ta không thể nào để ngôi mộ của song thân như ngôi mộ hoang vô chủ khiến thần thức những người quá cố phải tủi buồn. Song chúng ta cũng không xây dựng một cách nguy nga đồ sộ như những toà lâu đài của các bậc vua chúa khi xưa. Điều đó khiến những bậc tôn trưởng, cha mẹ chúng ta vì luyến ái ngôi nhà mồ mà quên mất lối về miền tịnh độ. Vô tình chúng ta đã tạo nên những chông gai, những rào cản trên đường đi của các bậc sinh thành thân thương, kính mến trở về ngôi nhà đích thực của mình.

Để tạo thiện duyên cho chính bản thân, hỗ trợ cho bậc sinh thành về miền tịnh độ, không cách gì tốt hơn là chúng ta làm các việc thiện. Tùy theo khả năng, chúng ta bố thí tài vật cho những người nghèo khó để hồi hướng công đức cho cha mẹ. Thường tụng kinh cầu siêu, trong lễ hiệp kỵ, lễ huỷ kỵ chúng ta cúng dường món ăn chay tịnh khiết hồi hướng công đức cho các bậc cứu huyền thất tổ, cha mẹ. Tôi nghĩ rằng đó chính là thừa ruộng phước mà chúng ta đã cúng dường cho các bậc đáng kính yêu ấy. Đó chính là hình thức Pháp dưỡng rất thiết yếu giúp cha mẹ quá cố vắng sanh về miền cực lạc.



NGHĨA TRANG BUỔI CHIỀU

*Năm tháng mãi qua đi
Không bao giờ trở lại
Bao thế hệ trẻ-già
Bao nhiêu đời Tiên-Tổ
Theo luật chung vĩnh hằng
Tan dưới góc cội tùng
Chẳng còn đâu hình bóng.*

*Vẫn trùng trùng sống-chết
Vẫn sanh-già-bệnh-tử
Có đó rồi lại không
Tất cả đều vỡ vụn.*

*Người tới, người lại đi
Luân hồi không ngừng nghỉ
Như vô lượng mùa thu
Lá vàng rơi rụng mãi.*

*Đời người như sương khói
Như ánh lửa đêm thâu
Tùng sát-na tàn hoại
Tan vào cõi vô cùng.*

*Mai này về cát bụi
Chắc gì đã gặp lại
Mỗi người đi mỗi ngã
Hãy sống yêu thương nhau.*

*Cứ mỗi năm hè đến
Rỉ rả tiếng ve sầu
Khóc thương đời nhân thế
Hội ngộ để ly tan!*

*Nghĩa trang vào buổi chiều
Ôi, sao thấy buồn ghê!
Những người xưa yêu dấu
Hòn về đâu bây giờ?*

thi **DIỆU VIÊN**

ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 3 NHIỆM KỲ IV (2020-2024)

của GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

Tường thuật và hình ảnh của **Thanh Huy**

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Tại Giảng Đường Chùa Cổ Lâm-Seattle WA (VB) – Vào lúc 10 giờ sáng Thứ Hai ngày 19 tháng 6 năm 2023, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã long trọng tổ chức Đại Hội Thường Niên lần thứ 3 Nhiệm kỳ VI với sự tham dự lễ khai mạc khoảng 150 Chư Tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni, quý vị Cư Sĩ, và Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử.

Chúng minh tham dự có Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; (HĐĐH/ GHPGVNTN/HK); HT. Thích Nguyên An, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ; HT Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký; HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự; HT. Thích Đồng Trí, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp; HT. Thích Hải Chánh Tổng Vụ Trưởng Nghi Lễ; HT. Thích Tuệ Uy, quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục; Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ; TT.Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kế Hoạch; Sư Bà Giới Châu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ; Ni Sư Nguyên Thiện, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội ... Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế, Cư Sĩ Quảng Trà Nguyễn Thanh Huy, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Pháp Chế; Cư Sĩ Thiện Giáo Đoàn Ngọc Đa và Cư Sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải, Thành viên Ban Tham Vấn GHPGVNTN/HK... Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử: Nguyễn Tử Nguyễn Quốc Hưng, Quảng Ngộ Đào Duy Hữu... cùng một số quý chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni phụ trách các tổng vụ chuyên môn khác và một số quý vị nhân sĩ trí thức Phật Giáo tại địa phương.

Điều hợp chương trình đại hội do HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK,

Chúng minh buổi lễ: HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK và HT. Thích Nguyên An, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐHGHPGVNTN/HK, Viện Chủ Chùa Cổ Lâm.

Sau phần nghi thức khai mạc, niệm Phật cầu gia bị, Tung Tứ Hoằng Thệ Nguyên...

Tiếp theo phần tuyên bố lý do của HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ. Mở đầu HT. cảm ơn Chư Tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức tăng, ni, cảm ơn ban tổ chức, đã không quản ngại khó khăn đứng ra tổ chức ngày đại hội hôm nay. Trong dịp này HT, thông báo với đại hội là HT, Thích Nguyên Trí và HT. Thích Minh Dung vì lý do sức khỏe không đến tham dự được. HT nhấn mạnh đến sự kết chặt đạo tình để tạo hòa hợp thanh tịnh trong Giáo Hội: "Chúng tôi được quyền ước vọng và tin tưởng rằng hôm nay hay mãi mãi trong tương lai, Giáo Hội chúng ta luôn có nhau. Có nhau trong niềm tin yêu, quý kính, có nhau trong đạo tình pháp lữ, bằng hữu. Đó chính là tiềm lực sống để phát huy năng lực thực hữu mà chúng ta đang nhắm đến cho bước đường phụng sự nhiều hơn nữa..." HT. cũng đã kể qua về những việc làm khó khăn trong thời gian qua, HT. cho biết dù bận rộn đến đâu HT. cũng thường xuyên liên lạc với quý thầy, quý cô trong giáo hội, mong rằng chúng ta cùng góp sức để cho những công tác Phật sự được thành tựu như: Trang nghiêm Giáo Hội, chấn chỉnh tổ chức, hòa hợp tăng già,



Một góc quang cảnh đại biểu tham dự đại hội



HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH, điều hợp chương trình Đại hội



Hàng trên Nhị vị Hòa Thượng chứng minh, hình dưới từ trái Thượng Tọa Thích Nhật Châu và Hòa Thượng Thích Đồng Trí chủ tọa khoáng đại 1



Thượng Tọa Thiện Long thuyết trình đề tài mô hình tổ chức GHPGVNTN/HK, 5- Một góc quang cảnh đại biểu tham dự đại hội

phát huy tu học, hăng thág, hăng năm, tham gia những khóa an cư, thường xuyên trau dồi giới luật, tham dự ngày Về Nguồn, phát huy tình tăng, ni pháp hữu, hòa hợp tăng già, tham dự khóa Tu học Phật Pháp Bắc Mỹ, yểm trợ Nguyệt San Chánh Pháp...

Chủ tọa đoàn cho Khoáng Đại I là Hòa Thượng Thích Đồng Trí và Thượng Tọa Thích Nhật Châu, Thư Ký Đoàn: Huỳnh Trưởng Nguyên Từ Nguyễn Quốc Hưng và Htr Quang Ngộ Đào Duy Hữu.

Sau đó HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký GHPGVNTN/HK lên báo cáo Phật sự trong năm vừa qua. Phần trình bày thật chi tiết để đại hội nắm vững những vấn đề mà Giáo Hội đã thực hiện trong năm qua.

Ngay sau đó là phần báo cáo về công tác Phật sự của một số các Tổng Vụ. Trong phần báo cáo tài chánh, trong phần này Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê đã lên đọc bản báo cáo do Ni Sư Thích Diệu Tánh Tổng Thủ Quỹ GHPGVNTN/HK gửi đến nhờ thông báo trước đại hội.

Tiếp tục chương trình với phần thuyết trình về đề tài: Hồi Hưu do Tiến Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê biên soạn và trình bày để chư tôn đức nắm vững vấn đề. Trong tài liệu được phổ biến trong đại hội thật chi tiết trong đó có: 1-Tuổi hồi hưu tại các quốc gia trên thế giới. 2-Hồi hưu đối với các tổ chức tôn giáo. 3-Hồi hưu là một quyền lợi và là một ân huệ của người dân. 4-Hồi hưu là một định chế giúp trẻ trung hóa guồng máy quốc gia và các

tổ chức. Và nhiều chi tiết khác có đầy đủ trong tài liệu (sẽ được phổ biến rộng rãi trong thời gian tới.)

Khoáng Đại II, Chủ Tọa Đoàn do HT. Thích Hải Chánh và Tiến Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê.

Mở đầu với phần thuyết trình của Thượng Tọa Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kế Hoạch về đề tài; "Cơ Cấu Tổ Chức Hạ Tầng Cơ Sở". Tiếp tục chương trình là phần dự kiến nhân sự cho kỳ Đại Hội Khoáng Đại V Nhiệm Kỳ 2024-2028.

Để trẻ trung hóa hàng ngũ lãnh đạo của giáo hội nên giáo hội đã cung thỉnh khoảng 50 chư tôn đức tăng ni trẻ tốt nghiệp bằng Master, Tiến Sĩ tại hải ngoại vào các chức vụ tổng vụ trưởng cũng như các chức vụ chuyên môn khác cho nhiệm kỳ 2024-2028.

Trong phần linh tinh, HT. Tổng Thư Ký cho biết trong dịp An Cư Kiết Hạ tại Chùa Cổ Lâm, Giáo Hội sẽ tổ chức Lễ Tưởng Niệm 60 năm Bồ Tát Thích Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân và Nữ Sinh Quách Thị Trang đã hy sinh trong mùa Pháp nạn.

Trong dịp này Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê cho biết nếu không có gì trở ngại thì Đại Lễ Phật Đản 2024, An Cư Kiết Hạ và Đại Hội Khoáng Đại Giáo Hội 2024 sẽ tổ chức tại Nam California.

Sau đó mọi người dùng cơm tối và chuẩn bị cho lễ khai mạc khóa An Cư Kiết Hạ năm 2023. Tại chùa Cổ Lâm.

Một số đại biểu tham dự đại hội chụp hình lưu niệm





SỬ TA SỬ TÀU

Tiểu Lục Thân Phong

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Người Việt bị người Tàu đô hộ hàng ngàn năm, các triều đại phong kiến Tàu ra sức hủy diệt văn hóa Việt, đồng hóa người Việt, sáp nhập đất Việt vào đất Tàu. Lịch sử cho thấy họ không thể làm được việc đó. Người Việt vẫn giữ được nước và bản sắc văn hóa riêng của mình, tuy nhiên bị ảnh hưởng nặng nề về văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử, tư tưởng, thể chế chính trị...

Ngoài chủ đích xâm lăng và đồng hóa của người Tàu ra, các triều đại phong kiến Việt cũng tôn sùng văn hóa và văn tự Tàu một cách cao độ, gắn kết chặt chẽ với những hình thức nhà nước, tư tưởng văn hóa. Sau những chiến thắng về quân sự, các triều đại phong kiến Việt vẫn cứ cung với văn hóa Tàu, xem văn hóa Tàu như là mực thước, là đỉnh cao, là tất cả, tôn lên thành đạo thánh hiền, chữ thánh hiền... Việc này kéo dài hàng ngàn năm, người Việt bị vấy hăm trong cái "ngực tu văn hóa Tàu", mãi đến khi người Pháp xâm lược và đô hộ nước ta thì mới tạm tách khỏi cái quỹ đạo văn hóa Tàu. Pháp xâm lược nước ta là một nỗi đau đớn của lịch sử. Sự cai trị của người Pháp gây ra bao nhiêu thống khổ cho dân và người Việt tổn rất nhiều xương máu để đấu tranh giành độc lập. Nhưng ở một khía cạnh khác thì Pháp xâm lăng đã đưa ta thoát khỏi nạn "bóng đè" của văn hóa Tàu, từ đó tiếp cận với văn minh phương tây từ văn hóa, kỹ thuật, kinh tế, nghệ thuật, tư tưởng... (Dù vậy, ta tiếp cận với văn minh phương tây không phải là mục đích của thực dân Pháp).

Người Việt chúng ta bao lâu nay mê phim kiếm hiệp Tàu, phim bộ Hồng Kông, Đài Loan... Biết rất nhiều những sự kiện và nhân vật lịch sử Tàu, thuộc rành rẽ nhiều chi tiết sử Tàu, trong khi ấy thì sử Việt, nhân vật sử Việt lại hoàn toàn mơ hồ. Có một giai đoạn vào khoảng thập niên tám mươi và chín mươi của thế kỷ trước, phim Tàu thống lĩnh thị trường điện ảnh Việt, càn quét từ quốc nội ra hải ngoại, nhà nhà xem phim Tàu, người người mê phim Tàu, những bộ phim như: Thần điêu đại hiệp, Tam quốc chí, Tây du ký, Tế tướng Lưu gù, Hoàn Châu các các, Bao Công... Những tiệm sang phim, cho mượn phim mọc lên như nấm và người xem quên cả thời gian. Người Việt thuộc sử Tàu như quên cả miêng. Những giai thoại và nhân vật sử Tàu ăn sâu vào tâm trí người Việt. Ai ai cũng biết Bao Công, Khổng Minh, Tào Tháo, Lưu Bị, Càn Long Khang Hy, Nhạc Phi... Buồn một nỗi không ai biết về sử Việt, những nhân vật lịch sử Việt cũng không ai hay, mà những nhân vật sử Việt cũng hào hùng nào có kém, ấy là chưa nói đến công lao đã giữ gìn và tài bồi cho nước Việt của chính mình.

Bút giả không thích xem phim Tàu, tuy nhiên có đọc qua những tác phẩm văn học, tất nhiên cũng thích thú với những câu chuyện lịch sử hay

ví dụ như Tam quốc chí. Thế rồi một lần đọc sử Việt, bút giả tình cờ phát hiện ra sử ta cũng có một câu chuyện thật trong lịch sử, câu chuyện hay và thú vị nhưng cũng đầy bi thương. Sử Việt có một tình tiết giống hệt chuyện Khổng Minh tặng váy áo đàn bà cho Tư Mã Ý.

Chuyện trong sử ta là vào năm 1377, lúc này nhà Trần đã suy yếu rệu rã lắm rồi. Nhà Trần bấy giờ có một ông vua trẻ là Duệ Tông được xem như là hy vọng có thể phục hưng được cơ nghiệp Trần triều. Duệ Tông vốn trẻ, khỏe, háo thắng và liều lĩnh. Năm ấy Duệ Tông thống lĩnh đại binh đi đánh Chiêm Thành, kéo quân vào tận kinh đô Đồ Bàn (Vijaya) của Chiêm Thành (tức Bình Định ngày nay). Thành Đồ Bàn cửa mở toang để trống, các tướng can gián bảo đây là mưu kế của quân Chiêm (kiểu như Khổng Minh chơi chiêu "không thành kế"). Tướng Đồ Lễ ba lần can gián, Duệ Tông không nghe lời mà còn giận dữ chửi mắng tướng Đồ Lễ hèn nhát. Duệ Tông ngạo mạn, đại ngôn kiêu căng anh tướng Tàu: "Ta đường đường là hoàng đế, kéo quân từ ngàn dặm đến đây, quân Chiêm nghe danh ta sợ vỡ mật đã bỏ trốn hết rồi, chẳng dám đối địch với ta..." Nói xong hạ lệnh đem một bộ váy áo đàn bà ban cho Đồ Lễ hòng làm nhục Đồ Lễ, xem Đồ Lễ hèn nhát, đàn bà... Duệ Tông kéo quân vào thành Đồ Bàn và hậu quả là quân Chiêm mai phục sẵn, xông ra tiêu diệt gần hết quân Đại Việt, bản thân vua Duệ Tông cũng bị chém chết tại Đồ Bàn. Vua Duệ Tông là ông vua Việt duy nhất bị chết trận và chết ngoài biên giới quốc gia Đại Việt thuở ấy.

Ngoài chuyện này ra còn có rất nhiều những chuyện khác rất hào hùng, bi tráng, tỳ như hậu quân Võ Tánh tự thiêu, tướng Trần Quang Diệu vào thành cho tắm liệm tử tế kẻ thù không đội trời chung và tôn trọng di thư của Võ Tánh, không làm hại một ai... Sử ta hay như thế, đẹp như thế và là sự thật chứ chẳng phải tiểu thuyết hay tô vẽ của các nhà làm phim. Tiếc là đa số người mình không biết đến mà chỉ biết chuyện sử Tàu.

Sử Việt và nhân vật sử Việt cũng hay và thú vị không kém sử Tàu, tuy nhiên chúng ta không có được những bộ phim tầm cỡ như Tam quốc chí của Tàu. Điện ảnh Việt không có khả năng làm những bộ phim sử thi lớn, không có kịch bản lớn, không đủ năng lực, vật lực và tài lực... Từ đó người Việt xem phim tàu và mê sử Tàu là vậy.

Hồi bút giả còn học ở trường đại học Tổng Hợp (tức đại học Văn khoa cũ), lúc ấy có giáo sư sử học Nguyễn Khắc Thuần (thầy của cô Hậu khảo cổ). Ông là một vị giáo sư đáng kính, có tâm huyết với sử Việt. Ông có viết mục "giai thoại sử Việt" cho các báo, những bài viết của ông đã nêu ra nhiều nhân vật lịch sử, những sự kiện lịch sử, những nghi án sử... Việc này gây hứng thú cho nhiều người trong một thời gian, rất tiếc sau đó

thì tắt lịm đi. Văn học sử chúng ta có bộ "Hoàng Lê Nhất thống chí", đây cũng có thể tạm xem như "Tam quốc chí" của Việt nam, tuy nhiên tầm vóc và quy mô không thể tương xứng, tiếc là người Việt ít biết đến. Giá mà điện ảnh có đủ khả năng thì cũng sẽ làm được phim hay như *Tam quốc chí*.

Khoảng đầu thập niên chín mươi của thế kỷ trước, ở Sài Gòn có cha con nhà họ Huỳnh lấy bối cảnh *Hoàng Lê Nhất thống chí* để dựng phim nhưng làm quá nhếch nhác, cầu thả, quá tệ hại: Vua Quang trung là anh chàng tí tởn, cỡi con ngựa gầy nhom nhỏ xíu, đại quân tây Tây Sơn chỉ một dúm diên viên quần chúng chạy bộ theo sau và vài con ngựa nhỏ bé, thành Thăng Long chỉ là bức tường ở khu du lịch Văn Thánh, lời thoại ngây ngô không có hồn khí... Phim làm như vậy thì chỉ làm hại thêm, chỉ bôi bác lịch sử chứ chẳng thể làm người ta yêu sử được.

Sử Việt cũng hào hùng với những trận đánh dẹp quân Nguyễn, phá Tống, phá Thanh... Những trận chiến oai hùng quyết liệt giữa Đại Việt và Chiêm Thành suốt hơn bảy thế kỷ, những tình sử Huyền Trân công chúa, Ngọc Hân, Ngọc Vạn hay công chúa Mỹ ê của ChamPa... Giá mà chúng ta có nhà viết kịch bản giỏi, có những nhà làm phim tài ba và đủ năng lực thì ắt sử Việt lên phim cũng hay không kém phim Tàu, và việc ấy sẽ lôi kéo được khán giả Việt xem phim sử thi Việt. Tiếc là giấc mơ chẳng biết bao giờ mới có thể thành sự thật!

Cơn sốt phim Tàu ngày trước giờ đã qua, tuy nhiên người Việt vẫn thích và xem phim Tàu, văn hóa Tàu, hàng Tàu vẫn thống trị ở đất Việt và những nơi có người Việt sinh sống. Thế hệ phim Tàu mới với những: Ngô Kinh, Tiêu Chiến, Dương mịch, Dịch Lệ Nhiệt Ba... vẫn làm cho người Việt mê. Thật chẳng biết đến bao giờ người Việt mới có được những bộ phim hấp dẫn như phim Tàu và có lẽ phải đến lúc ấy thì người Việt mới yêu thích phim Việt, sử Việt.



KHOẢNG TRỜI YÊU THƯƠNG

*Con về tháng Bảy mưa sa
Giọt ngâu lã chã ướt nhòa lời ru
Bếp nhà sợi khói hiền nhu
Động màu tóc mẹ tóc cha bao giờ*

*Con về tìm lại ấu thơ
Thương cha tàn tảo bên bờ ruộng sâu
Nắng trưa đỏ xuống mái đầu
Mưa chiều nặng hạt cha đâu chưa về*

*Khán lời chim vịt tái tê
Chén cơm lùa vội nón mê ra đồng
Nhìn con nước lớn mênh mông
Xuông ghe bé nhỏ đấng dòng mi cay*

*Con về thả cánh diều bay
Chở bao mơ ước nên ngày lớn khôn
Cha dần về phía hoàng hôn
Ơn chưa đền đáp bồn chồn lòng con*

*Sau đời nắng tắt héo hon
Nước nguồn tình mẹ vẫn còn khôn nguôi
Non cao biết mấy ngậm ngùi
Bao đời nước mắt chảy xuôi ngập tràn*

*Công cha nghĩa mẹ nặng mang
Nuôi con đâu kể trăm ngàn đấng cay
Cho con nên vóc hình hài
Mồ hôi tưới tắm ruộng cày cha ơi!*

*Còn cha có mẹ bên đời
Con như có cả khoảng trời yêu thương...*

thơ TỊNH BÌNH



GAN NHIỄM MỠ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Gan là cơ quan nội tạng lớn nhất trong cơ thể với trọng lượng khoảng 1.4 kg.

Nằm ở phía trên bên phải của bụng, ngay dưới xương lồng ngực, gan có hai thùy. Thùy phải lớn và gồm có ba mảnh ghép với nhau. Thùy trái nhỏ hơn, nằm lên phần dạ dày tiếp cận với thực quản.

Về cấu tạo, gan có khoảng từ 50,000 tới 100,000 tiểu thùy nhỏ với một tĩnh mạch ở giữa. Từ tĩnh mạch tỏa ra cả trăm tế bào gan đan xen với hệ thống ống dẫn mật và mạch máu nhỏ xíu. Gan có màu đỏ tươi tương tự như gan súc vật bày bán ở cửa hàng thịt.

Với khoảng 300 tỷ tế bào, gan có khả năng tự tái tạo và duy trì được chức năng dù chẳng may vì một lý do nào đó đã mất đi 90% khối lượng. Nhưng nếu cả trăm phần trăm tế bào gan bị hư hao vì bệnh tật thì con người chỉ sống nếu được ghép một miếng gan.

Gan tiếp nhận máu qua tĩnh mạch cửa và động mạch gan. Mỗi phút các mạch máu này chuyển qua gan khoảng 1,5 lít máu. Máu trong động mạch gan chứa nhiều oxy, còn máu ở tĩnh mạch cửa chuyển tải các chất phế thải của sự tiêu hóa.

Gan được ví như một nhà máy chế biến hóa học cực kỳ tinh vi với cả trăm nhiệm vụ quan trọng khác nhau.

1. Gan là kho tiếp nhận đường glucose hấp thụ từ ruột non rồi tích trữ dưới dạng glycogen. Sau mỗi bữa ăn, khi đường huyết lên cao thì insulin từ tụy tạng sẽ thúc đẩy gan biến hóa glucose thành glycogen. Vài giờ sau đó, khi đường huyết xuống thấp, gan lại chuyển glycogen ra glucose, đưa vào máu và cung cấp cho các bộ phận có nhu cầu.

2. Ngoài vai trò kể trên, gan còn biến hóa đường và chất béo thành chất đạm và cũng làm chất đạm và chất béo biến thành glucose.

3. Gan chế tạo khoảng 0.5 - 0.9 lít mật mỗi ngày. Mật là chất lỏng màu vàng-xanh, vị đắng với thành phần cấu tạo quan trọng nhất là muối mật, cần thiết cho sự tiêu hóa chất béo trong thức ăn.

4. Gan loại bỏ các chất độc hại như rượu, một vài loại dược phẩm như acetaminophen.

5. Gan tổng hợp ure, một phế chất trong sự chuyển hóa chất đạm và loại ra ngoài qua thận.

6. Gan hủy hoại các hồng huyết cầu hư hao, già nua cũng như tiêu diệt các vi khuẩn lẫn trong thực phẩm ở ruột.

7. Gan tích trữ các sinh tố A, B, D, E và K.

8- Gao tạo ra các chất đạm trong máu như albumin, globulin và yếu tố đông máu.

Gan Nhiễm Mỡ

Mới nghe gan nhiễm mỡ, nhiều bà con cũng giựt mình e ngại. E ngại vì gan có mỡ thì làm sao mà sống được.

Thực tế ra thì trong gan cũng như các bộ phận

khác của cơ thể, chỗ nào cũng có mỡ. Mỡ là thành phần cấu tạo của các tế bào. Chỉ khi nào mỡ trong gan quá 5% trọng lượng gan và lẫn át, chiếm chỗ của các tế bào gan lành mạnh thì mới có vấn đề. Khi đó thì gan sẽ có màu vàng béo, lớn hơn và nặng hơn bình thường.

Cắt một lát mỏng ở gan không bệnh rồi quan sát qua kính hiển vi, ta thấy máu tràn ngập khoảng trống giữa các tế bào gan. Thành tế bào gan sẽ lấy đi các chất độc hại, vi khuẩn, chất béo khiến cho máu trở nên sạch sẽ. Do đó gan giữ vai trò của một cái lọc. Nếu bây giờ trong tế bào gan và khoảng trống lại đầy những chất béo thì việc lọc và các chức năng khác của gan sẽ suy giảm đưa tới hậu quả xấu cho cơ thể. Các chất béo này đa số thuộc nhóm triglycerit.

Có nhiều loại gan nhiễm mỡ:

1- Nhiễm mỡ không do rượu

Bệnh rất phổ biến tại các quốc gia phát triển và chiếm 24% các bệnh về gan tại Hoa Kỳ. Bệnh có thể chỉ là tăng chất mỡ trong gan, không gây ra triệu chứng gì hoặc vừa tăng mỡ vừa bị viêm tế bào gan rồi đưa tới xơ gan.

Nguyên nhân chưa được biết rõ nhưng sau đây là một số rủi ro gây bệnh:

- Hội chứng chuyển hóa với chẩn đoán tiểu đường loại 2, mập phì, cao cholesterol/triglycerid trong máu. Bệnh thường thấy ở phụ nữ từ 40-60 tuổi nhưng cũng có thể xảy ra ở mọi giới mọi tuổi.

Ngoài ra, gan nhiễm mỡ cũng xảy ra vì các rủi ro khác như:



- Suy dinh dưỡng, thiếu chất đạm

- Một số dược phẩm như amiodarone, tamoxifen, methotrexate, valproic acid, tetracycline, thuốc chống virus zidovudine

- Phẫu thuật dạ dày để giảm cân

- Độc chất, thuốc diệt sâu bọ.

- Bệnh Wilson trong đó khoáng chất đồng tích tụ trong gan.

Bệnh âm thầm diễn tiến, đôi khi không có dấu hiệu rõ rệt. Một số than phiền đau ngấm ngấm nơi bụng trên, mệt mỏi, kém ăn. Khám bệnh, bác sĩ thấy gan hơi to.

Xét nghiệm máu thấy men gan lên cao và sinh thiết gan cho hay trong tế bào gan có những túi chất béo nhỏ li ti.

Điều trị căn bản nhằm vào việc loại bỏ các rủi ro gây bệnh cũng như duy trì mức độ đường huyết và cholesterol bình thường, giảm cân, không dùng các chất độc hại.

2. Gan nhiễm mỡ do rượu

Mỗi ngày tiêu thụ trên 60 g rượu trong thời gian 10 năm là đủ gây ra bệnh gan nhiễm mỡ. Phụ nữ dễ bị bệnh này hơn nam giới dù chỉ dùng 1/3 số lượng rượu kể trên. Lý do là quý bà ít có loại men gan bảo vệ với sự hấp thụ chất rượu ở dạ dày. Bệnh cũng thường xảy ra cho người trong cùng huyết tộc, nhiễm viêm gan C, tiêu thụ nhiều chất béo không bão hòa động vật hoặc có quá nhiều chất sắt tích tụ ở gan.

Sau khi tiêu thụ, rượu được dạ dày và ruột non hấp thụ rồi hầu hết được oxy hóa, tạo ra các chất có khả năng cung cấp năng lượng cho cơ thể. Vì lẽ đó, các acid béo từ thức ăn không được dùng đến khiến cho triglycerid tích tụ trong gan và tăng chất béo trong máu.

Dấu hiệu bệnh không có gì đặc biệt: đau âm ỉ phía gan, mệt mỏi, tâm trí rối loạn, kém ăn, vàng da, gan to. Trường hợp trầm trọng sẽ có viêm tế bào gan, xơ hóa và xơ cứng gan.

Bệnh có thể chẩn đoán với gan lớn qua siêu âm, xét nghiệm tế bào gan thấy nhiễm mỡ trong tế bào gan.

Không có thuốc đặc trị cho bệnh gan nhiễm mỡ vì tiêu thụ quá nhiều rượu. Chỉ cần ngưng rượu khoảng vài tuần lễ là tình trạng nhiễm mỡ được cải thiện liền. Sau đó, dinh dưỡng đầy đủ đúng cách, dùng thêm một số vitamin như các sinh tố nhóm B, khoáng chất vì người nghiện rượu thường thiếu các chất này.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



MẸ HÁT

*Mẹ hát đưa tiễn ta đi,
Mang theo tiếng mẹ ta đi vào đời.
Dù đi trọn kiếp con người,
Vẫn chưa quên hết những lời mẹ ru.*

*Mẹ ru đưa tiễn ta đi,
Nẻo đời muôn dặm một lời mẹ khuyên:
Này con nhớ lấy đừng quên,
Tình người con nhé hát lên giữa đời!*

*Một mình mẹ hát hôm nay,
Suối vàng vọng lại thuở ngày ru con.
À ơi tiếng hát mãi mơn,
Trong tim lời mẹ vẫn còn tiếng ngân.*

*Ngà nghiêng quả đất xoay vần,
Thương mẹ ta hát cõi trần nghèo ngao.
Cát cao lời mẹ thuở nào,
À ơi ta hát gửi vào không gian.*

(Bures-Sur-Yvette, 12.05.13)

*Ta hát, ta cứ hát, ta hát lên những lời ca của mẹ,
Đánh thức mẹ giữa giấc ngủ ngàn thu.
Ô kìa, dường như tiếng mẹ một lời ru?*

(31.08.21)

thơ

HOANG PHONG

DUYÊN NGHIỆP LUÂN HỒI

Nếu khi gặp gỡ một ai,
Tự nhiên ta thấy vô vàn mến thương,
Nhớ lời Phật dạy từ xưa,
Đó là duyên thuộc xa xưa nhiều đời.

Tử sanh thân duyên luân hồi,
Sanh sanh, tử tử về quanh cõi trần,
Nếu là thiện nghiệp phước lành,
Thuận duyên gặp lại muôn phần an vui,

Nếu là nghịch cảnh cuộc đời,
Đó là Nghiệp nợ nhiều đời kiếp xưa,
Muốn cho trả hết nợ xưa,
Nhớ lời Phật dạy chuyên cần tu tâm.

Trong Kinh Phật đã dạy rằng:
Trần gian duyên nghiệp vây quanh mọi người
Những điều thiện ác trên đời
Đều do nghiệp quả bao đời tạo nên!

Mọi việc không phải ngẫu nhiên!
Thiện ác vay trả quân quanh luân hồi
Nhất thiết Tâm tạo mà thôi!
Vạn pháp thành lập cũng đều do Tâm.

Làm sao trả hết nợ trần?
Thực hành pháp Tứ Chánh Cần, luôn luôn:
1. Việc ác dù CHƯA khởi sanh,
Phải CHẶN điều ác không sanh ngọn nguồn
2. Việc ác nếu LỖ NẤY MẮM!
Phải tìm mọi cách DIỆT nhanh ngọn ngành.
3. Điều Thiện dù vẫn CHƯA SANH
Cần nên TRỢ GIÚP khởi sanh tức thời,
4. Điều Thiện đã TRỞ MẮM rồi
Cần phải PHÁT TRIỂN sinh sôi ngọn ngành.

Siêng năng làm tốt điều lành,
Tâm trong ý sạch an lành khắp nơi,
Chân tâm tinh thức mọi thời,
Lòng không dính mắc buồn vui thế trần.



Xả ly sân hận, đua tranh,
Buông xa tham ái, nhẹ thanh tâm mình.
Bớt cầu danh lợi tiền tài,
Xa rời hý luận giảm vui lụy sầu.

Bồ thí là hạnh hàng đầu,
Trì giới, Nhẫn nhục, theo sau thực hành
Tinh tấn, Thiền định, hành trình
Sự nghiệp Trí Tuệ tăng thêm phúc lành.

Chánh Niệm đi đứng ngồi nằm,
Tự trường an lạc luôn quanh nơi mình,
Dù cho Nghiệp có luân hồi,
Phước sanh, nợ dứt an vui duyên lành...

Nợ kia dù đã trả xong
Vẫn luôn bồi dưỡng thiện căn nơi mình.

thơ HOÀNG THỰC UYÊN



Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG NĂM

Ngoài đường, tiếng xe cộ qua lại đã dứt từ lâu. Khuya lắm rồi. Thỉnh thoảng mới vẳng lại tiếng một chiếc xe hàng chậm chậm chạy ngang. Tôi mang bình trà đã cạn nước đến thùng rác, lấy xác trà ra. Nàng đứng dậy theo, giành làm việc ấy. Rồi nàng bỏ trà mới vào bình, nấu thêm nước sôi. Chúng tôi trở lại bàn, ngồi im một lúc. Nàng vén tóc bằng hai tay, túm gọn thành một lọn ra phía sau gáy rồi dùng kẹp tóc, kẹp lại. Tôi ngắm nàng trình diễn điệu bộ muôn thuở của phái đẹp ấy, thử mường tượng khuôn mặt này không có tóc trên đầu thì sẽ ra sao. Hay chút một chiếc khăn trên đầu như ni cô thì thế nào... Ôi, người đẹp thì làm sao cũng đẹp. Có tiếng chó sủa đầu đó làm tôi giật mình, quay nhìn về hướng đường cái, nghe ngóng.

"Không sao đâu anh. Con chó bên nhà đó nó như vậy đó, thấy gì cũng sủa, rác bị gió thổi nó cũng sủa nữa! Ở đây an ninh lắm. Mấy người công an khu vực

này em quen hết."

Sợ câu ấy có thể làm tôi hiểu lầm, nàng giải thích thêm:

"Từ khi mẹ em và hai đứa em đi vượt biển, em một mình lo đi thăm nuôi ba ở trại cải tạo, em quen luôn mấy người công an khóm, phường, cho đến thành phố. Cứ mỗi lần đi chứng đơn xin thăm nuôi, em đều mua quà cáp gì biếu họ, từ đó họ quen và dễ dãi với em luôn. Có khi bốn, năm sư cô từ xa đến đây nghỉ đêm, em chỉ cần thông báo cho công an khu vực một tiếng, cho một gói thuốc thơm, vậy là anh ta cho nghỉ lại cả tuần hay nửa tháng, khỏi cần lên tới phường hay thành phố. Lâu lâu có đợt khám xét hộ khẩu, công an khu vực cũng đến báo trước cho em hay để em khỏi chấp chứa khách trong nhà. Mà khách của em là ai đâu, toàn mấy sư cô không à, họ đều biết vậy. Chỉ có hôm nay là đặc biệt tiếp anh, người khách phái nam đầu tiên... Thôi, anh kể tiếp đi. Rồi cán bộ quản giáo có làm theo đề nghị của anh không?"

Cho tôi vào phòng giam xong, quản giáo quay đi, đầu chừng một giờ đồng hồ sau thì trở lại, gọi anh trưởng phòng ra ngoài. Không khí trong phòng có vẻ căng thẳng. Nhóm Nghĩa Quân Phục Quốc xầm xì bàn tán. Sang trở tới hỏi nhỏ tôi:

"Quản giáo gọi thầy Khang chắc có nói chuyện về thăng trưởng phòng với Quái hả?"

"Có. Ông ấy hỏi ý kiến tôi, tôi đã góp ý, hy vọng ông ấy nghe."

"Thầy Khang góp ý sao?"

"Đại khái là sẽ còn lộn xộn hoài nếu cứ để một tên cướp hình sự làm trưởng phòng..."

"Chết, thầy nói vậy là nguy rồi."

"Sao vậy? Tôi nói có sai đâu."

"Thằng Cang với thằng Dương dù có tội ăn cướp nhưng tội nó gốc là bộ đội ngoài Bắc, chẳng chừng lại là đảng viên nữa; thầy đụng tới tội nó lỡ quản giáo bệnh vực tội nó thì phiền

cho thầy lắm. Không những phiền cho thầy mà còn phiền cho đám tụi này nữa. Ông đi bọn tù chính trị đến chết chứ chẳng giỡn đâu! Đó, ông ấy kêu thẳng Cang ra ngoài rồi, biết đâu lại chẳng nói chuyện thầy góp ý... rồi thẳng trưởng phòng trở lại đây, kiểm chuyện với thầy đó. Dĩ nhiên là tụi này không để cho nó đụng tới sợi lông chân của thầy đâu, tụi này bị kỷ luật hoài chứ đâu phải chưa, có bị thêm cũng chẳng ăn nhằm gì, nhưng... chỉ sợ quản giáo mượn tay thẳng trưởng phòng để quậy cho rồi cái phòng này, hoặc mượn tay nó để chơi ông thầy đó. Thầy nghĩ coi, cái cỡ đầu trộm đuôi cướp như nó mà đem chơi với thầy, chỉ có thầy lỗ thôi chứ chúng nó có mất mát gì đâu."

"Cũng có thể, nhưng tôi thấy hình như không phải vậy. Ông ấy yêu cầu tôi góp ý tự do mà."

"Xì, mấy ông lúc nào lại chẳng nói như vậy, nhưng nếu mình góp ý thẳng thường thì lại có chuyện. Phiền lắm!"

"Vây à!"

Tôi bật lên hai tiếng ấy rồi, mới tự trách, sao mình cứ nhẹ dạ dễ tin người như vậy! Thấy người ta thành thật yêu cầu thì nghĩ là nên thành thật đáp ứng. Té ra sống trong xã hội này, nói láo và che đậy mới là khôn, mới là biết sống. Đối trá là cách tiếp xử vừa lợi mình, vừa lợi người chứ không phải sự thành thật. Đối trá cũng là cách tự vệ hay nhất. Sự đối trá và phóng đại thực tế đem lại cho con người ảo giác về sự vĩ đại của bản thân và xã hội. Sự đối trá khiến người ta mạnh dạn dẹp bỏ đi những mặc cảm thấp kém, bất tài. Chỉ có sự thành thật mới là điều xa xỉ, vô bổ. Thành thật là tự nện đầu vào cái búa tạ. Ôi, nhưng biết làm sao đây, cái đầu tôi cứng quá, nên bao nhiêu cái búa ấy bỏ vào đầu mà tính nhẹ dạ, tin người cứ trở ra đó, mở miệng ra là cứ đòi nói sự thật! Ừ, mà có sao đâu! Làm gì tôi phải sợ chứ. Tôi góp ý là thật sự muốn cứu Quái ra khỏi biệt giam mà cũng là nhắc nhở cho anh công an kia biết hiện trạng của phòng giam này; điều đó nên làm, cần gì phải hối hận. Cả cái guồng máy u mê của nhà nước, của cái đảng hai triệu thành viên với bao cuồng vọng quyền lực và kiêu hãnh thẳng lợi mà tôi còn muốn đưa đầu mình ra để chơi thì cái trại giam này, quản giáo này, kỷ luật biệt giam

này, cho đến anh tướng cướp làm trưởng phòng này... có đáng sợ gì chứ! Tôi sẵn sàng. Tôi luôn sẵn sàng. Chẳng phải tôi ăn thịt gì người ta, nhưng tôi biết chấp nhận, biết chịu đựng, biết đứng thẳng trên đôi chân mình, và nếu có quy ngã thì hãy còn đôi tay để chống đỡ; bằng đôi tay và đôi chân trần của chính mình, tôi sẽ đứng dậy giữa sự chập phù của bao nghiệp chướng trần gian...

"Kìa, quản giáo với thẳng Cang trở lại," Sang nói tôi biết rồi lảng đi chỗ khác.

Một anh tù ngồi chơi ở lồng khung, vỗ tay hai tiếng để báo hiệu cho cả phòng yên lặng ngồi xuống "đón" quản giáo đến phòng. Ngoài xã hội, để tỏ sự kính trọng trước uy đức hay quyền lực, dù tự nguyện hay bị bắt buộc, người ta đứng dậy để đón chào; trong tù công sản thì ngược lại: cán bộ bước tới phòng giam thì tù nhân đang qua lại, đang đứng tắm, hay đang làm bất cứ việc gì cũng phải ngưng lại, im lặng, và nhất là phải ngồi thấp xuống, không được đứng thẳng lưng hoặc lom khom. Có hai lý do giải thích điều lệ ấy: thứ nhất, đứng thẳng hay đứng khom đều là tư thế dễ dàng tấn công cán bộ; thứ hai, đứng thẳng hay đứng khom cũng là tư thế dễ dàng chạy ra ngoài khi cán bộ mở cửa phòng giam.

Cho Cang vào phòng giam rồi, Khoa đứng ở lồng khung nói:

"Từ nay anh Cang được ra ở với đội lao động, không còn sinh hoạt ở phòng này nữa. Anh Dương tiếp tục làm phó phòng, còn ai làm trưởng phòng thì để tôi xét lại."

Cang lấy đồ đạc cá nhân đi theo Khoa ra ngoài. Một chập, Khoa trở lại, cổ cựa Quái xách giỏ đồ đi theo. Quái được trả về phòng. Tôi mừng quá, biết rằng đề nghị của tôi có phần nào tác dụng.

Mở cửa cho Quái vào phòng giam, Khoa không nói lời giải thích nào. Anh chỉ kêu từng người ra "làm việc." Những người bị gọi ra đều là tù chính trị và là loại có án tù khá lâu, hoặc là tù kỳ cựu của phòng giam; trong số đó, chỉ có tôi là tù mới mà thôi. Khoa không gọi những người tù vượt biên vì số vượt biên chỉ ở trong phòng một thời gian ngắn là đã

chuyển trại hoặc được tha về, không phải là loại ở tù lâu.

Có lẽ việc gọi tôi ra ngoài không giống với những người tù chính trị khác, vì thời gian quản giáo gọi tôi ra ngoài chỉ đầu chừng năm phút, hỏi thật vắn tắt rồi cho trở về phòng giam. Những người khác thì từ mười lăm đến ba mươi phút. Không khí phòng giam trong ngày ấy thật ngọt ngào, vì chẳng ai hiểu chuyện gì đang xảy ra. Giống như đang có một cuộc cách mạng vừa bùng nổ, hoặc một cuộc chỉnh lý nội bộ nào đó trong guồng máy lãnh đạo quốc gia!

Tôi là người thứ ba bị Khoa kêu ra ngoài. Vừa ngồi vào băng ghế - cũng cái băng ghế gỗ ngoài vườn, dưới cây trứng cá - Khoa đã hỏi ngay:

"Theo nhận xét của anh, ai là người xứng đáng làm trưởng phòng nhất?"

"Tôi mới vào tù một thời gian ngắn, không nắm vững được chuyện này đâu, cán bộ ạ."

"Nhưng hồi sáng anh đề nghị chọn người có uy tín tức là trong đầu anh đã có nghĩ đến một người nào đó trong phòng rồi, phải không?"

"Không, trong đầu tôi không nghĩ trước một người nào cả. Tôi chỉ cảm thấy rằng bầu một người có uy tín làm trưởng phòng là điều cần thiết. Còn nếu tôi có tin tưởng một người nào đó trong phòng thì đó cũng chỉ là ý kiến cá nhân của tôi thôi, đâu bằng ý kiến của tập thể."

"Ý anh muốn nói là... để cho các anh trong phòng bầu lên một trưởng phòng à?"

"Đúng rồi, một xã hội dân chủ thì phải được xây dựng theo cách đó."

"Nhưng các anh là tù nhân, làm gì có quyền tự do bầu cử hay ứng cử. Các anh đã mất quyền công dân rồi."

"Tù nhân chỉ mất quyền công dân đối với xã hội bên ngoài, còn trong phòng giam thì cũng có quyền sống, có quyền tự do nào đó để xây dựng đời sống của tập thể phòng giam, làm sao thiếu được. Đã gọi là tập thể thì phải có lãnh đạo và quần chúng; có lãnh đạo và quần chúng thì nguyên tắc dân chủ cần được áp dụng. Như vậy mới có sự ổn định và tiến bộ được."

"Cái chuyện dân chủ thì tôi biết quá rồi. Nước ta cũng là nước dân chủ mà. Nhân dân được làm chủ đời sống tập thể. Nhưng

để khỏi lằm đường lạc lối, tốt hơn hết là làm chủ đời sống tập thể theo sự lãnh đạo của đảng và nhà nước.”

“Nói vậy thì cứ theo nguyên tắc nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý, đảng lãnh đạo, cắt cử người nào theo ý cán bộ là được rồi, đâu cần phải hỏi ý tôi là người nào xứng đáng.”

“Dĩ nhiên là khi quản lý các anh, chúng tôi biết hết quá trình hoạt động của các anh, bao gồm cả khả năng và cả tính của từng anh nữa. Cho nên, trong đầu tôi đã có dự trữ sẵn một vài người; bây giờ tôi chỉ muốn hỏi ý anh để xem nhận xét của anh về một người tài đức xứng đáng có giống như nhận xét của tôi không.”

Tôi chẳng hiểu sự thăm dò này của quán giáo có phải là một âm mưu gì không. Lời nhắc nhở của Sang khi này, dù chẳng thay đổi gì cái tính cương ngạo muốn nói thẳng sự thật của tôi, cũng khiến tôi thận trọng hơn một chút. Bất cứ sự thật nào được nói ra trong chế độ này cũng đều có thể phạm vào một thứ tội trạng nào đó. Nhưng tôi là kẻ đã phạm “trọng tội” đối với nhà nước thì hà tất phải sợ phạm tội nữa! Nghĩ vậy, tôi liền nói:

“Tôi đã nói trước khi này, tôi mới vào phòng giam hơn một tháng, không dám có ý kiến về chuyện ấy. Còn như được phép góp ý, tôi chỉ xin nói rằng, nếu việc chọn trưởng phòng hoàn toàn do quyết định của cán bộ, tù nhân trong phòng giam không có quyền lựa chọn và bầu cử, thì ít nhất cán bộ cũng cố gắng làm sao chọn được người nào không những có khả năng làm ổn định trật tự của phòng giam mà còn có những sáng kiến hay để giúp phòng giam được tiến bộ, phát triển mọi mặt.”

Khoa cười khô một tiếng, nói:

“Anh làm như phòng giam là một xã hội hay đất nước bên ngoài vậy!”

“Y hết xã hội bên ngoài thôi cán bộ à. Phòng giam cũng là một xã hội thu nhỏ lại thôi mà.”

“Anh nghĩ anh Nhiều làm trưởng phòng được không?”

“Tôi không dám có ý kiến. Anh đã nắm vững hết mọi cá tính, mọi quá trình hoạt động của tất cả tù nhân trong phòng giam thì hẳn biết chọn người nào thích hợp rồi.”

“Thôi được, tôi đưa anh về,” Khoa đứng dậy.

Trên đường về phòng giam tôi biết tôi còn nhiều điều chưa nói ra được với cán bộ. Thực ra, cần gì phải chọn lựa trưởng phòng kỹ lưỡng như vậy hỡi anh cán bộ nhà nước! Trưởng phòng có quyền hạn gì đâu! Chẳng qua chỉ là một anh đại diện tù nhân để đi báo cáo sinh hoạt trong phòng cho cán bộ nghe mà thôi. Trưởng phòng có tài đức hay không thì có quan hệ gì đến cái án tù của tù nhân đâu chứ! Đã là một tù nhân cúi đầu làm theo lệnh cán bộ thì dù có ba đầu sáu tay, anh trưởng phòng cũng chẳng làm sao cải thiện đời sống phòng giam, đưa phòng giam đến một mức sống cao hơn, tiến bộ hơn được. Phòng giam vẫn cứ là phòng giam. Nếp sống tù hãm vẫn cứ là nếp sống tù hãm. Tù nhân làm chủ đời sống tập thể trong phòng giam, trưởng phòng và các ăng-ten có trách nhiệm quản lý, và cận bộ quản giáo thì lãnh đạo. Ôi, từ trong tù ra tới xã hội, từ ấp xã cho đến trung ương nhà nước, cứ theo cái nguyên tắc dân chủ theo chính sách và tinh thần làm chủ tập thể theo mệnh lệnh như vậy thì đất nước này đời nào mới cải thiện được. Từ trong ra ngoài, từ dưới lên trên, cũng chỉ là một nhà tù thôi.

Anh Nhiều được chọn làm trưởng phòng. Phó phòng vẫn là Dương, nhưng đâu chừng vài ngày sau, Dương xin quản giáo cho đổi qua phòng khác. Quản giáo chấp nhận ngay, và chọn Sang làm phó phòng. Dương xin đổi qua phòng khác vì sợ uy thế đang lên của thành phần chính trị trong phòng. Thực ra, uy thế đó có chăng cũng là để xoa dịu tâm lý thành phần đa số để tạo sự ổn định trong sinh hoạt tập thể, chứ mọi thứ nguyên tắc nội qui, nề nếp kỷ luật, mức án tù, thể lệ thăm nuôi, tiêu chuẩn cơm và nước mắm, cũng chẳng có gì đổi thay hay tiến bộ hơn. Chọn Nhiều làm trưởng phòng, có lẽ Khoa cũng đã cân nhắc kỹ lưỡng rồi—vì tuy Nhiều có tội chạy theo Nghĩa quân Phục quốc chống lại nhà nước nhưng gia đình anh đã từng có công với cách mạng, còn bản thân

anh thì làm việc trong ban Chỉ huy Quân sự Huyện đội Tân Phú; ít ra cái gốc gác của anh cũng cho phép quản giáo tin tưởng anh hơn là những thành phần dính dáng hoàn toàn với chế độ cũ.

Dù sao, không khí trong phòng quả là có sự vui vẻ, hòa hợp thấy rõ kể từ khi thay đổi hai người trưởng và phó phòng. Tù nhân tha hồ tụ tập nói chuyện, lớn tiếng hay xầm xì cũng chẳng lo bị ai báo cáo. Cũng không thấy ai vi phạm kỷ luật đến nỗi bị biệt giam. Vui chơi ca hát mỗi ngày, mỗi đêm với cờ tướng, domino, nhạc vàng, nhạc xanh... thậm chí còn nhảy đầm, hát nhạc phản chiến, nhạc chống cộng ở hải ngoại... Tù nhân mà có được không khí ấy thì tưởng cũng đỡ tù lắm rồi, chẳng còn muốn đòi hỏi gì hơn. Họ biết trưởng phòng chẳng có quyền hạn gì, nhưng ít ra, cũng là người có lý tưởng, biết điều, biết tôn trọng đồng bạn trong cảnh sa cơ.

Nhiều thật xuất sắc trong vai trò trưởng phòng. Anh làm lì ít nói, vừa đủ nghiêm trang để tạo nét uy và làm gương cho bạn tù, nhưng cũng không thiếu cái vẻ bình dị mộc mạc của người dân quê Nam bộ quần khăn rằn, vui vẻ hòa hợp với mọi người. Khuôn mặt anh dài. Hai mắt và hàm răng trắng sáng nổi bật trên nước da đen kịt. Anh có nét dễ cảm, có lẽ một phần cũng bởi cái tính trung thực và biết tôn trọng nếp sống tập thể.

Sang, anh phó phòng mới, cũng thủ đúng vai người phụ tá trưởng phòng về chuyên trật tự. Sang cao ráo, có bộ lông mày rậm và đôi mắt xếch lên như Quái nhưng hàm râu hùm bao quanh đôi môi tím ngắt còn tạo thêm cho anh vẻ uy dũng của một võ tướng. Nhìn anh, tôi mừng tượng đến hình ảnh một chiến sĩ Mông cổ trường chinh trên lưng ngựa của một thời xa xưa nào.

Như vậy, chỉ trong vòng chưa đầy một tháng thay đổi trưởng và phó phòng, sinh hoạt trong phòng giam nhanh chóng trở thành một thứ sinh hoạt xã hội có vẻ như “dân chủ pháp trị.” Tù nhân tương đối được tự do vui chơi và sinh hoạt trong phạm vi phòng giam, để thờ hơn là ở cái không khí ngột ngạt nghi kỵ hãi sợ sự báo cáo và bắt buộc phải câm lặng của thời gian trước. Tiếng nói tiếng cười và

các trò chơi coi mòi rộn rã tung bừng. Tôi cũng vui lây, đôi lúc quên luôn cái thực tế rằng dù thế nào đi nữa, đời sống tù vẫn cứ là đời sống tù, không có cái vui hay cái sinh hoạt nào đáng gọi là của tự do nếu chúng cứ bị giới hạn bởi bao nhiêu vòng đai kèm tòa của kẽm gai, tường vách, kỷ luật, nội quy, khuôn thước nói năng cũng như lễ lối suy tưởng... Và dù thế nào đi nữa, tôi và bạn tù, cứ là những tù nhân đang chờ thăm cung và xét án.

Trại giam B5 của Biên Hòa chỉ là một trại tạm giam nhưng khá nhiều người bị "tạm giam" ở đó trên bốn năm – chẳng hạn như Nhiều và Danh, bị giam từ năm 1981; Hiệp bị giam từ năm 1982; ông Vương bị giam từ năm 1983... Chưa ai được đưa ra tòa xét xử. Chẳng làm sao mà đoán được lúc nào mình sẽ ra tòa, mà vì chưa ra tòa nên cũng chẳng làm sao đoán được là đến ngày nào mới được tự do. Tù nhân nào cũng muốn được ra tòa để hiểu được thân phận tù đầy của mình, dù là mười năm, hai mươi năm hay là chung thân khổ sai tại các trại lao động cải tạo, còn hơn là cứ đứng đống ngồi ngồi mãi trong một cái phòng nhỏ bé, nhìn ra ngoài chỉ thấy cái sân ngập nắng hay tràn nước mưa, mà chẳng biết thời hạn nào, bao nhiêu cuốn lịch nữa mới được tự do hoặc được nhìn ngắm cỏ cây hoa lá và đất trời bao la ở hiện trường lao động. Cho nên, hễ có người nào được nhận "Bản Cáo Trạng" của Viện Kiểm sát Nhân dân gửi vào để đích danh tên mình thì lại sung sướng tởm mở, làm như thể được nhận lệnh tha vậy! Thực ra, bản cáo trạng là cái tờ truy tố của tòa án thôi chứ có gì mà phải mừng!

Sau khi khai cung với cán bộ thụ lý hồ sơ của trại tạm giam, hồ sơ khai cung của bị can được chuyển qua cho Viện Kiểm sát thẩm cung cứu xét; Viện Kiểm sát xét rồi, viết thành văn bản truy tố, gửi vào cho bị can xem trước để chuẩn bị hầu tòa. Bản cáo trạng tóm lược những nét chính trong lý lịch cá nhân bị can, cùng các chi tiết về nguyên do và hành vi phạm tội. Những người còn bị giam tại trại giam B5 đều được gọi là *bị can* theo thủ tục hành chính (chứ trên thực tế thì tù nhân ở trại kiểu nào cũng tự biết mình là tù nhân), đến khi ra tòa nhận bản



Chùa Hải Đức Nha Trang ngày nay

án rồi mới thực sự trở thành *phạm nhân*; và đã thành phạm nhân rồi thì trước sau gì cũng được chuyển ra các trại lao động khổ sai, nơi đó sẽ được gọi bằng một từ ngữ lịch sự văn minh khác là *cải tạo viên*! Chế độ xã hội chủ nghĩa "không có tù nhân và trại tù" một phần cũng từ chỗ đó—chỉ có bị can với trại tạm giam, phạm nhân trước tòa án và cải tạo viên trong trại cải tạo! Bị can nào nhận bản cáo trạng truy tố và thông báo ngày ra tòa thì trăm phần trăm biết rằng sẽ bị kết án tù, chỉ có nặng hoặc nhẹ chứ không có vô tội trắng án. Cái "Tòa án Nhân dân" thực ra chỉ là cái tòa nhà do tiền của nhân dân đổ ra để xây dựng và nuôi cán bộ nhà nước chứ nó hoàn toàn không quan hệ gì đến quyền lợi của nhân dân cả; nó có mặt để phục vụ cho đảng và nhà nước—tội phạm nào có mặt ở tòa thì chẳng qua vì tội phạm đó cố ý đụng tới quyền lợi hay ảnh hưởng của nhà nước hoặc vô tình muốn đóng tiền phạt để có thể xây đắp vững chãi thêm cho sự giàu mạnh của nhà nước. Thế nên, phải hiểu rằng, những ngài chánh án hay luật sư làm việc nơi ấy, không làm gì có thì giờ rảnh để nghe nghẹn trên bục cao mà xét những vụ vô tội hoặc trắng án! Đã nhận bản cáo trạng tất biết ngày giờ ra tòa, mà đã ra tòa thì tất biết là có phạm tội. Vô tội thì đã có các cán bộ thụ lý hồ sơ ở trại giam hoặc các

ngài ở Viện Kiểm sát cấp địa phương xét hồ sơ và thả ra trước rồi. Nhưng chuyện thả ra này cũng tùy hứng và cũng tùy nơi phần số may mắn hay rủi ro của bị can mà thôi. Ai không phạm tội thì bỗng dưng có một ngày đẹp trời, cán bộ trại giam và Viện Kiểm sát rảnh rang và có hứng cảm làm việc, sẽ lục lại hồ sơ cũ thấy còn một xấp vô tội, bèn cho cán bộ mang giấy vào phòng giam, gọi tên trả tự do.

Riêng "bị can" tôi thì chưa xong phần khai cung. Bằng đi hơn một tháng không thấy cán bộ nào gọi ra ngoài hỏi cung (kể từ đợt làm việc với ông Văn phó trại), tôi đã tưởng chuyện khai cung vậy là xong; nào ngờ, đến đầu tháng 8, tôi bị gọi ra ngoài, khai cung liên tục trong suốt nửa tháng với hai anh cán bộ trẻ, cao hơn tôi chừng một vài tuổi, chẳng biết rõ xuất xứ hay chức vụ. Họ không tự giới thiệu trước họ là ai như những cán bộ trước đây từng làm việc với tôi. Đợt khai cung này khá lạ lùng ở chỗ có tới hai cán bộ cùng lúc ngồi đối mặt với tôi, hết người này tra hỏi lại đến người kia chất vấn. Họ bắt tôi khai lại từ đầu đến đuôi những việc mà tôi đã khai cả chục lần với Long và Sơn ở T20 Sài Gòn và ông Văn ở trại này.

(còn tiếp)

CON ĐAU

Thiên hạ vui cười, điên, ghét cả!
Đất trời sụp đổ mà không hay
Nắng tươi biển sắc, lòng mưa gió
Mắt lạc phương đi, tôi giữa ngày.
Trí muốn băng đường, xe chậm chạp
Đau lòng không có cánh mau bay,
Ôm nhìn con dại, điên cuồng nghĩ:
"Đây mắt, đây cằm, đây cánh tay
"Da mềm, tóc mịn, bao hương ẩm
"Ôm ấp trong đêm, quán quýt ngày.
"Lời chim thỏ thê ngoan ngoan thê
"Thần chết mang đi, hẹn một ngày:
"Hai mươi bốn giờ con tắt thở *
"Nghìn năm tro bụi nắm mồ xây?!
"Không, không, Từ-Phụ công minh lắm
"Thấy cả trong ta suốt một đời:
"Rớm khóc bao nhiêu sầu thiên hạ
"Hồn đau đau bể, tiếc sao rơi.
"Đã buồn thân thể con ly loạn
"Tạm sống mà xây chút mộng đời.
"Tô điểm hoa cười, chim riu rít
"Nhìn con tâm cảnh ngát hương tươi.
"Không lẽ ai đem con bão tố

"Vườn tôi chim lạc với hoa rơi?"
Nhìn từng hơi thở, từng hơi thở
Ồn oại thân con, mẹ ghen lời.
Bao nhiêu danh lợi đời cho mẹ
Tay trắng vô danh, trả lại đời!
Cầu xin sinh khí non sông chuyển
Truyền đến thân con chút ấm thôi.
Lời kinh thâm thì theo dòng lệ
Thuốc thấm và kinh thấm âm người.
Một đêm trao đổi: tay Thần Chết
Thả một vầng sao sáng tuyệt vời.

Sáng quá, sáng rồi, tia nắng đẹp
Chiều vào phòng bệnh ánh tươi vui.
Mẹ nhìn con thở giâu sinh khí,
Môi nhợt màu son lại nhoẻn cười,
Mắt trộm thâm đen ngời điện ẩm,
Mẹ cười sung sướng gọi: "Con ơi!"

thơ TÂM TÂN

* Bài thơ của thi sĩ Tâm Tân làm tại Bệnh viện vào ngày 3 tháng 3 năm 1951, sau khi Quy Hồng, người con thứ tư, lúc hai tuổi bị đau nặng. Bác sĩ chẩn đoán nói rằng không khéo cô bé chỉ sống 24 giờ nữa.



Oanh Vũ cứu đàn

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa, bên một sườn núi cao là cụm rừng hoang, lá xanh bao phủ độ vài mươi mẫu đất, đây là nơi trú ngụ của hàng vạn gia đình hươu, nai và chim chóc.

Một buổi trưa hè, vạn vật như bị tê liệt dưới sức nóng của những tia lửa mặt trời thiêu đốt. Chim thú uể oải gần như chết ngạt trong bầu không khí nặng nề oi bức. Tiếp theo đó những ngọn lửa hồng khe khẽ bùng cháy từ góc rừng này qua góc rừng khác. Ngọn lửa độc ác cứ lên cao, lan rộng, bao vây dần dần thú rừng, chim chóc vào những cụm rừng chưa kịp cháy...

Ao nào thay! Những tiếng kêu la thảm thiết, tuyệt vọng vang động một góc trời...

Trước cảnh bi thương, nhìn thấy sự chết chóc đau đớn của

đồng loại, một chiếc chim bé nhỏ trong đàn oanh vũ vụt bay qua làn khói đen nghi ngút làm cho đàn ngạc nhiên và hoảng sợ.

Thì sau đó vài phút, cũng chiếc chim nhỏ bé ấy trở về với một thân hình ướt đẫm, rồi đập mạnh đôi cánh và vung văng cho nước tưới vào lửa.

Chiếc oanh vũ ấy bay đi bay lại nhiều lần như thế. Với năm thân bé nhỏ, với sức lực không bao nhiêu, oanh vũ mệt nhoài, không bay được nữa. Nhưng một lát sau người ta thấy oanh vũ lại làm công việc đã làm...

Cũng khi ấy đứng chơi trên đồi cao, một chủ trại vô tình trông thấy nghĩa cử của oanh vũ vô cùng thương xót,

đem tâm cảm phục, bèn sai người nhà ra cứu lửa và kết quả ngọn lửa bạo tàn kia bị dập tắt.

Khi lửa đã tàn, thú rừng chim chóc kêu nhau trở về nơi quê hương tổ ấm sum họp trong cuộc sống an lành của gia đình thân mến.

Chim Oanh Vũ ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

Thiện Châu

"Trước khi làm phước tứ phương, hãy giúp đỡ cho ngay người ở gần mình đi đã."



TRỞ VỀ MỤC LỤC

NAY VỀ BÊN MẸ TRÔNG LÊN

Con từ rau muối sẵn khoai
Ra rơm bão lũ đợi ngày lớn lên
Rong chơi trên khắp ba miền
Sầu tô mắt mẹ một viên xám thâm

Thân tàn phế phận cát lằm
Đói no nếm trái dập bầm vốn quen
Mẹ từ tro trấu ngói lên
Đàn con bầy đũa thác ghềnh có hay

Con về một sáng mưa bay
Hàng cau rủ bóng gió lay khẽ khàng
Không thuyền rẽ sóng Trà Giang
Màu mây như thể màu tang trắng bời

Con ngồi trong tiếng à ơi!
Chim non há miệng nói lời mẹ ru
Xóm làng vắng tiếng chim cu
Hồn tre bóng sậy mịt mù nẻo mây

Con về trong tuổi thơ ngây
Giàn trầu in bóng cau gầy guộc xưa
Thấy bàn tay mẹ đêm mưa
Sửa chần thúng lỗ như vừa tới qua

Quen tiếng cuộc thuộc tiếng gà
Tiếng mẹ ru giấc tiếng cha dạy rên
Nay về bên mẹ trông lên
Một trời mây trắng bông bành nẻo xa

Tháng Bảy chưa tới mẹ đã
Sẽ cài hoa trắng hay là đỏ đây!

(08/05/2023)

HIẾU TÌNH EM CHẴNG BÉN BỜ

Kể từ em bước vào nhà
Mẹ anh yêu quý cũng là mẹ em
Ba con quanh quẽ bao đêm
Chồng vui xuôi ngược cánh chim hải hồ

Cha đau mẹ yếu em lo
Thuốc thang lăm bận đói no mỗi ngày
Từ quê khô trắng hai tay
Cùng chồng xa xứ chẳng thay đổi lòng

Nóng ngày hạ lạnh đêm đông
Mưa lũ tự nguyện bão giông sẵn sàng
Chẳng cần chồng phải than van
Hiếu thuận thơm thảo tốt chàng đẹp em

Mẹ giờ ngày cũng như đêm
Về thăm anh chẳng dám thêm một lời
Con dâu hiền đó mẹ ơi!
Sáng lau mặt mẹ chiều lời sẻ san

Bón cơm dâng nước sẵn sàng
Đăm ngày tắm rửa anh càng thấy vui
Dâu cho mẹ đã lẫn rồi
Chửi la vẫn kính kỳ khôi vẫn thờ

Đôi lời xin gửi vào thơ
Hiếu tình em chẳng bến bờ hỡi em!

(07/05/2023)

thơ

LƯU LÃNG KHÁCH

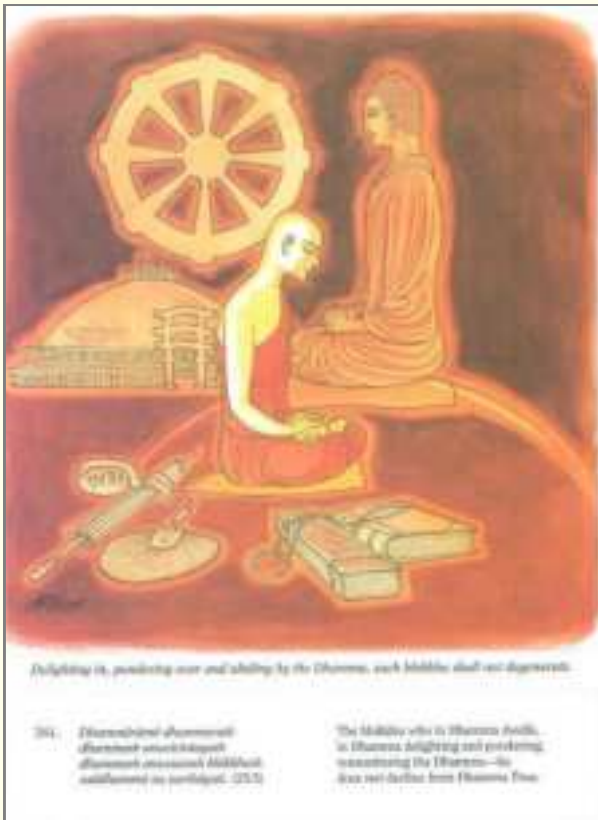
The Story of Thera Dhammarama

Dhammapada, Verse 364

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (364) of this book, with reference to Thera Dhammarama.

When it was made known to the disciples that the Buddha would realize Parinibbana in four months' time, most of the puthujjana bhikkhus (i.e., those who had not attained any of the Maggas) felt extremely depressed and were at a loss and did not know what to do. They just stayed close to the Buddha, hardly ever leaving his presence. However, there was a bhikkhu by the name of Dhammarama who kept to himself and did not go near the Buddha. His intention was to strive most ardently to attain arahatship before the passing away of the Buddha. So he strove hard in Insight Meditation Practice. Other bhikkhus, not understanding his attitude and his noble ambition, misunderstood his behaviour.

Those bhikkhus took Dhammarama to the Buddha and said to the Enlightened One, "Venerable Sir! This bhikkhu does not seem to have any affection or regard or reverence for you; he has been staying by himself while all the time other bhikkhus are staying close to Your Venerable presence." When other bhikkhus had said everything they wanted to say, Dhammarama respectfully explained to the Buddha why he had not come to see the Buddha and also reported that he had been striving his utmost in Insight Meditation Practice.



The Buddha was satisfied and was very pleased with the explanation and conduct of Dhammarama and he said, "My son, Dhammarama, you have done very well. A bhikkhu who loves and respects me should act like you. Those who made offerings of flowers, scents and incense to me are not really paying me homage. Only those who practise the Dhamma are the ones who truly pay homage to me."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 364: The bhikkhu who abides in the Dhamma, who delights in the Dhamma, who meditates on the Dhamma, and is ever mindful of the Dhamma, does not fall away from the Dhamma of the virtuous.

At the end of the discourse Thera Dhammarama attained arahatship.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.